

VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

CÁC CÂY BÚT NỮ HẢI NGOẠI

□ NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC □
PHẠM DUY VÕ ĐÌNH NGUYỄN
MỘNG GIÁC □ NGUYỄN ĐÌNH
HOÀ □ TRẦN DIỆU HẰNG
TRẦM HƯƠNG VŨ THÙY HẠNH
□ VI KHUÊ □ HOÀNG LIÊN □
□ NGUYỄN THỊ NGỌC LAN □
□ NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG □
PHẠM THỊ NGỌC □ ĐÌNH
NGUYỄN □ BÙI VĨNH PHÚC □
□ PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN □
□ NGUYỄN NGỌC THUẬN □
NGUYỄN VĂN

số 2 tháng 3-1986

Số đặc biệt :
NHỮNG CÂY BÚT NỮ HẢI NGOẠI

NHẬN ĐỊNH

- NGUYỄN MỘNG GIÁC 2 Nghĩ về một số nhà văn nữ
hải ngoại hiện nay
NGUYỄN ĐÌNH HOÀ 19 Sự diễn biến của chữ nô
PHẠM DUY 80 Thời kỳ thành lập xu hướng
nhạc tình : Lê Thương
BÙI VINH PHÚC 113 Đọc Lớp Sóng Phế Hưng

TRUYỆN NGẮN CÁC CÂY BÚT NỮ

- TRẦN DIỆU HẰNG 7 Bữa Tiệc
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN 25 Đêm Trắng
VI KHUÊ 38 Ngựa hồng trên đồi cỏ
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC 52 Trên triền dốc
NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG 64 Lỗi thời gian
PHẠM THỊ NGỌC 91 Trên con đường tìm về nhà
NGUYỄN THỊ NGỌC LAN 100 Ngày xót xa đưa

THƠ

- ĐỊNH NGUYỄN 6 Thủy Mạc, Lục bát
VŨ THÙY HẠNH 18 Cỏ Mùa Đông, Thủy Mạc
VŨ ĐÌNH 36 Chuông đồng ba tiếng giống thên
TRẦM HƯƠNG 51 Trái yêu thương thang
NGUYỄN NGỌC THUẬN 61 Nhà đâu ta về, Truyền kỳ

MỤC THƯỜNG XUYÊN

- HOÀNG LIÊN 107 Ánh sáng và bóng tối(5)
NGUYỄN VĂN 117 Thời sự văn học nghệ thuật

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ :ISSN : 0885-128X

Thư gửi quý độc giả dài hạn

Kính thưa Quý Bạn,

Số báo Văn Học quý bạn vừa nhận được là kết quả cố gắng của Ban chủ Biên Văn Học Nghệ Thuật và Văn Học cùng các văn hữu cộng tác suốt 11 tháng qua. Đối với quý bạn đọc đặt mua dài hạn tờ tạp chí này ngay từ số đầu VHNTra tháng 5.1985, chỉ còn một số nữa là hết hạn mua dài hạn năm thứ nhất.

Đối với các bạn mua từ những số sau, số báo cuối cùng hết hạn chúng tôi có ghi trên nhãn địa chỉ dán ngoài phong bì, chẳng hạn nếu trên tấm nhãn có ghi hàng số 567-3-15 có nghĩa là độc giả thứ 567 ấy mua dài hạn đến số 15 (tức Văn Học số 6).

Để Ban trị sự tiện việc cập nhật hoá danh sách mua dài hạn, và để Văn Học có thể tiếp tục đến tay quý bạn hàng tháng, xin quý bạn gửi ngay từ bây giờ chi phiếu đặt mua dài hạn năm thứ hai.

Ban Chủ Biên Văn Học trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của quý bạn trong năm qua, và hy vọng rằng chúng tôi sẽ còn nhận được sự giúp đỡ ấy trong năm thứ hai của tờ tạp chí.

Trân trọng,

Nguyễn Mộng Giác
Nghĩ về một số nhà văn nữ
hải ngoại hiện nay.

Tại sao lại dành riêng một số Văn Học để giới thiệu những cây bút nữ Việt Nam mới xuất hiện gần đây tại hải ngoại ?

Mới thoát nhìn, sự lựa chọn này có vẻ "thời thượng", tẻ hơn nữa, một thứ thời thượng không có gì độc đáo, mới mẻ. Ở Việt Nam trước 1975, các tạp chí văn học vẫn đều đều dành riêng những số đặc biệt cho các nhà văn nữ. Tại hải ngoại, tạp chí Văn của nhà văn Mai Thảo cũng đã dành số 28 (tháng 10.84) cho chủ đề *Văn chương phái nữ. Làng Văn* ở Canada cũng đang làm một việc tương tự.

Nhưng đây là một lựa chọn chẳng đáng dừng, vì sự xuất hiện đông đảo của nhiều nhà văn nữ vài năm gần đây trên diễn đàn văn chương hải ngoại đã trở thành một hiện tượng quan trọng cần tìm hiểu một cách thấu đáo.

Hầu như khắp các toà soạn tạp chí văn chương tại hải ngoại đều nhận ra điều này : là đa số truyện ngắn gửi đến cho toà soạn đều do các cây bút nữ viết, và đa số thơ gửi đến đều từ phái nam.

Chi li đi xa hơn vào nội dung các truyện, lại ghi nhận thêm một điều nữa : truyện phái nữ thường viết về chính cuộc sống lưu vong hiện nay tại hải ngoại, trong khi phái nam thường viết về cuộc sống tại quê hương, trước hoặc sau khi cộng sản xâm chiếm Miền Nam.

Thử kể sơ một số cây bút nữ xuất hiện đều đặn trên các tạp chí hải ngoại, nhất là tại Hoa Kỳ và Canada : ngoài Hoàng Dung và Nguyễn thị Ngọc Liên viết nhiều trên Văn Học Nghệ Thuật bộ cũ (rời về sau xuất hiện ít hần đi), trong ba năm gần đây, bạn đọc đã quen thuộc với các sáng tác của Huyền Châu, Vi Khuê, Lê thị Huệ, Trần Diệu Hằng, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Phạm thị Ngọc, Phan thị Trọng Tuyền, Vũ Quỳnh Hương, Nguyễn thị Bạch Yến, Trịnh Gia Mỹ, Thụy Vi... Gần đây nhất, có thêm Nguyễn thị Hoàng Bắc.

Văn Học 3

Và có truyện đáng lần đầu tiên trên Văn Học số này, với rất nhiều triển vọng về sau, là Nguyễn thị Ngọc Lan.

Nếu so với con số những người cầm bút nam giới xuất hiện cùng thời gian, chúng ta thấy sự chênh lệch rõ rệt.

Do đâu có sự chênh lệch đó ?

Do phái nữ có được nhiều thì giờ dành cho văn chương ? Chưa chắc ! Trong cuộc sống tất bật tại hải ngoại, cả hai phái đều chia đồng đều nỗi vất vả. Không còn nữa rồi, cảnh chỉ cần một người cha người chồng đi làm cũng đủ nuôi cả gia đình, để vợ lo việc bếp núc nội trợ, con cái lo học hành như đời sống tương đối an nhàn ở các đô thị Miền Nam trước 1975. Tại hải ngoại, hai vợ chồng phải đi làm ở hai sở khác nhau, bình đẳng hoàn toàn trong việc uống vợ một ly cà phê loãng, lái xe như điên trên xa lộ, gặm hamburger vào giờ nghỉ, vợ vả dọn dẹp nhà cửa, giặt dĩa vào cuối tuần, ký chi phiếu trả nợ vào cuối tháng... Chẳng những vậy, người phụ nữ tị nạn còn phải lo lắng cho con cái, và việc bếp núc trong thì giờ nghỉ ngơi ít ỏi còn lại.

Nói cho công bằng, về thì giờ dành cho việc viết lách, phái nam còn được thông thả hơn phái nữ

Phải tìm một cách giải thích khác ! Chẳng hạn thử tìm nguồn hứng khởi từ đó tác phẩm văn chương được thành hình.

Hiện nay, văn chương lưu vong lấy hứng từ hai nguồn chính : cuộc sống ở quê hương và cuộc sống ở đất khách. Mười năm lưu vong còn quá ngắn để thế hệ tị nạn thứ nhất quên hết những kỷ niệm êm đềm một thời, hoặc những kinh nghiệm nhục nhằn dưới chế độ cộng sản. Trong mỗi người cầm bút vượt biển đi tìm tự do, luôn luôn có nỗi khao khát được viết ghi lại kinh nghiệm của mình, với tư cách một nhân chứng lịch sử. Đi xa hơn nữa, còn có khát vọng tố cáo trước công luận chế độ đàn áp tự do chà đạp nhân quyền tại quê hương, dùng ngòi bút góp phần vận động cho công cuộc giải phóng đất nước.

Khát vọng đó tự nhiên đặt ra cho người cầm bút một thứ tự ưu tiên, cái gì phải chú ý tới trước cái gì để sau, cái gì phải viết trước. Sống ở hải ngoại, vì ràng buộc cơm áo, họ phải ngày ngày đi cắt cỏ, lau nhà, sơn xe, làm thợ điện, làm thợ lắp ráp, làm ông hàng phở, làm anh thợ may... Họ chấp nhận đổi nghề, vui vẻ làm một người làm công vô danh trong hàng triệu người làm công vô danh. Nhưng ngoài thì giờ dành cho cơm áo, bên trong mỗi người tị nạn đều có một niềm kiêu hãnh không cùng. Hoặc kiêu hãnh vì địa vị chức tước họ có trong quá khứ. Hoặc kiêu hãnh vì có kinh nghiệm sống phong phú. Hoặc kiêu hãnh vì dự phóng phục quốc. Nhiều người tách biệt hẳn hai mặt của cuộc đời lưu vong như một điều tự nhiên, và mặc nhiên cho rằng chính giấc mơ ấp ủ dành cho quê

hương tự do mai sau mới là ý nghĩa đích thực của cuộc đời mình.

Kết quả: là họ không thể cảm nhận bình thường được cuộc sống hiện tại. Đây là tâm cảm của hầu hết những người cầm bút phái nam, nhất là những người cầm bút ở vào lứa tuổi ba mươi trở lên.

Trong lúc đó thì phái nữ cũng như giới trẻ hội nhập vào đời sống mới dễ dàng hơn. Họ không bị phân thân nặng nề như các bạn văn bên phái nam. Họ cũng có ít thì giờ, ít được nhàn nhã mơ mộng. Nhưng nếu có chút thì giờ nào đó dành cho văn chương, thì nguồn cảm hứng tới thẳng từ cuộc sống hồi hối trước mắt. Với sự nhạy bén mẫn cảm cố hữu, cộng thêm với cái nhìn trực diện vào cuộc đời lưu vong, các nhà văn nữ nhờ đó đã viết được những truyện ngắn hết sức phong phú về nội dung, và uyển chuyển tài tình về hình thức.

Chưa hết ! Sự xuất hiện của mỗi nhà văn nữ vài năm gần đây thường đột ngột, bất ngờ, và giống như cây cối đột ngột đâm chồi xanh tươi ngay sau khi băng giá tan, truyện của họ gây kinh ngạc khâm phục ngay từ bản thảo đầu tiên. Họ không cần thời gian tập sự. Phạm thị Ngọc trở thành nhà văn ngay từ khi truyện ngắn *Nỗi Buồn* xuất hiện trên tạp chí Văn số 16. Vũ Quỳnh Hương chỉ cần một truyện ngắn *Vận tốc trung bình*, Trần Diệu Hằng chỉ cần truyện ngắn *Chuyến xe về làng Đại Từ*, Phan thị Trọng Tuyền chỉ cần *Bóng đêm cuối cùng* đã đủ "tín chỉ" để được công nhận là một cây bút nhà nghề.

Vẫn chưa hết ! Sức sáng tác của các nhà văn nữ xuất hiện gần đây dồi dào chưa từng thấy. Huyền Châu, Lê thị Huệ, Nguyễn thị Ngọc Nhung, Trần Diệu Hằng, Phan thị Trọng Tuyền, Thụy Vi...giờ tờ tạp chí văn chương nào cũng bắt gặp tên các tác giả này, mỗi người tạo ra được một thế giới, một khí hậu văn chương riêng.

Theo ý kiến của nhiều nhà văn uy tín am tường sinh hoạt văn học hải ngoại, thì những cây bút nữ tạo được một văn phong cá biệt và mau chóng có vị trí ổn định trong sinh hoạt văn học gần đây, về văn xuôi, phải kể tới Huyền Châu, Lê thị Huệ, Trần Diệu Hằng và Phan thị Trọng Tuyền. Có người còn cho rằng : Nếu 1984 là năm của Trần Diệu Hằng, thì 1985 là năm của Phan thị Trọng Tuyền. Nhận định ấy không có gì quá đáng !

Đọc truyện các nhà văn nữ viết gần đây trên các tạp chí hải ngoại, chúng ta còn ghi nhận được một số nét chung

Chẳng hạn sự phân thân đau đớn giữa quê nhà và quê người (từng là động cơ sáng tạo của nhiều nền văn chương lưu vong trên thế giới, từng làm chín nhiều tài năng mà cũng từng làm tắt một số

Văn Học 5

tài năng) sự phân thân ấy, các nhà văn nữ biết thu hẹp lại vừa tầm, qua những tâm tình lưu lạc của người bị sống lơ lảo trong một nền văn hoá khác.

Người ta vẫn nhắc đi nhắc lại hoài về sự va chạm giữa hai nền văn hoá. Ý niệm trừu tượng này, dưới ngòi bút các nhà văn nữ, trở nên sống động, cụ thể.

Một ghi nhận khác là bút pháp của các nhà văn nữ hiện tại có nét cá biệt khác với những nhà văn nữ đã thành danh trước 1975. Trong lời viết của các nhà văn nữ hải ngoại xuất hiện gần đây, ít khi chúng ta tìm thấy những khám phá táo bạo, những từ ngữ lóng lánh sắc sỡ như trong văn Nguyễn thị Hoàng, Túy Hồng trước đây. Lời văn trong văn chương phái nữ hải ngoại hầu hết đều đơn giản. Cá tính của mỗi người thể hiện ở lối cảm nhận đời sống, hoặc ở không khí truyện, chứ không phải ở lối dùng chữ. Đọc một đoạn truyện mười dòng của Nguyễn thị Hoàng, Túy Hồng, Trùng Dương...chúng ta nhận ra được tác giả. Nhưng đọc một đoạn ngắn của Nguyễn thị Ngọc Nhung, Trần Diệu Hằng, Phan thị Trọng Tuyên, Lê thị Huệ...chúng ta chưa thể nhận ra được đoạn văn ấy của ai. Phải đọc nhiều hơn, đến lúc ý tưởng xúc cảm thu nhận qua lời văn đủ tạo một khí hậu, chúng ta mới nhận biết.

Tuy vậy, vẫn có những trường hợp riêng rẽ cho những cây bút nữ trẻ tuổi trưởng thành ở xứ người. Những cây bút trẻ tuổi này có lối viết phóng túng, gọn và sắc, sử dụng nhiều đối thoại, câu văn chen lẫn nhiều tiếng ngoại quốc. Lối dựng chuyện của họ thật bạo, phá cách, ngổ ngáo, đột biến, tạo hẳn một phong thái riêng.

Một số truyện của Lê thị Huệ, Vũ Quỳnh Hương, Phạm thị Ngọc thuộc lối này.

Sức lôi cuốn của những truyện do các nhà văn nữ hải ngoại viết ra lớn lao đến nỗi một lần nhà văn Mai Thảo bảo rằng *Văn chương lưu vong chủ yếu là văn chương nữ giới, chỉ còn là văn chương nữ giới.*

Mặc dù lời phát biểu trên phần nào do lòng tán thưởng nồng nhiệt của nhà văn Mai Thảo đối với một số khám phá mới, nhưng xét cho cùng, không phải là không có phần xác thực.

Bây giờ hãy còn quá sớm để tiên đoán từng nhà văn nữ sẽ còn tiến tới đâu, cũng như hiện tượng nhiều nhà văn nữ ồ ạt xuất hiện trên văn đàn báo hiệu điều gì. Nhưng một hiện tượng như vậy, giữa lúc văn hoá Việt Nam đang cố thoát khỏi nguy cơ đồng hoá tại xứ người, là một dấu hiệu đáng mừng.

Nguyễn Mộng Giác

Định Nguyên

Thủy Mạc

Chập chùng mây nhớ đèo cao
Thông chênh vênh hát biển dào dạt xanh
Gọi nhau thác đổ đầu gành
Khe sâu vọng tiếng buồn tênh giọt chiều

Lục Bát

Cho tôi thấy cánh cò quen
Rủ nhau qua cánh đồng chiêm nước về
Cho tôi làn gió ngoài đê
Gheo em thuở đỏ tóc thề ngang vai
Cho tôi thương chéo áo dài
Vân về từ độ lòng ai biết buồn
Cho tôi vạt nắng rung rung
Bếp tranh ươm khói cánh đồng mù sương
Cho tôi phượng đỏ sân trường
Trăm ngày xa cách nhớ nhưng trăm ngày
Cho tôi cầm nhẹ bàn tay
Thương nhau thương cả vết chai mùa màng
Cho tôi đáp chuyển đồ ngang
Trăng về một dải sông vàng tương tư
Cho tôi mách lẻo hàng dừa
Kể cho gió biết ai đưa ai về
Cho tôi xào xạc bờ tre
Nói giùm lời hẹn câu thề mai sau
Cho tôi cao vút hàng cau
Gầy vì thương nhớ dây trầu chưa lên
Cho tôi đom đóm làm đèn
Đủ soi má lúm đồng tiền thơ ngây
Cho tôi xanh đậu mồng tơi
Bát canh cua ngọt một đời yêu nhau

Trần Diệu Hằng

Bữa Tiệc

Vũ tần ngần trước cánh cửa đóng kín khá lâu. Bàn tay chàng giơ lên nửa chừng lại buông thõng xuống. Vũ bối rối. Chàng càng bực bội thêm vì nhận ra sự ngập ngừng của mình.

Có lẽ chàng nên gõ cửa, rồi ló đầu vào một cách... âu yếm: “Thủy ơi, anh nhờ chút xiu!”, hoặc hất hàm một cách thân mật và... trề trung: “Ê, bồ. I need your help!”

Không. Không kiểu nào hứa hẹn sẽ có... kết quả. Thí dụ nàng nghiêm trang và nhạt nhẽo ngẩng lên nhìn chàng chờ đợi, chàng sẽ nói những gì... đã chuẩn bị sẵn. Thủy sẽ trả lời như chàng đã có thể đoán trước. Vậy rồi chàng sẽ làm gì tiếp, nói gì nữa? Mọi sự sẽ có thể xáo trộn, vỡ tung; nhưng cũng có thể sẽ cứng đờ, lạnh ngắt, ở nguyên cái thế gượng ép đã có từ nhiều ngày nay. Giây phút này, mọi sự tất nghẽn ở sự... “có thể” mơ hồ đó; Vũ chưa, hay không muốn nghĩ đến cách giải quyết.

Vũ bỏ đi. Chàng xuống thang lầu, ra ngồi trên chiếc ghế sofa ngoài phòng khách châm thuốc hút. Nhưng Vũ không thể ngồi yên. Tiếng dao băm trên thớt, tiếng soong nổi chén bát chạm vào nhau, dù người làm việc có ý nhẹ nhàng, vẫn làm cho Vũ bứt rứt xốn xang.

Vũ đập tắt điều thuốc. Chàng vào bếp, đến bên mẹ:

— Má cần con giúp gì không?

Bà Năm đưa bàn tay đang cầm con dao to bản lên, dùng cườm tay đẩy lại cặp kiếng rơi xệ trên sống mũi, rồi bà ngó Vũ mỉm cười:

— Con biết làm gì đâu nói má nghe coi?

Vũ so vai, cười:

— Thì...; má biểu cái gì con làm cái đó. Coi để ọt mớ. Để con băm sả cho.

Làm như không nghe thấy lời Vũ, bà Năm tiếp tục di chuyển con dao to bản trên thớt gõ một cách điệu nghệ; những cọng sả đã được cắt thành những khoanh tròn mỏng dần nhỏ nhuyễn dưới

Văn Học 8

những nhát xấn đều đặn sít khít. Bà hạ giọng, hỏi nhỏ:

— Vợ con... nó vẫn ở trên hả?

Vũ lúng túng giải thích:

— Thủy đang mắc... kỳ thi giữa khóa má. Cô ấy... học chăm lắm.

Bà Năm thở dài rất nhẹ, nhưng Vũ nghe rõ, và có cảm tưởng như tiếng thở ấy xuyên suốt vào lòng chàng.

— Ờ, thôi để cho nó học con. Nhưng dù gì thì lúc mấy bạn của ông già tới, con cũng nhớ kêu nó xuống chào hỏi cho đàng hoàng.

Vũ làm ra vẻ sốt sắng:

— Dạ, cái đó thì chắc rồi má.

Bà Năm thủ thủ:

— Ông nôn trong dạ dữ lắm. Cái cây đòn kim lau thôi, ngày mấy lượt. Tới đổi coi nó bóng lộn mà còn chưa vừa lòng xứng ý. Đâu phải dễ mà tụ hội được bằng đó anh chị em trong gánh hát ngày xưa? Trời ơi, thối thoát mười năm, mỗi người tan tát một phương, tưởng hổng bao giờ còn gặp lại...

— Dạ.

— Con biết không, ông mới viết được sáu câu vọng cổ để mừng ngày hội ngộ, hay lắm nghe. Sáu câu này mà để cô Kim Hường ca thì mùi... can không nổi. Tới má cũng còn nôn nghe nữa là ông già con. Bởi vậy, giờ này ông cũng còn lui cui trong phòng là để vừa đòn vừa ca thử chớ hổng gì khác hơn hết á. Con còn nhớ cô Kim Hường không? Cô đào chánh của gánh Chuông Vàng đó?

Vũ hơi nhú mày:

— Dạ,... con nhớ rồi. Cổ khá đẹp, hay cho con tiền lẻ để mua kẹo, phải không má?

Bà Năm cười thích thú:

— Ờ, cổ đó. Con có trí nhớ tốt ghê à nhen. Trong đám đào kép nhạc công, chỉ có cổ là tốt phước nhưt. Lấy chồng quan tước đàng hoàng rồi lại theo chồng đi qua bên này từ 75. Cô Ngọc Huệ thì cũng... sướng vậy, nhưng mà má nghĩ là cổ chỉ sướng vật chất thôi. Lấy chồng người Pháp, nó đâu biết nghe vọng cổ? Vậy con còn nhớ chú Sáu Túng, chú Chín Trích hông?

Vũ mỉm cười:

— Tên của mấy chú thì con nhớ. Nhưng còn mặt mày mấy ông ra sao thì con chịu! Lúc cận kề mấy cô mấy chú thì con còn nhỏ, khi lên tỉnh ở với bác Hai rồi con ít có gặp; một năm... chừng một, hai lần, có khi không. Mà đi khỏi Việt Nam thì đã mười năm rồi, cái gì con cũng chỉ còn nhớ mãi mại thôi má.

Bà Năm đưa cọt với một vẻ trách móc nhẹ nhàng:

— Cha! May mà con còn nhớ bảo lãnh ba má qua đó ghen.

Rồi bà kể lễ:

— Chú Chín Trích thì sau 75, rã gánh rồi là chú bỏ tỉnh đi lang bạt kỳ hồ, tưởng chết đâu mất tiêu, ai ngờ cũng dợt qua tới đây được, thiệt là giỏi quá chừng. Chú Trích tài hoa, dễ thương, mà chỉ không ưa cái tỉnh tỉnh trắng hoa ong bướm. Già đầu rồi mà vẫn cả nhõng, không chịu có vợ con gì hết trơn. Còn gia đình chú Sáu Tủng thì vượt biên mấy lượt với ba má không thành, rốt cuộc người nào lo phận nấy. Vậy mà rồi Trời thương Phật độ, đi trước đi sau gì cũng trót lọt. Mỗi người một cảnh, cũng may có ông bầu Cang làm mối giấy liên lạc, vậy mới có ngày hôm nay...

Vũ nghe chuyện với một đôi tai lơ đãng. Không phải chàng quá hồ hững với những người bạn của cha mẹ, nhưng dường như tâm hồn chàng xốn xang, buồn bã, và lo âu một cách khó hiểu. Dường như Vũ mong gặp những người khách sắp tới; nhưng dường như cùng lúc, Vũ lại chán ngán họ. Có một cái gì không phải, đe dọa. Có một cái gì hụt mất. Thủy? Phải rồi. Nhưng Vũ không muốn xác nhận “nó”, điều đó, sự việc Thủy không thích thú lắm về bữa tiệc tối nay.

Chàng đột ngột cắt ngang câu chuyện của mẹ bằng một đề nghị ân cần:

— A, hay là con dọn bàn ăn cho má?

Bà Năm nhìn lên chiếc đồng hồ treo trên mặt tường đối diện:

— Ờ, quên nữa. 5 giờ chiều rồi chờ ít ỏi gì? Con dọn bàn đi. Nhớ sắp đủ chén đũa cho 5 người khách, cộng với nhà mình nữa là 9. Sắp ly uống rượu nữa nghe con. Mà đừng quên giấy ăn à nghe...

Vũ bước qua phía trái, với tay lên mở cánh cửa tủ đựng chén bát. Chàng thấy cần phải trấn an mẹ trước khi bà dọn đồ nhiều chi tiết hơn:

— Được rồi má. Con biết mà.

*
* *

Phòng khách của căn nhà trở nên chật hẹp sau khi mọi người tới đông đủ. Cô đào chánh Kim Hường trong trí nhớ lơ mơ của Vũ có mái tóc dài xõa vai, thân hình mảnh dẻ tha thướt; bây giờ là một... bà nạ dòng mập ú. Vũ ước tính cô phải ở tuổi bốn mươi đến bốn lăm, vì năm chàng lên mười, cô đã hai mươi mấy. Thân hình mất sạch nét xuân sắc, nhưng gương mặt cô vẫn còn lưu lại được nét đẹp của một thời. Đào Ngọc Huệ thì “thanh tao” hơn về vẻ người, nhưng nét mặt đậm, mà không nổi như Kim Hường. Nếu so sánh tổng quát 2 người đàn bà, Ngọc Huệ có vẻ quyến rũ một cách buồn bã, mà Kim Hường thì lộng lẫy tươi mát. Cả hai đều chung diện, nhưng trong con mắt thẩm mỹ khá... thời đại của Vũ, chàng thấy y phục của hai cô vẫn còn chịu ảnh hưởng khá nhiều

màu sắc của những bộ quần áo... cái lương.

Chín Trích bảy giờ là một người đàn ông trung niên tóc đã lốm đốm bạc. Vũ cố nhìn kỹ ông ta để tìm dấu vết cái nét "trăng hoa ong bướm" như mẹ chàng đã phê bình, nhưng chàng chỉ thấy một cách toàn diện, trên khuôn mặt đã có nhiều nếp nhăn đó, những nét khắc khổ và mệt mỏi. Duy có đôi mắt, thỉnh thoảng ngời lên những tia lấp lánh, biểu hiện cho niềm đam mê vẫn tiềm tàng.

Sáu Tủng có một bề ngoài... ồn ào lí lắc, khác hẳn bà vợ ông nhu mì khép nép. Ông ta có thói quen thỉnh thoảng rướn người lên, hoa tay, hoặc xoay mình bên trái, bên phải như để diễn tả cho câu chuyện thêm phần... đậm đà.

Vũ nhận ra rằng cha chàng, ông Năm Sang, vẫn có vẻ điềm tĩnh nhất, phong độ anh cả nhất. Trong lúc đi bên cạnh cha, dưới cánh tay gầy guộc khẳng khiu âu yếm quàng trên vai chàng, để được ân cần giới thiệu với từng người, để được nhận những ánh mắt vui mừng, thân thiện, trầm trồ, bỡ ngỡ, hoặc ngạc nhiên, những lời chào đón thiết tha thương mến; Vũ bỗng nhiên cảm thấy tâm hồn chàng tràn ngập một cảm giác hết sức quen thuộc. Dường như chàng đã từng sống những giây phút này, trong một khung cảnh y hệt. Cũng bước đi, cũng cười nói, những khuôn mặt này chàng đã phải trông thấy, không khí này chàng đã phải trải qua.

Và đột nhiên, Vũ nhận ra rằng chàng đang nhớ lại thời tuổi nhỏ. Từ lúc chập chững biết đi cho đến tuổi lên mười, Vũ theo cha mẹ sống lẫn lộn với gánh hát. Chàng thường được những đào kép nhạc công trong gánh bồng chèo tay, hoặc bẹo má nựng nịu.

— Ủa, vậy chứ anh chị nói thẳng Vũ đã có vợ, mà vợ nó đâu hổng thấy cà?

Câu hỏi của cô Kim Hường làm Vũ giật mình. Chàng có ý đợi Thủy nãy giờ. Vũ đã dặn Thủy quãng 6 giờ, 6 rưỡi là cùng, Thủy nên có mặt để chào hỏi khách của ông bà Năm. Chàng liếc nhìn lên cầu thang, đáp vội:

— Dạ thưa cô, Thủy xuống bây giờ đó, vợ con đang mắc... học thi.

— Vậy à.

Hai tiếng "vậy à" của cô Kim Hường hơi kéo dài hơn bình thường. Có thể đó chỉ là thói quen... diễn tuồng của cô, nhưng Vũ thấy nhột nhột. Chàng có cảm tưởng cô hơi ngạc nhiên, thất vọng, hoặc có ý chê trách mỉa mai?

Cô Ngọc Huệ hỏi tiếp:

— Vợ con học ngành gì vậy Vũ?

— Dạ y khoa.

Cô Kim Hường trầm trồ:

— Cha, mừng anh chị Năm. Chị nói thẳng Vũ thi cử nhân... gì,

kinh tế hả? Con dâu thì học bác sĩ. Anh chị đoàn tụ với con với dâu như vậy là nhất trên đời chứ hổng ai bằng nữa nghen.

Chú Chín Trích quãng vai Vũ:

— Vậy là con qua mặt chú hông... bóp kèn. Mới ngày nào nhỏ xiu, ngồi trên cổ chú mà giờ gặp lại đã... có vợ. Trời ơi, coi vậy mới biết bọn mình già hết rồi.

Chú Sáu Tủng cười hăng hắc:

— Vậy chứ ai đâu như anh? Ể dài, hổng bà nào thềm lấy.

Bà Năm được dịp nhắc nhở:

— Chú Chín làm sao chứ hông thôi thằng Vũ nó có con trước chú à nhe. Hồi đó tui giới thiệu cô Sáu Cầu Kiệu hông chịu. Cứ chê cổ quê hoài. Thời buổi xã hội chủ nghĩa mà còn ham kén lắm. Vậy cho nên giờ mới thui thủi một mình.

Chú Chín Trích gân cổ:

— Xời! Lấy vợ thì phải sanh con, rồi mới làm sao đi vượt biên đây? Đi một mình còn muốn thấy ông bà ông vải luôn. Em mà nghe chị hồi đó chắc giờ vẫn còn ở đẳng.

Bà Năm ứ hự, nhưng vẫn chống chế:

— Thi... cũng thiếu gì người dẫn con nhỏ đi chứ bộ.

Ông Năm cắt ngang câu chuyện bằng cách quay sang bảo Vũ:

— Con kêu vợ con xuống đặng bắt đầu buổi tiệc đi con.

Trên đường bước lên thang lầu, Vũ nghĩ tới những điều chàng cần phải nói với Thủy. Nàng nên tỏ ra tôn trọng chàng và cha mẹ chàng hơn. Thủy đã hai mươi hai, đã là đàn bà có chồng; nàng không còn là một thiếu nữ mới lớn ăn chưa no lo chưa tới. Nàng phải nên hiểu rằng cha mẹ chàng đã có tuổi, phong tục Á Đông vẫn còn quan trọng đối với ông bà. Mà nếu không vì những điều cổ xưa đó, thì cũng vì... phép lịch sự, nghĩ tới người khác sống chung dưới một mái nhà. Vũ muốn chàng giận dữ nhiều hơn sự cần thiết để khi chạm mặt Thủy, cơn giận xẹp xuống là... vừa. Chàng vốn ít khi nặng lời với người khác.

Cánh cửa phòng mở ra vừa lúc Thủy bước tới. Nàng mặc quần jean, áo thun trắng, trang điểm qua loa. Thủy không đẹp. Trông nàng thông minh, mặt mũi sáng láng nhưng tẻ ngắt. Thủy cười hờ hợt, nên nàng không cười coi được hơn. Thủy dong dỏng cao, nhưng tay chân cứng quèo. Vũ không thấy hấp dẫn bởi nhan sắc của vợ. Chàng cũng không hợp cả tính tình. Vậy mà hai đứa ập vào nhau.

Vũ lên giọng tức tối:

— Anh đã dặn rồi mà sao em trễ dữ vậy? Để anh phải lên gọi, bà má không vui chút nào.

Thủy cau mày, nhưng nàng khỏa lấp đi bằng một nụ cười mỉm:

— Bài nhiều quá. Thì... xuống bây giờ đây.

Vũ không có thời giờ để cần nhân thêm vì Thủy không ngừng bước. Nàng ra khỏi phòng.

Cả hai song đôi đi xuống lầu. Vũ cầm tay vợ cho ra về mùi. Chẳng không bao giờ muốn nhìn nhận sự “thất bại” của mình.

Thủy chào hỏi mọi người một cách lịch sự... vừa phải, nhưng so với lời ăn tiếng nói ồn ào và thái độ vui mừng tới mức vồ vập của mọi người, nàng như một củ khoai sượng, nằm buồn bã giữa một đám khoai lùi chín ngon lành. Nghĩ cho cùng, cũng tội nghiệp; nàng là người duy nhất xa lạ với đám đông chung quanh.

Dường như sự hiện diện của Thủy có làm cho không khí tung bừng của buổi tiệc khựng lại chút đỉnh. Nhưng rồi niềm vui và những câu chuyện trăng gió đại hải mỗi người tranh nhau kể đã ào tới khỏa lấp. Rượu vào lời ra, Chú Chín Trích và Sáu Tưng đưa nhau mời ông Năm Sang:

— Vô, vô nè anh Năm.

— Vô nữa đi anh Năm.

Chú Chín Trích bắt giọng ngâm điệu:

— Một chung mừng đãi bạn hiền. Hai chung ta lại... làm liền cho vui.

Chú Sáu Tưng giọng cao ly:

— Cuộc đời sóng gió bể dâu. Thoát rồi ách Cộng lại châu một nhà. Vô, Vô nữa đi anh Năm. Vô đã rồi mình đờn cho mấy cổ hát. Hết như ngày xưa vậy anh Năm. Xin lỗi chị Năm nhen. Bữa nay là chị phải cho anh em tụi tui uống xả ga.

Bà Năm cười:

— Xin gì tui? Xin bà xã chú kia kia. Thiêm coi chừng, chớ rồi còn phải lái xe về nữa đó.

Bà vợ chú Sáu Tưng chỉ cười mím chi, nhỏ nhẹ nhắc chổng:

— Anh nghe chị Năm nói không?

Hai cô Ngọc Huệ và Kim Hường cũng uống rượu, nhưng so với nhịp độ “vô” của các ông, mấy cô chỉ được coi là nhấm nháp chút đỉnh. Dù vậy, men rượu cũng làm cho họ vui vẻ và hoạt bát hơn trước. Ngọc Huệ mất hẳn vẻ buồn bã. Đôi mắt cô long lanh. Cô cười ngật nghễo vì bất cứ câu khôi hài nào, dù đôi khi Vũ không thấy câu nói đáng được...tán thưởng bằng một trận cười ghê gớm đến độ đó. Cô Kim Hường ít cười hơn, nhưng không phải vì cô kém vui mà vì cô mắc... pha trò cho cô Ngọc Huệ cười. Bà Năm thì luôn tay tiếp đồ ăn cho mọi người, trừ... cô con dâu. Thủy coi bộ... nghiêm trang nhất. Nàng ăn chậm chạp, thỉnh thoảng cười... góp một cách có lẽ. Nàng hoàn toàn ở ngoài đám đông này, Vũ nghĩ. Chẳng hơi ái ngại cho Thủy, nhưng chẳng hết sức tiếc rằng tại sao nàng không thấy không khí này thật thoải mái,

tự nhiên, và vui vậy? Sự ái ngại cho Thủy làm Vũ chùng xuống hẳn. Đáng lẽ chàng cũng sôi nổi giống hót với mấy ông chủ bợm nhậu.

Ông Năm uống tràn, không từ chối một ly nào của hai tay em mời mọc. Nhưng ông càng uống càng tỉnh.

Rồi giây phút chờ đợi cũng tới. Nhắm chừng sau khi mọi người đều đã lửng bụng, Ông Năm mới trịnh trọng đứng lên:

— Tôi có soạn 6 câu vọng cổ mừng ngày gia đình chúng tôi được đón tiếp các anh chị em; nói chung, là ngày chúng ta cùng được gặp lại nhau sau biết bao năm tháng xa cách, đổi dời. Bữa nay, chúng ta sẽ đờn hát với nhau, tới khi nào... mệt nghỉ! Đồng ý không?

Cả đám người đã luống tuổi dạ rân lên như mười mấy năm xưa, họ đứng sau cánh màn nhưng ứng tiếng làm quân sĩ đáp lời gọi của vị tướng quân oai hùng bước lại ngoài sân khấu.

Chú Chín Trích lui cui mở hộp đựng đàn đem theo. Vũ không khỏi xuýt xoa khi nhìn thấy cây đàn:

— Trời, chú đi vượt biên mà đem theo được cây đàn này sao chú?

Người đàn ông cười, hai khoé mắt ông ta đã có nhiều nếp nhăn:

— Vật gia bảo của chú mợ. Vợ không có mà có cây đàn. Tao trả một giá đắt lắm cho nó chứ không ít đâu.

Chú Sáu Tăng mặt mày buồn xo:

— Bữa nào em lên phố Tàu kiểm coi nó có thứ gì biến chế thành cây đờn cỏ của mình không. Tự vì cái bà này nè, nhất định hông cho tui đem theo cây đờn...

Vũ mỉm cười. Chàng thấy những người bạn của cha mẹ chàng tuy đã lớn tuổi vẫn hồn nhiên như trẻ thơ. Vũ nghĩ có lẽ chính cái thứ âm nhạc họ đã theo đuổi gần hết một đời, chính cái không khí thơ văn tuồng tích và nếp sống nghệ sĩ trôi nổi với nhau trong suốt một thời gian dài đã tạo cho họ cái vẻ hồn nhiên kỳ lạ đó. Về hồn nhiên làm mới lại con người sau những đau khổ triền miên.

Ông Năm đưa mấy tờ giấy chép 6 câu vọng cổ cho cô Kim Hường:

— Đây, hai cô coi rồi chia nhau mỗi người hát một phần cho vui. Trong khi mấy cô chuẩn bị thì anh em tui cũng so dây so phím cho đàng hoàng.

Chú Chín Trích vác cây lục huyền cầm lại gần ông Năm. Trông chú rạng rỡ hẳn lên và Vũ thấy sự mê say như thấp sáng khuôn mặt khắc khổ còn đây những nét mệt mỏi lúc đầu của chú.

Hai cô Kim Hường và Ngọc Huệ cúi vào nhau thăm thì bàn tán. Bà Năm hớn hờ đợi chờ. Thủy ngồi cạnh những người đàn bà; cách Vũ ba ghế; nàng lơ đãng ngó lên trần, thỉnh thoảng điểm

một nụ cười mỉm nhạt nhẽo. Vũ cố tình ngó vợ để đợi gặp ánh mắt nàng; chàng ngoắc tay ra hiệu cho Thủy đến ngồi trên chiếc ghế của chú Chín Trích vừa bỏ trống, chiếc ghế sát bên cạnh chàng. Nhưng Thủy nhún vai, lắc đầu từ chối. Vũ thôi... cố gắng. Đôi khi, chàng thấy chỉ cần Thủy đáp lại một phần mười sự ấm áp của chàng, cả hai cũng sẽ hạnh phúc hơn nhiều.

Tưng từng từng từng từng; hai tiếng đàn vang lên, hoà vào nhau một đoạn ngân ngui. Ông Năm hắng giọng:

— Rồi chưa, mấy cô?

— Dạ rồi.

— Vô nè nghe.

Tiếng cô Kim Hường cất lên lạnh lót:

— *Bạn hiền ơi thấm thoát mười năm bèo dạt mây trôi, hoa sầu lá úa, tưởng không mong chi ngày gặp gỡ ngò đầu hôm nay ta còn có phút tao σ... σ phùng....*

Trừ hai ông nhạc sĩ... mắc đờn và cô Kim Hường đang thổi giọng, tất cả mọi người vỗ tay bôm bốp. Bản vọng cổ trôi đi, tha thiết, mùi mẫn. Cô Ngọc Huệ ca nửa phần sau. Giọng cô đậm đà, trầm hơn tiếng lạnh lảnh của Kim Hường, giống hệt như dung nhan cô vậy. Cô ca với hết cả tâm hồn. Văng trán cô nhui lại ở những đoạn bi ai, đôi môi cô uốn éo da diết, thậm chí có lúc bệu bạo như mếu.

Đột nhiên, Vũ lại thấy cái cảm giác quen thuộc hồi nãy, trong lúc chàng bước đi giữa đám khách lên tiếng chào hỏi. Rồi lơ mơ trở lại trong trí chàng, cảnh hậu trường sau khi phiên hát đã rã, ngổn ngang những tấm phông phong cảnh, những quần, những áo kim tuyến lóng lánh đủ sắc màu. Chàng mừng rỡ tượng thấy quăng đất trống bên cạnh bờ sông tỉnh lỵ nơi sân khấu gánh hát được dựng. Chàng mừng rỡ tượng thấy khuôn mặt một thằng bé trai lên sáu, lên bảy, đứng nép một bên cánh màn nhung nhìn xuống dưới khán giả, miệng lỏn lỏn cười. Chàng nhớ lại hình ảnh nhạc sĩ đờn kìm lên mười, niềm hãnh diện của gánh hát, cúi chào khán giả trong tiếng vỗ tay rào rạt. Chàng nhớ tới những buổi tối ngồi thu lu trong sân nhà bác Hai, lắng nghe phản phát thanh chương trình cải lương có cha chàng tham dự — *Đây, ban ca kịch Chuông Vàng với các cô Kim Hường, Ngọc Huệ, các kép Mạnh Hùng, Tân Sang, phần nhạc đệm với Sáu Tủm đờn cò, Năm Sang đờn kìm và Chín Trích đờn lục huyền cầm, xin kính chào quý vị thính giả...* — Chàng nhớ những lần khăn gói bịn rịn xe đò, những đón đưa ở tỉnh này, quận nọ. Rồi chàng nhớ ngày chuẩn bị thi Tú Tài I, cha chàng ân cần đặt tay lên vai con trai — *Con à, giờ con đã lớn, ba có thể nói cho con hiểu nguyên do thiệt sự tại sao hồi đó ba cần ngang cái phứt chuyện con học đờn, rồi gửi con đi trọ học tặn trên Sài gòn*

với bác Hai. Con là một đứa nhỏ có năng khiếu nghệ thuật, nhưng ba không muốn cho con theo đuổi cái nghề bạc bẽo này. Vui thì vui thiệt, nhưng cũng lắm phong trần. Đời ba đã kiếp tầm nhả tơ, ba không muốn con rồi cũng lây lây theo gánh hát. Con răn học hành đồ đạt, đó là kỳ vọng của đời ba — Rồi chàng nhớ trong cơn hỗn loạn tháng tư bấy lăm, bác Hai thúc sau lưng chàng — *Đi trước đi con, ba má mày sẽ theo sau. Thời buổi này kẹt đường kẹt chợ, chờ biết tới chừng nào; mà tao hổng đành bỏ mày ở lại một mình* — Năm đó, chàng mười tám tuổi. Chàng nhớ, và chàng sống lại những giây phút ấy, tuần tự một dòng.

Bản vọng cổ chấm dứt, mấy giây đồng hồ sau Vũ mới nhận ra. Chàng vội vã vỗ tay theo mọi người. Bỗng cô Ngọc Huệ đứng dậy:

— Ca tuồng *Cô bán đèn lồng* đi mấy anh. Trời ơi thêm ca muốn chết luôn. Anh Sáu nhớ đoạn kếp Mạnh Hùng hỏi cô bán đèn hổng?

Chú Sáu Từng cười:

— Tuồng đó diễn cả trăm lần ai mà hổng nhớ? Tui nói lối rồi cô vô xàng xê há?

Chú hắng giọng:

— *Hỡi cô đi bán đèn lồng. Đèn lồng cô bán má hổng bán chưa?*

Cô Ngọc Huệ ra bộ lớn lên:

— *Đèn lồng đã có người mua. Má hồng em chưa bán còn chờ đợi... anh. Đến năm em mười tám tuổi... thì khói chinh chiến bay vùng lên, máu đổ cái đầu rơi. Về quê em tìm nơi làm ăn, cùng cha mẹ ra ngoài thành thị, nên mấy năm rồi, em không còn bán đèn...*

Vũ nôn nao theo với sự say sưa của mọi người. Có một cái gì mời gọi, quen thuộc, trốn ẩn ở trong Vũ. Nghe tiếng hát của cô Ngọc Huệ, Vũ hình dung ra đời sống của cô bên người chồng không nói chung tiếng mẹ. Vũ cảm thấy một cách rõ ràng sự dồn nén, tắc nghẽn của niềm đam mê được cất tiếng nỉ non. Vũ không hiểu và không biết tại sao cô chọn đời sống đó, nhưng đột nhiên, chàng nghe tha thiết thương cô một cách... ngang xương. Chàng thương luôn hết thấy đám nghệ sĩ luống tuổi, trong đó có cha mẹ chàng, đang cười nói, hát hò mê man. Trông không gian tràn ngập niềm vui của họ dường như có man mác một nỗi ngậm ngùi.

Vũ ngó chừng Thủy. Chàng biết nàng không khoái vọng cổ chút nào. Thủy nói cổ nhạc nghe buồn muốn rục xương. Vũ cho rằng mỗi người có một ý thích riêng, tuổi trẻ trăm đứa không tìm được một thích nghe cổ nhạc; ngay đối với chàng, đã có chút kiến thức và năng khiếu về cổ nhạc từ thuở nhỏ, thứ âm nhạc đó vẫn chỉ có vẻ đẹp của một bức tranh cũ đáng được giữ gìn yêu quý mà không phải là thứ giải trí tiêu khiển đem lại những giây phút thoải

mái vui tươi. Dù vậy, Vũ vẫn nghĩ Thủy nên tế nhị đủ để đừng tỏ ra khó chịu mỗi lần ông Năm tấn mấn với cây đòn kim. Đã nhiều lần, thái độ của Thủy làm chàng nhột nhạt và ông Năm bực bội, không vui.

Vũ nghĩ là Thủy đang phải “chịu đựng”. Đúng như vậy, vì nàng vừa xô ghế đứng lên. Thủy nhẹ nhàng chuồng ra khỏi bàn tiệc, đi về phía thang lầu. Vũ bắt gặp ánh mắt của mẹ chàng nhìn theo ngơ ngác, trách móc.

Chàng đứng dậy bước vội theo Thủy, nắm khuỷu tay nàng thì thầm:

— Em làm gì vậy?

Thủy thụt lui cúi chỗ về phía sau như để giấu ra khỏi bàn tay của Vũ:

— Thì tiệc xong rồi, em lên học tiếp chứ còn gì nữa? Nghe ca ỉ ôi mất thời giờ, chán thấy bà.

Vũ lót tót đi theo nàng lên tận phòng học:

— Em bỏ mấy mảnh xương này một lúc không được sao. Minh chủ nhà phải lịch sự chứ. Em đi lên sớm như vậy kỳ lắm.

Thủy lắc đầu:

— I'm sorry. Anh nói với ba má thông cảm đi. Bạn của ba má thì ba má cứ việc tiếp. Sao bắt em ngồi chịu trận làm gì? Còn nếu muốn bắt bẻ kiểu đầu con gì đó thì... em không biết nói sao. Nhưng mà... vụ đó... xưa rồi.

Vũ im lặng nhìn Thủy. Cái nhìn đầy vẻ buồn bã và tức giận. Thủy đón tia mắt của Vũ một cách bình thản. Nàng mỉm cười, đẩy ghế chồng:

— Thôi, xuống phụ với ba má tiếp khách đi. Để yên cho em học.

Vũ còn cố thuyết phục lần nữa:

— Học thì em học từ mấy ngày trước rồi chứ bộ bây giờ mới bắt đầu sao? Hay là em ngán vọng cổ thì trở xuống dưới, anh hát... tân nhạc cho nghe.

Lần này Thủy cười hờ hợt:

— Trời! Hấp dẫn dữ há? Nghe anh ca thì nghe lúc nào chẳng được? Sao mà anh cứ nhứt định bắt em ngồi đó làm gì không biết? I have the test tomorrow. Please understand. O.K.?

Và nàng cúi xuống trang sách, tay mân mê mấy lóng xương.



Khuya đó, khi khách đã về hết, ông Năm bảo Vũ:

— Con à, mai con lo tìm cho ba má một chỗ ở riêng. Coi bộ vợ con nó không hợp cách sống của ba má. Ba má không muốn làm

rầy rà các con.

Vũ nín lặng hồi lâu, sau đó chàng nói:

— Ba đừng nói vậy. Con ở xa ba má đã lâu. Giờ là lúc phải ở gần chứ.

Bà Năm đặt tay lên một bên vai Vũ:

— Việc đời... có nhiều cái ngoài ý mình. Thôi thì thùng thảng con tới thăm ba má cũng được. Ba con tính phóng khoáng đã quen...

Bà bỏ lưng ở đó và hai vợ chồng già lặng lẽ lui vào phòng. Còn một mình Vũ ngoài phòng khách.

Nếu không phải Thủy mà là Hoàng; nếu không phải vẻ nhẹ nhàng lạnh nhạt, trẻ trung... tẻ ngắt, chấm chỉ mê mải những khúc xương một cách... sắt đá của Thủy, mà là tiếng cười ròn rã của Hoàng; đôi mắt có đuôi, giọng nói ấm áp, mái tóc vốn vờ bay tung trong gió và tiếng hát hồn nhiên. Có một cái gì trật lất, không đúng chỗ. Đáng lẽ Hoàng phải ở với Vũ, Vũ phải ở với Hoàng.

Rạp hát nhỏ dựng bên bờ sông tĩnh lý và những xa lộ thênh thang dẫn từ nhà chàng xuống phố chợ nơi đây. Chàng nhạc sĩ mười tuổi với cây đàn kim củi chào khán giả, đưa bé trai vui sướng đứng nép sau cánh màn nhưng ở một thời nào xa lắc và người đàn ông chăm chỉ với những hóa đơn mỗi ngày bấy giờ. Thế giới âm thanh nào nuốt của cha chàng, chú Chín Trích, Sáu Tửng, Kim Hường, Ngọc Huệ, và đời sống ào ạt, mạnh mẽ, nhanh chóng, tân kỳ ở ngoài kia. Cây đàn kim cũ kỹ, cây lục huyền cầm lờ lơi và những khúc xương chung trên bàn học của Thủy, giờ phát thanh chương trình cải lương của ban ca kịch Chuông Vàng và những bản nhạc dập dồn sống động của đài KGBM Thủy vẫn nghe làm “nền” trong lúc đọc sách. Căn nhà nhỏ có hàng hiên trống lổ của cha mẹ chàng ở Long An, có lu nước bằng sành nằm bên mé trái và... căn townhome mới tinh của vợ chồng chàng bây giờ. Có một khoảng cách nào đó, xa xôi lắm. Có một cái gì rời rã, không liền lạc. Có một cái gì trật lất, không đúng chỗ.

Dường như đáng lẽ không nên có cơn biến loạn 75, không có nghèo đói, không có bác Hai xô đẩy chàng lên con tàu đầu bến Bạch Đằng. Đường như đáng lẽ không nên có chiến tranh, cách mạng, giải phóng con mẹ gì cả. Đường như... đáng lẽ chàng gặp Hoàng ở Việt Nam, lấy nhau, sanh con, và nâng ra sân mức nước mưa từ cái chum sành nấu cơm mỗi buổi chiều, cha mẹ chàng ngồi hóng mát ở cái hiên trống lổ và cười, buổi tối cả nhà kéo nhau đi xem đoàn ca kịch... Chuông Vàng II? Đường như, như thế, mọi vật có vẻ yên ổn ở đúng vị trí của nó hơn.

Vũ ngồi một mình trong phòng khách ấm áp nghĩ tới những “đường như” không thể. Chàng mỉm cười băng quơ và buồn bã.

Chàng nhìn một lượt gian phòng còn bừa bộn ngổn ngang dấu vết của bữa tiệc tàn, như những sự việc trật lất không ở đúng chỗ chàng vừa cảm thấy. Sau đó, Vũ tắt đèn, kéo chiếc màn dây che khung cửa lớn trở từ phòng ăn cạnh bếp ra khoảng sân sau. Chàng nhìn thấy bóng đêm mênh mông ở bên ngoài.

Vũ Thùy Hạnh

Thủy Mạc

*Bâng khuâng gió động cành mai
Thời gian nhẹ gót trang đài vào xuân
Nắng nghiêng nửa mái phân vân
Giá băng mùa cũ cũng dần dần tan
Trao tay Trời Đất mơ màng
Xôn xao hồn cỏ ngỡ ngàng lòng mây
Sương rung rung giọt vơi đầy
Giọt se hiên lạnh, giọt gầy thêm xưa
Liều buồn là ngọn tình tơ
En chao cánh lẻ nghiêng bờ sắt son*

Cỏ Mùa Đông

*Ta nằm như cỏ mùa đông
Thân chôn mộ tuyết máu hồng còn tươi
Ngủ im theo nhịp đất trời
Uơm trong trưa giá biếc ngời mầm xuân*

Nguyễn Đình Hoà

Kiểm điểm những công trình nghiên cứu chữ Nôm

4

Về sự diễn biến của chữ nôm.

Trước hết, khi theo dõi lịch-sử diễn-biến của chữ nôm, chúng ta phải nói đến vai trò của những dấu cá, dấu nháy và những bộ-phận chữ viết tắt. Dấu cá, còn gọi là dấu nhấp-nháy, thường đặt ở bên phải một chữ nôm để nhắc người đọc là phải đọc chệch âm đi. Ví dụ:

lãng thêm dấu nháy phải đọc là *lặng* 朗

bán giác thêm dấu nháy phải đọc là *bán chác* 半角

âm thêm dấu nháy phải đọc là *ưôm* 音

ni thêm dấu nháy phải đọc là *này* 尼 (Đào Duy Anh 1975: 82)

Cũng có khi dấu cá là ký-hiệu phụ biểu-thị đọc chệch âm, như trong *nura* 奴 do chữ *na* 那, trong *phên* 片 do chữ *phiến* 片

Đào Duy Anh còn bàn đến hai chữ *lặng* 郎 và *vâng* 昂, mà Cụ bảo “không hiểu tại sao lại có khi dùng bộ 巨.” Ở đây Cụ Đào lại cho là hai chữ ấy nguyên viết như *lãng* 郎 và *bang* 邦 thôi, với dấu cá 丿 ở bên, “rồi sau dấu cá bị lộn thành bộ 巨, rồi từ đó người ta cứ viết bộ 巨 quen tay mà chẳng đặt nghi-vấn vì sao” (1975: 93). Cũng theo Cụ Đào, dấu cá còn bị lộn thành cả chữ *tư* 司 như trong *gương* 姜司 và *vui* 酉司, đáng lẽ viết *khương* 姜司 và *bôi* 酉司 (thêm dấu cá hay nhấp-nháy) “là đủ rồi”, và cụ nói rằng “sau sự viết lầm-lẫn ấy, người ta vẫn giữ cách viết quen lầm lẫn cho đến ngày nay” (trang 82 và 93).

Dấu ㄣ thì đặc-biệt được dùng ở bên trái chữ cần đọc chệch, “đọc theo âm ㄣ là âm không có chữ Hán”: ví-dụ để bên chữ *la* để ghi từ *ra* 𠵹, để bên chữ *lẽ* để ghi từ *rẽ* 𠵹, v.v. (87).

Tự-điển của Vũ Văn Kính và Nguyễn Văn Khánh cũng nói đến dấu 𠂔 thấy trong chữ *nhau* 𠂔, thường viết 𠂔 (1970: 8).

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, hồi 1953 cho biết Giáo-sư đã kiểm thấy những bảy dấu, trong đó có hai dấu hình như được dùng trong chữ Tây-Hạ: (1953: trang 206, cước-chú 11).

"J'ai décelé sept de ces signes, dont deux semblent se trouver dans les caractères de Si-Hia, pays qui existait au Nord-ouest de la Chine de l'époque des T'ang jusqu'à la fin des Song. Ce qui me fait penser que les écritures locales des pays limitrophes de la Chine du temps des T'ang pourraient avoir une origine commune d'ordre administratif. La plupart de ces signes désignent le premier phonème des initiaux composés qui existaient dans la langue vietnamienne et qui sont devenues imperceptibles de nos jours."

Tuy nhiên, trong bài "Văn nôm và chữ nôm đời Trần-Lê" (Tập-san *Khoa-học Xã-hội* (Paris), số 5, tháng 12 năm 1978), trang 15, cước-chú số 9, Giáo-sư Hoàng lại viết thêm:

"Trong bài tôi đã viết về những sách bằng tiếng Việt của Giáo-sĩ Girolamo Maiorica, viết vào giữa thế-kỷ thứ 17 (*Archivum Historicum Societatis Iesu*, vol XXII, 1953, trang 206) tôi có viết rằng "trong đó có hai dấu hình như cũng thấy ở chữ xứ Tây-Hạ." Có lẽ đó chỉ là một sự ngẫu-nhiên mà thôi."

Trong khi bàn đến bốn phương-sách cấu-tạo chữ nôm (âm-ý, mượn âm, hình-thanh và hội-ý) (bài đã dẫn, trang 12-15), Giáo sư Hoàng phân-biệt không những bốn dấu *Cá*, *Đa*, *Tư*, *Cự*, mà còn thảo-luận đến bốn dấu *Đầu phết*, *Đầu chấm*, *Ba* và *Xa*, trong các ví dụ sau đây: (ba dấu *đa*, *tư* và *cự* "đều có chức-năng như dấu *cá*").

1. dấu *đa* 𠂔 -- thêm bên phải *kiêm* để cho chữ *gồm* 兼多

thêm bên phải *ki* để cho chữ *ghi* 兼多

thêm bên phải *bối* để cho chữ *với* 兼多

thêm bên phải *cầu* để cho chữ *giấu* 兼多

2. dấu *tư* 𠂔 -- thêm bên phải *khương* để cho chữ *gương* 姜司

thêm bên phải *bố* để cho chữ *vua* 布司

thêm bên phải *bôi* để cho chữ *vui* 歪司

(ba ví-dụ mà thôi: Hoàng 1978: 13)

3. dấu *cự* 𠂔 -- thêm bên trên *triều* để cho chữ *giàu* 巨月

thêm bên trên *lang* để cho chữ *sang* 巨郎

thêm bên phải *tồn* để cho chữ *chờn* 存巨

thêm bên phải *đăng* để cho chữ *đình* 登巨

4. dấu *đầu phết* ㄟ, như trong chữ *gió* 愈 (bên dưới là chữ 愈, dụ,) "có lẽ chỉ là dấu *Cá* cắt chân để đặt trên đầu cho gọn" (trang 14).

5. dấu *đầu chấm* 一 như trong chữ *lời* 𠂔, theo Giáo-sư Hoàng, là có thể “bởi dấu *ma* 𠂔 thu gọn lại và để ghi khởi-âm *mở* trong âm-tổ kép ML” -- từ *mlời*, nay đọc *lời* hoặc *nhời*. Từ điển Việt-Bồ-La của Cố Đắc-lộ (Alexandre de Rhodes, 1651) ghi cả mấy khóm phụ-âm /bI-/ , /ml-/ , /mnh-/ và /tl-/ , là chứng-tích cần khẳng-định.

6. dấu *ba* 𠂔 -- thêm bên trên *lại* để cho chữ *blái* 𠂔 > *trái*;
thêm bên trên *lăng* để cho chữ *blăng* 𠂔 > *trăng*

7. dấu *xa* 𠂔 -- thêm bên phải *lâu* để cho chữ *slau* 𠂔 > *sau*
thêm bên phải *lô* để cho chữ *slo* 𠂔 > *so*
thêm bên phải *lược* để cho chữ *thước* 𠂔 > *trước*

Giáo-sư Hoàng viết rằng “dấu *xa* 𠂔 chắc để ghi khởi-âm *sờ* hay *xờ* đứng đầu nhiều tiếng cổ trong Việt-ngữ” (trang 14). Về điểm ngữ-âm lịch-sử này, chúng tôi cũng đã tìm thấy hơn sáu chục chữ nôm trong đó phụ-âm hiện-đại /s/ gợi ý cho ta thấy rõ-rệt khi xưa mỗi từ đó bắt đầu bằng một khóm phụ-âm giả-thiết là */sl-/ và đã được ghi bằng một bộ-phận có âm /l/ trong những chữ nôm đó, khiến ta đoán rằng trong quá-trình ngữ-âm biến-đổi, khởi-âm /s/ hoặc tồn-tại (*sáng* 光朗) hoặc đã rụng đi (*láng* 鴻). Chúng tôi thấy cần ghi kiến-giải rất sâu-sắc của Giáo-sư Hoàng:

“Trong quá-trình biến-thiên của chữ nôm, những dấu khởi-âm hoặc đổi sang dấu *Cá*, dấu *Cự*, hoặc biến mất, hoặc phần lớn đổi ra phần hội-ý... Vả chẳng hiện nay ta chưa chắc gì những dấu như *Cự*, *Đa*, *Tư* nguyên không là những dấu khởi-âm như những dấu *Ba*, *Xa*.” (1978: 14)

Nguyễn Quang Xỹ và Vũ Văn Kính, trong bài *Tự cuốn Tự điển Chữ Nôm* (Saigon: Bộ Giáo-dục, 1971), nói đến “một vài trường-hợp đặc-biệt như những chữ *khề-khà* (其其), *khênh-khang* (井井) trong bài thơ của Ông Cao Bá-Quát đọc cho vua Tự-Đức nghe chẳng hạn, chúng tôi ghi là loại chữ đặc-biệt.” (trang viii). Ví dụ này làm chúng ta nghĩ đến hai chữ 𠂔 𠂔 được dùng trong Hoa-văn ngày nay để ghi từ hai âm-tiết *ping-pong* ‘bóng bàn.’

Hai thể viết tắt có tần-số xuất-hiện cao là *làm* 𠂔 và *lâm* 𠂔. Chữ trên, 𠂔, theo cụ Đào “là chữ 𠂔 viết tắt. Còn Giáo-sư Hoàng đã viết như sau về từ *làm*:

“Nôm xưa dùng phép mượn âm với chữ *lạm* 濫. Rồi người ta viết tắt phần bên phải (chữ *giám*), đổi toàn chữ ra 𠂔, sau lại bỏ bộ *thủy* và chỉ giữ phần bên phải vì nó giống đầu chữ *vi* 爲 là *lâm*. Kết-quả là chữ nôm *lâm* viết 𠂔 như bộ *trảo*.” (trang 15)

Cordier nói đến những “hình-thái đều-đặn” như chữ nôm 至 đến, mà về sau theo luật lười (*loi du moindre effort*) đã thành 旦; những ví-dụ khác cho thấy phần nghĩa-phù bị lược bỏ là có 有 國 > 固, mạnh 強 > 萌, lặn 渌 > 吝, chàng 撞 > 童, v.v. Thật ra, sự chuyển-biến đã theo chiều ngược lại, nghĩa là phần nghĩa-phù được những người sao chép thêm về sau: như đời 代 花, mất 失 跌, tuổi 歲 年 歲, thấy 休 覓, v.v. Lĩnh-mục Hồ Ngọc Cẩn năm 1933 đã dẫn câu Có xưa nay, mà các giáo-sĩ Công-giáo viết 固 初 尼, rồi về sau người ta lại dùng những chữ phức-thể như 有 國 智 銳 hoặc 有 智 銳.

Nhiều khi, một phần của nghĩa-phù bị lược bỏ: ví-dụ một phần của ó 汚 dùng để viết từ bản 本, một phần của cai 該 dùng để viết từ cay 薔, một phần của chủ 主 dùng để viết từ chủa 女, một phần của trậ 失 dùng để viết từ chột 瞎, một phần của đái 担 dùng để viết từ đái 担, một phần của tón 子 孫 và của chiếu 照 dùng để viết cháu 召.

Lại còn một đôi khi, chữ viết tắt dùng làm âm-phù, như là 早 (do chữ thi viết tắt) xuất-hiện trong những chữ 早 ngày, 早 hay 早 người/ngài, 早 (con)ngài (xin so-sánh chữ ngại 早).

Một ví-dụ duy-nhất: yếu-tố 乞 tắt của 能 năng, được dùng ghi ý trong chữ 能 hay (với nghĩa ‘giỏi’) và ghi âm trong chữ 能 năng (lên).

Những diễn-biến của chữ nôm đã được phân-tích đồng thời với ưu-điểm và khuyết-điểm của lối chữ đó (Dương Quảng-Hàm 1942, Bửu Cầm 1960, chẳng hạn), nhưng căn cứ vào những diễn-biến kia, nhiều nhà khảo-cứu đã phác-họa lịch-sử của chữ nôm thành các thời-kỳ. Đào Duy Anh đã so-sánh cách viết của “các tác-phẩm trải qua các thời” để tìm những khuynh-hướng khác nhau. Theo cụ Đào, giai-đoạn đầu của chữ nôm là giai-đoạn của bia chùa Báo-ân thời Lý và bốn bài phú nôm thời Trần (xin xem mấy phần trên), còn đại-biểu cho giai-đoạn thứ hai là *Quốc-âm Thi-tập* thời Lê-sơ, *Hồng-đức Quốc-âm Thi-tập* đời Lê Thánh-tông, *Chỉ-nam Ngọc-âm Giải-nghĩa* của Hương-chân Pháp-tính (cụ Đào, trang 115, lại in lầm nhan sách là *Chỉ-âm Ngọc-nam!*). Sách *Truyền-kỳ Mạn-lục Giải-âm* của Nguyễn Thế-Nghi (thời nhà Mạc) giải-âm cuốn *Truyền-kỳ Mạn-lục* của tác giả Nguyễn Dữ (học trò Nguyễn Bỉnh Khiêm), thì đại-biểu cho bước quá-độ chuyển-tiếp từ giai-đoạn thứ nhì sang giai-đoạn thứ ba. Giai-đoạn thứ ba này thì cụ Đào cho là có hai cuốn đại-biểu: *Truyện Hoa-tiên Ký* của Nguyễn Huy Tụ thuộc đời Lê-mạt, và sách *Đại-nam Quốc-sử Diễn-ca*

thuộc thời vua Tự-Đức nhà Nguyễn. Cụ Đào giải-thích các khuynh-hướng trong quá-trình phát-triển của chữ nôm như sau: lúc đầu âm Hán-Việt còn gần với âm khẩu-ngữ hàng ngày nên phép giả-tả được dùng để cấu tạo nhiều chữ nôm; về sau có nhiều chữ lối giả-tả khó đọc, người ta phải dùng phép hình-thanh để hướng-dẫn về nghĩa-phù. Đến giai-đoạn thứ hai (như trong *QẮT*, *HĐQẮT*, và *CNNẮG*) muốn giản-dị-hóa chữ nôm, người ta bỏ bớt số chữ hình-thanh và dùng phép giả-tả và đọc chệch đi nữa. Xuống tới giai-đoạn thứ ba (*Hoa-tiên* và *ĐNQSDC*), người ta lại bớt dùng phép giả-tả mà dùng thêm phép hình-thanh để cho chữ nôm thêm phần chính-xác, và xu-hướng này đã “tiếp-diễn cho đến cuối thời Nguyễn, tức cho đến khi chữ nôm bị đào-thải mà trở thành một thứ cổ tự” (Đào Duy Anh 1975: 131).

Trong cuốn sách *Nghiên-cứu về Chữ Nôm* (Hanoi: Nhà xuất bản Khoa-học Xã-hội, 1981), Giáo-sư Lê Văn Quán cũng dành một chương III cho “tình-hình chữ nôm qua các thời-kỳ;” trong chương sách đó Giáo-sư Lê nhận-xét là những thay đổi trong các tín-hiệu văn-tự thường “phù-hợp với sự phát-triển về văn-hóa cũng như sự thay đổi của ngữ-âm” và nếu “loại trừ cách ghi sai-sót của người sao-chép” thì những cú-liệu thấy trong các văn bản (văn bia, văn chuông, văn khắc ván) “một phần nào giúp các nhà ngôn-ngữ-học biết được quá-trình diễn-biến của ngữ-âm lịch-sử tiếng Việt” (Lê văn Quán 1981 : 135).

Giáo sư Lê “ tạm phân định ” bốn giai-đoạn như sau:

1. Giai-đoạn đầu, mà đại-biểu là các chữ nôm trong văn bia Lý-Trần (*Phụng-thánh Phu-nhân Lê-thị Mộ-chí*, 1173 đời Lý Anh-tông; *Báo-ân Thiền-tự Bi-ký*, năm 1210 đời Lý Cao-tông; *Thị-đức Xã Tự-bi*, năm 1331-1342; và *Phật-pháp Tăng-bảo*, năm 1357), mà thác-bản, tức bản gỗ, cho thấy 58 chữ nôm hầu hết đều là nhân-danh và địa-danh.

2. Giai-đoạn hai, mà đại-biểu là các chữ nôm trong các bản văn nôm thời Lê-sơ, đặc-biệt là 254 bài thơ trong *Quốc-âm Thi-tập* của Nguyễn Trãi -- tuy rằng có những chữ như *thi* viết 寺日 vì kiêng tên vua Tự-Đức hay *ánh* viết 英日 vì kiêng tên vua Gia-Long trong bản khắc in Phúc-khê Tạng-bản năm 1868.

3. Giai-đoạn ba, mà đại-biểu là các tác-phẩm *Chỉ-nam Ngọc-âm Giải-nghĩa*, là một cuốn từ-điển Hán-Nôm mà tác-giả là một vị sư nam có đạo-hiệu là Pháp-tĩnh; *Thập-tam-phương Gia-giảm*, là sách tương-truyền của Tuệ-tĩnh, kê mười ba bài thuốc bằng 1.208 câu thơ lục-bát (ví dụ *Liên-kiều cùng kim-ngân-hoa / Tùy cơ ứng-biến mặc ta liệu dùng*); và bộ *Tân-biên Truyền-kỳ Mạn-lục Tăng-bổ Giải-âm Tập-chú*, bộ này “xuất hiện vào khoảng 1682-1709”

(Lê Văn Quán 1981: 168).

4. Giai-đoạn bốn, mà đại-biểu là ba tác-phẩm *Tam-thiên-tự Toản-yếu*, tức quyển tự-điển Hán-Nôm của Ngô Thì-Nhậm (tức Ngô Thời-Nhiệm) dạy ba nghìn chữ Hán thông-thường (chúng tôi đã có dịp giới-thiệu hồi 1973 trước đại-hội hàng năm của Hội Đông-phương-học Hoa-Kỳ, American Oriental Society, và cũng đang biên-tập thành cuốn sách nhỏ căn-cứ vào bản khắc in của Linh-mục Vũ Khoa, Nhà thờ Phát-diệm, năm 1908); *Đại-Nam Quốc-sử Diễn-ca*; và *Đoạn-trường Tân-thanh*, bản Kiều Oánh Mậu năm 1893. Vẫn theo Lê Văn Quán, *Hoa-tiên Ký* cũng thuộc giai-đoạn thứ tư này (trang 178).

(còn tiếp)

Nguyễn Đình Hòa

BẢN ĐÍNH CHÍNH

Bài “Kiểm-điểm những công-trình nghiên-cứu chữ nôm”, Phần 3, Về cách cấu-tạo chữ nôm. *VHNT* bộ mới, số 8-9 (tháng 12, 1985 - tháng 1, 1986) :

Trang 1057, dòng 3: sau mà Ông gọi là, xin thêm *những chữ sẵn có và ...*

Trang 1058, dòng 18: xin chữa (*chưa-phù*) thành (*nghe phù*)

Cũng bài đó, Phần 1 và 2, *VHNT* Bộ mới, số 7 (tháng 11, 1985):

Trang 818, dòng 16: xin chữa *thụ viết bố* thành *phụ viết bố*, ...

Trang 819, dòng 15: xin chữa *hình-bộ Thượng-thư* thành *Hình-bộ Thượng-thư...*

xin chữa *Nguyền Thuyền* thành *Nguyễn Thuyên...*

Trang 821, dòng 4: xin chữa *Cordier 1035: 118* thành *Cordier 1935: 118*.

Trang 825, dòng 5 từ dưới lên: xin chữa *ngôn ngữ* thành *Ngôn-ngữ...*

Trang 826:

- dòng 17: *Cư Trần lạc đạo* xin chữa thành *Cư-trần lạc-đạo...*

- dòng 10: *Thiền Tông Bản Hạnh* xin chữa thành *Thiền-tông Bản-hạnh*.

Trang 827:

- dòng 9: xin chữa *giải ngạn* thành *Giải Ngạn*. Xin chữa vì thành và

- dòng 11: xin chữa *hội nghị quốc tế lần thứ 12 về ngôn ngữ học Hán-Tạng* thành *Hội-nghị Quốc-tế lần thứ 12 về Ngôn-ngữ-học Hán-Tạng...*

Phan-Thị Trọng Tuyền
Đêm trắng.

Chiều thứ sáu, xong phần thực tập thi đã hơn năm giờ, tôi và Lệ chạy vù ra khỏi trường. Đến bến bus vừa vận lúc xe mới trở tới. Lên xe, len lỏi giữa những người đứng ngồi sát nhau như cá mòi, đến cuối xe mới tìm ra chỗ trống. Lệ tháo khăn quăn cổ, nhả mặt, rồi thở phào:

Chán ngấy! Lần nào cũng về cuối cùng, không có cái hẹn với Yves chắc tao liệng thùng rác hết mấy cái suppositoires mắc dịch!

— Tao đổ khuôn hoài mà sao nó không chịu đặc dầu ra dầu, sáp ra sáp; và mấy viên thuốc... tể đen thui thấy sợ, hừ thôi bây giờ đến cái nước nhỏ bằng cái lỗ mũi như nước mình thuốc đều làm bằng máy, ở đây họ lại bắt học trò ngồi vo mấy viên thuốc ho với đau bụng!

— Đúng là thầy... lang băm. Nếu về nước, mình phải vô vườn hành nghề mới khá. Tao nghĩ tại mấy ông thầy già ganh ghét đám hậu sinh, mấy ông ngấm ngấm, tội này đâu được sướng như vậy, phải nếm mùi khổ ải như bọn thầy ngày xưa... Xe buýt sưởi ấm đến ngọt ngào, hơi nước phủ mờ những ô cửa kính. Cuối mùa đông nhưng trời còn lạnh và xám ngắt. Đèn phố đã lên, xe kẹt dài dài, những đèn thẳng đỏ rực xếp hàng dọc phía trước. Tôi ghét nhất khi phải đi buýt vào giờ tan sở, và nhất là vào ngày thứ sáu... Thế nào cũng nhức đầu, ngày ngật cả đêm.

... Về đến cư xá hai đứa chia tay về phòng lo sửa soạn hành lý và... tắm rửa. Tuần rồi Marie dặn:

— “Lâu đài” của tội tao rất thiếu tiện nghi... liệu mà tắm trước ở nhà!

Yves và Marie đến tìm chúng tôi khoảng mười lăm phút sau. Marie khoe:

— Chút nữa mình sẽ ăn khoai với xúc xích nướng bằng lửa củi... tuyệt...! Rồi tội bây xem. Còn Điền? Nó nhất định không đi với chúng mình à?

— Không. Lệ uể oải trả lời.

*
* *

Yves bẻ bánh lái, cho xe ra khỏi cổng cư xá:

— Nó... đứng đắn quá...

Tôi kêu lên:

— Chớ bộ tui tao...

Yves cười:

— Tui mày... dễ thương, không câu nệ...

Tôi cười thầm trong bụng, nhớ lại bữa gặp gỡ buồn cười của bốn đứa.

Khi đó, chiếc xe mô-bi-lét mới toanh tôi mua một lượt với Lệ không cánh mà bay đã hơn một tuần. Đèo tôi đi học được một lần, lần thứ hai bị cảnh sát nắm cổ lại đòi phạt, hai đứa đành phải đi xe buýt. Lệ cần nhẫn:

— Mày nói không cánh mà bay nghe rất vô lý. Phải sửa lại là không khóa nên bay. Cái tạt đó không bỏ, mua ống khóa làm chi mà không xài?

Tuần sau, hai đứa vừa ở trường về. Tới cổng vừa vận gặp một cặp tây đầm đang chờ nhau trên chiếc xe mô-bi-lét của tôi, từ ngoài vào, vượt qua mặt hai đứa. Chả còn lằm vào đâu, cả cư xá gần năm trăm đứa con gái, tối đại đa số đi bộ và đi buýt, vài chục đứa đi xe hơi, hai chục đứa đi xe đạp, mười lăm đứa đi xe gắn máy, và trong số này chỉ mình tôi có chiếc Peugeot màu cam có cái giỏ trắng ở phía sau. Tôi chạy theo la ú ớ bằng tiếng Việt rồi dịch... sang tiếng Pháp:

— Ê... ê... cái xe của tui, eh... ma mobylette, ma mobylette.

Tên ăn trộm quay vòng xe lại, đến trước mặt tôi, lúc đó đang thở hào hển vì mệt lại vừa giận. Hắn cười cười:

— Chào! Xe của mày hả... ở thì tui tao mượn đỡ vài bữa, hôm nay tui tao mang trả nè, thấy không? Với lại tui mình biết nhau từ lâu rồi, bỏ nhớ bọn tớ mà...

Hai đứa - Yves và Marie - thi nhau tán hươu tán vượn, rút cục tôi dẫn cả đám về phòng lấy bánh mứt, nấu nước pha trà... kết bạn. Quen với nhau từ đó. Về sau Điền nhắc tôi mới nhớ trước đó tui tôi đã gặp Marie một lần ở cư xá, lúc ba đứa tôi đang xào nấu ở cái nhà bếp cạnh phòng tôi. Marie đến... tắm lậu, thiếu dầu gội đầu nên đến mượn. Tôi đưa xong quên bằng. Bây giờ Điền hăm he tui tôi:

— Tui mày coi chừng, hai đứa đó coi bộ... hippy quá.

Lệ hất hàm:

— Hippy rồi sao?

Có lẽ Marie cũng thấy nên thường đến chơi với tôi là Lệ hơn là với Điền. Và để đáp lễ, cả hai có dẫn bọn tôi về thăm nhà trọ ở ngoại ô trong một khu trung lưu. Đó là một căn phòng rộng ở trên tầng trên cùng, ngay dưới mái nhà của một cao ốc xưa. Phòng có lò sưởi nhưng thiếu nước, dĩ nhiên tiền phòng rề mạt. Marie khéo léo trang trí nên tổ uyên ương của họ rất có vẻ ấm áp, dễ thương. Trên tường là một cành cây đã khô, còn nguyên vẹn hoa lá và cả những trái bắp khô. Giường ngủ lớn kê giữa, dưới là sàn cây đánh vernis, kêu kèn kẹt dưới mỗi bước đi. Không bàn ghế, khách tháo giày ngồi xuống sàn bên mấy chiếc gối vuông tròn đủ màu nằm rải rác trước lò sưởi. Lò sưởi thật to, kiểu xưa rất đẹp, củi đốt là những quả thông và ván thông tháo ra từ những thùng đựng hàng nên gian phòng thơm ngát, không có mùi cũ kỹ ẩm mốc đặc biệt của những ngôi nhà cây xưa. Cứ mỗi tuần một lần, Marie đến cư xá con gái P. tắm lậu còn chàng Yves thì đến cư xá con trai nào đó.

— Tụi mày đã viếng vùng đồng quê Pháp bao giờ chưa?

Tôi giật mình trở về thực tại, Marie lặp lại câu hỏi. Lệ trả lời:

— Tớ có đi ở vùng trung du núi non, miền bắc này thì chưa.

— Tớ thì chưa biết gì cả vì chưa bao giờ có dịp.

Hai cô cậu được dịp dịp lại giới thiệu với bọn tôi về đời sống nông trại.

Tôi ngủ gà ngủ gật, Lệ lim dim mắt thỉnh thoảng lại hỏi hoặc trả lời.

Tôi choàng dậy khi chiếc xe Hai Ngựa cà khở chạy nhấp nhੌm vào sân đất của một trang trại nhỏ. Tiếng chó sủa ầm ỉ.

Mẹ Yves mặt thù lù, vui tính và tự nhiên, dẫn cả đám vào nhà bếp vừa hỏi chuyện lung tung. Bếp nhỏ nhưng gọn gàng sạch sẽ, bàn ghế ăn sơn màu vàng sáng sủa, những tủ nhỏ cũng sơn vàng nằm thành hai hàng dọc theo hai bên tường, trong góc là bếp lò. Nhà bếp ấm áp, thơm mùi bánh nướng, thịt dứt lò. Cả nhà vừa ăn tráng miệng xong. Mấy người anh của Yves bắt tay thăm hỏi xong đều cáo từ lên nhà trên xem truyền hình. Tôi ngồi nghe như có mùi thơm ngào ngạt. Thì ra cách đây không xa là chuồng bò. Yves hỏi bà cụ luôn miệng, vừa than đói. Trong khi bà soạn ra cho nào pátê, thịt nguội, bánh ngọt, rồi cả khoai tây sống, bột, xúc xích... Tôi với Lệ đòi được xem chuồng bò. Marie ở lại tiếp tay bà cụ. Yves dẫn hai đứa tôi đi. Đèn vàng không được sáng lắm, chuồng gồm hai dãy chạy dài, có đến hơn hai mươi chú bò đang đứng, nằm, lim dim ngủ hay nhai nhóc nhách. Những bộ lông dày trắng đốm đen, những cái mõm đen thở phì phò hơi nước bên cạnh những đụn rơm, cỏ khô, máng nước. Trong một góc là những bình nhôm trắng xếp hàng chờ lấy sữa sớm mai, bên trên là những vòi cao su để vắt sữa. Yves xoa đầu con bò này, vuốt lưng con kia, dứt cổ cho

con nọ. Cứ chỉ triu mền. Tôi nói :

— Hèn chi bỏ học canh nông !

Anh chàng phúi tay vào đất quẩn, nhúm vai nói :

— Tớ muốn giúp bà cụ nhưng... hãy nhìn nền nông nghiệp xứ này, hãy nhìn nếp sống của người nông dân... Chỉ có ngô đi xuống và thiếu đường đi lên. Với lại... nhìn kỹ tớ xem nào... bộ vó có nông dân không?

Rồi không kịp để tôi trả lời, anh chàng giục đi ra:

— Mấy bồ chả ai đối hết sao ?

Bà cụ đã chất đầy thức ăn trong cái giỏ mây to tướng. Cả một bình sữa tươi đầy. Bốn đứa lục tục đeo găng, đội mũ từ giả bà cụ ra xe. Chiếc xe lại lên đường, nhưng chỉ hơn mười phút đã đến nơi, Yves giải thích:

— “Lâu đài” này tớ tự tay đốn cây, xẻ ván, đóng đinh, bào, cưa, sơn, phết nó ở trên đất của ba má tớ... Ngày mai các bạn sẽ thấy cái bề ngoài của nó, bây giờ tối rồi, phải lo nhóm lửa để sưởi và nấu ăn.

Căn nhà nằm giữa đồi cỏ, trong ánh sáng lơ lửng của trăng, thấy nhỏ xiu như một vuông đá nhỏ trên mặt bàn tròn. Xe đậu ngay trước cửa nhà, cả bọn lục tục khuôn vác đồ tể nhuyển vào bên trong.

Chỉ một lát lò sưởi, vừa là bếp, đã đỏ hồng. Nhà hình chữ nhật với chiều dài năm thước và chiều ngang ba thước, cao gần hai thước, nóc ngang toàn bằng những thân gỗ nâu xẻ đôi đường kính khoảng hai tấc, còn sơ sù sì màu nâu đỏ, sớ gỗ thơm và còn tươi. Cả gian nhà thơm lạ lùng. Mùi nhựa thông tươi, mùi cây cỏ, mùi sương đêm như toát ra từ những thân cây. Yves cất “mái nhà tranh” này để tặng cho Marie, chàng ta mất hơn một tháng hè và gần mười cái weekend để hoàn thành nó. Tôi với Lệ nhìn nhau le lưỡi, trong thâm tâm đứa nào cũng thoáng một chút ghen tương, thèm muốn. Chàng của Lệ thì ở xa quá, còn chàng của tôi... chàng nào nhỉ? Lệ cười cười:

— Liệu xây cho bọn tớ một cái nhà như rửa bạn tính bao nhiêu?

Yves nheo mắt nhìn Marie:

— Nếu tính ra thì có kẻ sẽ chết mất vì ghen.

Lò sưởi làm bằng đất nung, có bệ và vỉ sắt để nướng bánh, vòm lò sưởi cong hình bán nguyệt không đều, ống khói cũng cong vòng chỗ to chỗ nhỏ, đắp bằng đất, có quẩn vải cách nhiệt. Ống khói bò lên vách, trở nóc nhà ra ngoài. Bên cạnh là mớ củi thông đã cắt sẵn. Trên vách treo một cây đàn mandoline, một tấm tranh đan bằng chỉ len sợi to hình một lũ cừu trắng trên bãi cỏ xanh. Xa hơn là vài nhánh houx (ô-rô) và gui đã hơi khô (một loại chùm gửi màu

xanh lá nhỏ và thanh, người ta hay treo vào mùa xuân lấy hên).

Yves kéo chiếc giường duy nhất theo chiều ngang nhà để có chỗ cho hai đứa tôi trải túi ngủ ra trên nền nhà có lót những mảnh thảm vụn. Lệ phản đối;

— Ô hay, tờ tường là sàn nhà lót những nhánh thông như mấy bồ đã quảng cáo.

Marie mỉm cười, giở một mép thảm lên cho thấy những nhánh thông xanh mướt, vừa nói:

— Lá thông thơm thật đấy nhưng đâm cũng đau, để thử thể này thì quý vị êm lưng hơn và vẫn ngủi được mùi.

Lệ khen vùi khi ăn miếng bánh mì:

— Ngon tuyệt.

Rồi quay sang nói với tôi bằng tiếng Việt:

— Bột mì lúc, tưởng tượng mình ăn bánh mì “gạo” lúc, chế tại gia, sướng hơn cái ông Henry Miller đi lượm táo thối trong thùng rác!

Ăn uống xong, chủ nhà ra xe mang cây guitare vào gây bắt khách hát. Tôi kêu lên:

— Thôi để tờ ca bài không tên số hai (dịch cho bạn là chanson sans titre No. 2), hát hoài l'amour c'est comme un bus nghe kỳ quá. Dịch tức là phản... Với lại bữa nay mình nên hát dân ca cho đúng điệu...

Yves rất thích nghe nhạc Trịnh-Công-Sơn, cứ bắt hai đứa tôi dịch sang tiếng Pháp. Vốn liếng không đầy bàn tay, gặp Lệ cũng ưa giễu. Mỗi lần dịch là mỗi lần cả bọn cười lẫn lộn. Tôi bào chữa:

— Mấy bồ phải biết quê hương bọn tớ hơn hai mươi năm chiến tranh, tính xa hơn một tí là một thế kỷ chiến tranh. Có đến hai, ba thế hệ chỉ biết chiến tranh... thì ví von tình yêu như trái phá là rất thực, rất đúng!

Marie thở dài:

— Quel drame! Hiệp định Paris ký rồi mà vẫn còn đánh nhau, lạ thật!

Lệ nhăn mặt :

— Je traduis : một tấn thảm kịch !

Tôi ôm bụng cười, Yves ngờ ngác nhìn Lệ. Tôi giải thích:

— Une tonne de drame, ça veut dire... beaucoup... et pas assez, plutot des million de tonnes de drame...

Về sau hai đứa không thèm dịch nữa mà bắt Yves phải hát nguyên văn. Thủ tướng tượng, đang ngồi trong quán ăn sinh viên, xung quanh toàn những mái đầu tóc vàng, nâu. Bên ngoài tuyết rơi trắng xóa, tim thốn thức nhớ nhà, bụng đánh lô tô vì kỳ thi sắp tới, chợt anh bạn người Pháp cao lớn, tóc vàng, mắt xanh, đẹp trai và thông minh như Robert Redfort, bụng măm ghé lại, cất giọng hát

“trời ươm nắng cho mây hồng, mây bay qua, em nghiêng sầu...”
miệng cười vì cái accent mà mũi thì cay cay!

Vậy mà anh chàng cũng thuộc khá nhiều bài bản. Nghe bài lý qua ô, cười nôn ruột! Ấy mà bảo đánh đàn đệm cứ trùng phong phóng! Trong đám đồng bào của tôi với Lệ có vài anh cứ tưởng là Yves phải cảm nặng một trong hai đứa. Lệ bĩu môi :

— Cứ tưởng vậy cho nên mới bị... ể, họ làm như giữa trai gái không thể có thứ tình nào khác hơn được.

Tối nay tự dưng cả tôi lẫn Lệ đều hết hứng. Hai đứa kia hát hò một lúc cũng thối đèn cây, chúc ngủ ngon. Tôi trần trọc trong đêm, lắng tai nghe côn trùng, nghe gió... Lệ cũng trần trọc sột soạt bên cạnh.

Sáng hôm sau khi tôi thức dậy nhà trống trơn. Lò sưởi tắt ngấm nhưng trong nhà còn khá ấm. Tôi tung mền, mặc thêm áo, mang giày ra ngoài. Hơi lạnh ủa vào mặt mũi, mặt trời chưa mọc nhưng đã hồng hồng một góc trời. Sương mù tỏa mỏng trên cánh đồng cỏ xanh ngát. Không một âm thanh, không khí trong trẻo, thơm lạ lùng mùi nội cỏ, ngàn cây. Tôi vươn vai hít đầy lồng ngực, mắt nhắm lại, thưởng thức. Bao lâu rồi chưa có được một buổi sáng đồng quê. Chợt có tiếng đập cộp cộp thật gần, tiếng động vang lên, loảng ra thật xa, làm vài cánh chim xào xạc vụt bay lên. Tôi đi vòng quanh nhà tìm kiếm. Lệ đang ngồi đập những quả noix (bồ đào!). Tôi ngạc nhiên :

— Máy sắp sửa đóng tường gì vậy? Tụi nó trốn đâu rồi?

Mái tóc đen xỏa dài trên vai, Lệ mỉm cười bí mật trong một giây. Lệ mặc một chiếc áo đầm nhung đỏ và trắng, tay phồng, ngực hở. Thứ kiểu áo vương giả thời Nã-Phá-Luân đệ nhất. Lệ đưa tôi một hột đào.

— Sao mày tài vậy? Mình sắp sửa diễn tường gì tao cũng không biết, mày vào thay đi, bộ áo để trên giường tụi nó. Hai anh chị cười ngựa đi dạo từ sáng sớm, sắp về rồi đó.

Tôi vào thay áo, vác máy chụp hình ra thì từ xa có tiếng sáo. Yves mặc bộ đồ chèn như chàng hiệp sĩ Robin des bois, đầu trần, áo choàng nhung đỏ thắm dài và rộng, gió thổi bay phất phới theo vó ngựa phi. Yves ngừng thổi, gờ sáo vẫy chào. Marie mặc áo đầm trắng đội voan mỏng, hai chân để một bên mình ngựa, tựa đầu vào ngực người yêu, bàn tay có găng trắng gờ lên giữ tóc. Hình ảnh tuyệt đẹp, giống như Roméo và Juliette thay vì chui vào nhà mồ lại rủ nhau chạy trốn trên ngựa, giống như Trọng Thủy chở kịp Mỹ Châu thoát khỏi lưới gươm oan nghiệt của An Dương Vương. Tôi bấm máy hình tanh tách, trong bụng tiếc hùi hụi vì cuộn phim trong máy đen trắng chứ không phải màu.

Yves dừng ngựa nhảy xuống, đỡ Marie ngang hông. Anh

chàng đẹp như tài tử xi-nê, bây giờ tôi mới thấy Yves giống hệt Gerard Depardieu, mà còn có phần tuấn tú hơn anh tài tử kia nhiều, vì mặt Yves có những đường nét thanh và đều đặn hơn. Mái tóc thì y chang. Vàng nâu mượt, dài vừa phải. Dáng dấp cao lớn, lực lưỡng.

Marie vừa làm đạo diễn vừa đóng kịch, Lệ thủ vai tình địch... Tôi làm người kể chuyện vừa làm... phóng viên. Lâu lâu một "tài tử" chạy ra thể chân đẩy tôi vào "sân khấu". Cả bọn cười giỡn như lũ điên, tiếng cười theo gió tan trên đồng cỏ, trong không gian.

Mặt trời chiếu những tia nắng ấm áp, đồng cỏ vẫn vắng lặng, vì vu tiếng gió. Cho nên khi có tiếng động cơ, cả bốn cùng im, nghe ngóng, Lệ kêu lên:

— Mình có khách !

Chiếc xe 4L đỏ, cũ mèm, móp méo chậm chạp bò lên.

Ba người khách mới, hai nam một nữ. Tôi chỉ biết Jean-Philippe (có quen với Yves và Marie). Anh chàng này là Etienne đi autostop để rượt theo bọn tôi. Gặp Odile đang lái xe đi loanh quanh, họ làm quen rồi rủ nhau kéo lên đây.

Hỏi ra mới biết Odile học Khoa học năm thứ hai, ở cùng cư xá với tôi và Lệ, thảo nào cả ba cùng thấy mặt nhau quen quen.

Không khí hơi... loãng vì còn lạ. Marie đề nghị đánh bài, tôi đốt đặc nghề cờ bạc. Etienne đề nghị đổ hột xí ngầu. Chơi một lát anh ta kêu chán quá. Jean Philippe bàn:

— Mình đánh bài đi. Ai thua thì cởi bớt bất cứ cái gì mình có trên người.

Tôi và Lệ nhìn nhau, xin kiểu, đưa đòi nấu spaghetti, đưa đòi ghim thịt để nướng. Thiên hạ phản đối. Marie thông cảm ra dấu bảo bọn tôi chuẩn. Sòng cờ bạc quay quần trên bãi cỏ, dưới ánh nắng rực rỡ. Đồng cỏ xanh ngát, chim hót riu rít trong hàng cây dương dưới kia, xung quanh hoa dại trắng vàng đỏ tía, nghiêng nghiêng theo chiều gió. Xa xa vắng vắng tiếng chuông nhà thờ. Tôi hơi tiếu vì sự có mặt của những kẻ đến sau.

Cơm nước gần xong tôi bỏ ra xem. Cuộc đen đỏ đã đến hồi gay cấn. Yves đã cởi trần, Marie còn nguyên chỉ đám vòng, kiềng lớn nhỏ, cà rá đỏ xanh, kẹp tóc, khăn mỏng choàng cổ mới được tháo ra thôi. Con nhỏ may thật. Hai tên thanh niên kia thì kẻ còn áo thun, quần đùi, kẻ đã mất giày vớ. Ô, còn Odile, Odile xui xẻo chưa, cô nàng đang đỏ mặt như than hồng vì vừa cởi ra chiếc áo sơ-mi. Trên cái thân thể tròn trịa, hấp dẫn, chỉ còn cái váy lót có dentelle màu beige thật đẹp và chiếc nịt ngực cùng màu, nhỏ xíu.

Lệ hít hà :

— Chết cha !

Tôi bối rối, vừa hơi xì nọc khi thấy ánh mắt hau háu của

Etienne trên bộ ngực đầy đặn nồn nà của Odile, tôi nói với Marie :

— Thôi mình ngưng để vào ăn.

Cả ba tên con trai đều la lên một lúc. Marie nhún vai, hỏi Odile

— Bỏ muốn ngưng không ?

Odile ngập ngừng nhưng rồi cũng lắc đầu. Cuộc đổ bát lại tiếp tục. Hai đứa con gái cười gượng gạo, còn bọn đực rựa thì khỏi nói. Thua mà cười tươi như được vàng, vừa hớn hờ cởi cho nhanh vừa cười vang. Tôi với Lệ chuồng vào nhà khi Yves bắt đầu cởi cái quần dài. Tôi nói Lệ đóng kín cửa, gài chốt. Biết đâu được! Hai đứa không nói nhưng sợ tái cả mặt. Nhất là khi có tiếng Odile hét lớn không không ở ngoài kia. Lệ nhào lại cửa sổ. Etienne phản trần :

— Mày thua thì phải cởi tiếp chứ.

Tôi đã hiểu khi nhìn thấy Odile chỉ còn cái quần lót nhỏ xíu trên người.

Tôi với Lệ cùng kêu Yves, Yves khi thấy Jean Philippe khóa hai tay Odile lại và Etienne cười hi hí xông tới tụt cái slip của Odile. Cô gái vùng vẫy chống cự, ban đầu còn kêu nhỏ về sau cô ta hét lên từng chập. Tay chân dậm đá, vung vẩy. Tiếng cô the thé. Marie giật giật tay Yves, Yves còn cười cười... Tôi với Lệ cũng đồng thanh hét lên. Tiếng kêu la lồng lộng, thất thanh. Trời nghe còn sợ nói chi hai tên đàn ông đang lên cơn. Yves giật mình, ngưng tiếng cười. Odile vùng dậy vừa khóc vừa chửi bới, ôm vội mớ quần áo chạy ra xe.

Etienne và Jean Philippe như bùng tỉnh, cổ cười gượng chống chế, vừa mặc áo vào :

— Ồ, có gì đâu mà rối rắm lên như thế ?

— Chỉ là một trò chơi vô hại !

Tôi và Lệ giận quá, đòi về cư xá lập tức. Marie và Yves lặng lẽ dọn đồ. Hai tên kia thấy không ai đếm xỉa tới đành rủ nhau đi.

Trên suốt đường đi, sau khi thử pha trò vài lần không hiệu quả, Yves nín khe. Về đến cư xá, hai đứa chỉ chào Marie rồi dong thẳng vào phòng. Lệ khép cửa lại, tôi nhìn ra cửa sổ xe đã đi khuất. Hai đứa ôm bụng cười ngặt nghèo. Lệ nói:

— Phải đi kiếm nhồ Điền kể cho nó nghe !

Nghe xong, Điền mắng :

— Cho đáng đời, cho tụi mày chưa cái tật giao du với hippy, cao bồi... du đảng !

Lệ nháy mắt với tôi :

— Thưa chị hai, em hứa sẽ... không chưa !

Tôi thả phịch người lên giường :

— Có gì ăn không, đói quá trời là đói.

Điền mặc áo xuống nhà xe vác xe đi mua bánh ngọt. Lệ nấu

nước pha cà phê. Thế là xong buổi chiều thứ bảy. Chán quá, chưa nghỉ ngơi gì hết.

Tối đến, ở phòng Điền về, tôi vừa thay đồ ngủ thì nghe gõ cửa. Mở ra thấy Yves, tôi nhìn đồng hồ chưa kịp nói thì anh chàng lách vào, đưa ngón tay lên miệng :

— Tớ biết đến giờ... “giờ nghiêm” rồi nhưng để chuộc lỗi hồi sáng, tớ và “vợ” hiền đến rủ bạn đi tập leo núi !

Thật là gãi đúng chỗ ngứa, mấy hôm trước cả bọn bàn nhau đi trèo núi. Yves có hứa sẽ tập để tôi và Lệ quen dần.

— Nhưng mà tối quá rồi, tao lười đi lắm.

— Có đi đâu xa đâu, mình leo lên nóc cư xá, thả dây xuống rồi tuột. Mày chả cần phải thay áo, chỉ cần mặc thêm cái gì cho ấm lúc ở trên cao, sợ có gió.

Tôi nói xuôi xị :

— Hề Lệ bằng lòng thì tớ cũng o.k.

Điểm hẹn hò là ở bâtiment bên kia. Cư xá có hai dãy bâtiment. Mỗi dãy có bốn tầng lầu, mỗi tầng có năm blocs, mỗi bloc cách nhau bằng một dãy W.C. với phòng tắm và nhà bếp với phòng học có bảng đen, bàn ghế. Mỗi bloc có mười hai phòng, đối diện từng đôi một qua một hành lang rộng, Marie và Lệ đang chờ ở bên kia. Yves chọn dãy lầu hai vì các cửa sổ phía sau nhìn ra đồng vắng, còn dãy lầu một các cửa sổ bên này nhìn ra đường, bên kia thì nhìn sang dãy lầu hai, và ở đó gia đình bà “địa”, gia đình bà concierge chia nhau ở ngay tầng trệt. Sang tới bên kia rồi, bốn đứa đi nhanh lên thang lầu. Phần lớn các cửa sổ đều đã rủ sáo và tắt đèn đi ngủ, còn rải rác vài đứa học khuya nhưng chắc chắn những cây gậy bài này hoặc sẽ ngủ gục trên bàn hoặc mặt mũi, đầu óc dính cứng trên sang sách. Lệ nói thầm thì:

— Chỉ sợ gặp ông veilleur de nuit là vỡ nợ...

Yves cười khúc khích :

— Hồi nãy tao ghé cho ống một chai rượu vang, đêm nay bà con tha hồi mời bạn trai về phòng... nhờ tao!

Cả bốn lên tới tầng chót, Yves đứng lên trên thanh lan can sắt, với tay mở cái nắp vuông trên trần rồi thót lên. Một lát sau khuôn mặt anh chàng lộ ra ở khung vuông, thò hai tay xuống :

— Leo lên lan can như tớ khi nãy, rồi đưa tay tớ kéo lên.

Ba đứa con gái lần lượt được lôi lên. Tôi lên sau cùng. Yves đóng nắp lại, phẩy tay :

— Bây giờ tớ cột dây vào ống khói thả thòng xuống...

Anh chàng chỉ cách lòn dây qua người để khi thả mình xuống, hai chân chống lên tường rồi thả lỏng dây, dây chỉ tuột từ từ. Hai anh chị biểu diễn cho xem. Marie xuống trước rồi đến Yves, cả hai lại đi vòng trở vào, leo lên bốn tầng lầu và trở nóc nhà lên. Tôi làm

gan đi trước. Chiều cao dây lều độ hai mươi mét, tụt khoảng năm phút là hai chân đã đụng đất! Và cảm giác thật... khoải! Cứ như là chim bay trong không gian.

Tôi và Lê đòi leo nữa để thả dây leo xuống.

Đêm trăng sao lồng lộng, phố xá, nhà cửa sáng đèn nhưng ngủ yên. Gió vù vù trên cao, những cột ăng ten rung nhẹ nhẹ, sỏi trái trên nóc cứ xả lạo xạo dưới chân. Cả bọn vừa sắp tụt xuống lần thứ ba thì ngoài cổng có tiếng xe cảnh sát trở tới, không tiếng động nhưng ngọn đèn xanh đỏ xoay xoay soi rõ bóng những người cảnh sát và một cô gái mập mạp. Tôi nường mắt nhìn kỹ, tiếng kêu bật ra :

— Odile !

Marie bình tĩnh :

— Con khốn nạn. Tội mình từ từ leo xuống đã, rồi tỉnh sau.

Bốn đứa xuống thật nhanh, Yves cuộn dây cột vào một nhánh cây, ném ngược trở lên nóc. Lê tỉnh thật nhanh :

— Marie và Yves chia nhau, một đứa theo mi, một đứa theo tớ. Về phòng trốn. Chạy cho nhanh qua sân.

Marie đùa giỡng :

— Không cần chạy nhanh đâu, lính còn ghé qua bà đĩa để xin phép. Tội mày biết là cảnh sát không có quyền xâm phạm đại học. Tội tao chui vào WC hay phòng tắm nào trốn cũng được. Khỏi phiền tội mày.

Tôi chưa kịp nói thì Lê suýt suýt. Odile và người cảnh sát đi vào hành lang phía nhà bà directrice. Bọn tôi chạy thật nhanh ra cửa, vượt qua sân. Chia thành đôi về phòng. Tôi ở tầng thứ hai, Lê tầng bốn. Tôi khóa cửa thật nhanh, mở tủ quần áo vét đồ qua một bên, rồi đẩy Yves vào :

— Xin lỗi bạn nhè, tớ rất tiếc... !

Tôi tắt đèn, chui vào giường. Chưa được năm phút có tiếng gõ cửa dồn dập. Tôi vớ dùi mắt vừa ra về ngạc nhiên. Bà đĩa, Odile và hai người cảnh sát mặc đồng phục vào, đứng chặn cả phòng nhỏ xíu. Phòng chỉ có hai chiếc ghế, không biết phải mời ai ngồi ghế, ai ngồi trên giường và ai đứng !

Người cảnh sát lễ độ, từ tốn hỏi tôi có biết Etienne, J. Philippe, Yves và Marie ở đâu không. Cảnh sát tìm kiếm cả buổi chiều nhưng không gặp ai. Tôi lắc đầu hỏi tại sao. Odile có vẻ giỡng. Ông ta đỡ lời :

— Cô ấy bị họ "tấn công", lúc trưa này, có cả cô ở đấy nữa thì phải, ngày mai mời cô đến bắt cảnh sát làm chứng.

Tôi ngạc nhiên liếc Odile :

— Dữ đến thế sao, tôi nghĩ là chuyện chẳng có gì...

Hai người cảnh sát và Odile kiêu từ ra về. Bà đĩa đưa ra đến

cửa rồi quay trở lại “sát” xà phòng tôi một mách về tội... giao du với du đảng. Nghe sao giống như khi Điền giảng luân lý. Thì ra Odile tố cáo với nhà chức trách là bị bọn ba tên đàn ông toan hãm hiếp.

Tôi buộc lòng phải kể lại và nhấn mạnh là chính Odile chờ hai tên lạ mặt đến khi không có hẹn trước với chúng tôi và chuyện xảy ra rất đáng tiếc nhưng không hề quá trầm trọng như ý Odile. Tôi năn nỉ bà can thiệp để cô đừng làm rắc rối. Bà chỉ gạt gù rồi chào tôi đi ra sau khi hăm he sẽ cho tôi sang đây lần hai. Tôi nghe sợ quá. Bởi đây lần hai là “foyer” dành cho nữ sinh viên năm thứ nhất và chưa tròn mười tám. Hoặc bậc cha mẹ nào muốn “giữ” con thật kỹ (tự do nào cũng nguy hiểm!). Năm kia ba đưa tôi bị “nhốt” bên ấy. Bạn trai đến thăm không được lên phòng nói dóc. Hễ anh nào muốn thăm phải đến loge thưa với bà concierge, bà sẽ đích thân hoặc sai cô nào đang lơ quờ đứng gần đấy chạy lên kêu đương sự xuống. Rồi ngồi ở câu lạc bộ có nước ngọt, cà phê, nói gì thì nói. Các tên bạn kiếm đồng bào của bọn tôi kêu trời như bọn, có tên ác miệng mĩa mai là bọn tôi làm bộ làm cao “như là công chúa” không bằng. Chẳng chịu hiểu cho là chúng tôi bị buộc phải ở đấy. Dĩ nhiên anh nào có ý... riêng tư, muốn nói điều... khó nói thì quả tình không dễ gì qui xuống, hai tay đặt trên ngực trái tỏ tình trước đôi mắt cú vọ của bà phó địa và những cô gái khác.

“Tranh đấu” dữ lắm mới qua được bên này, không lẽ bây giờ lại chịu trời gông ném sang bên kia ?

Đợi không còn nghe tiếng chân bà địa nữa, tôi mở cửa tủ. Yves chui ra, cười tủm tỉm. Tôi điểm mặt anh chàng:

— Đủ rồi nhé, kể từ ngày quen tụi mày tao bị rắc rối đủ thứ chuyện, chán quá !

Hai con mắt xanh chớp chớp, hàng mi dài cong, mượt như nhung :

Tớ hồi hợp và khoái tử như đang ngoại tình bị ông chồng của “nàng” về thỉnh linh. “Hắn” đi rồi mình tiếp tục chứ...

Vừa nói anh chàng vừa giờ tay ôm gọn tôi vào lòng. Tôi hốt hoảng, nghe mặt nóng bừng bừng, phũ lia phũ lia, chạy ra cửa :

— Thôi đừng đùa dai, tớ méc với vợ bạn bị giờ.

Yves lại gần, vuốt tóc tôi :

— Bạn xưa quá, cổ lỗ hủ quá, nhưng tớ thích vậy, phải chi tớ gặp bạn trước...

Tôi đẩy Yves ra cửa, khóa hai vòng! Rồi tắt đèn, mỉm cười trong bóng tối.

Tháng 10 năm 1985
Phan-Thị Trọng Tuyền

Võ Đình

Chuông đồng ba tiếng gióng thên thang

*Quê nhà xa lắc xa lơ đó
Trông lại tha hồ mây trắng bay **

*Mây trắng chừ thấm màu máu đỏ
Xuân về chừ xót kiếp cỏ cây
Ngàn mai chưa nở trên triền núi
Môi héo cười chi phận lưu đây
Bốn ngàn năm ôi là thế đó
Tám mươi năm tuổi nước non này
Xa nhà tuổi dại chưa mười bảy
Râu bạc chừ đã quá năm hai*

*Gương cùn ai thét sầu mất nước
Rượu đắng này ai khóc nhà tan
Hương xưa ngọc vỡ trong trông mắt
Sơn nhật tai nghe đã ngút ngàn
Xuân về xuân đã về đây phải
Xuân cúi đầu nước mắt chảy ngang
Xuân về xuân đã về đây phải
Tuyết mịn mù tuyết đổ đầu tang
Khí thiêng vắt vẻo chừ năm hết
Sông núi chừ mực ướt hai hàng
Người đi kẻ ở âm dương biệt
Trời rộng mô quên chốn địa đàng
Chim Lạc kêu hoài câu thắm thiết
Dập vùi không đành một tiếng than*

Ở đây xe ngựa mùi ung thối
Bên nớ đao tên nghệt suốt vàng
Minh mông tiền sử chim bay mỗi
Mỏ hồng ói máu khúc lăm than
Người ngồi nghe tuyết rơi trong óc
Cánh chim che kín mặt huy hoàng
Bốn ngàn năm Mẹ ngồi xóa tóc
Tám mươi năm Cha khóc bình an

Quê nhà xa lắc xa lơ đó *
Trông lại mô có thấy mây ngàn
Chỉ thấy gốc mai già nở chậm
Trắng núi sông : hùng hực lò than
U linh vạn kiếp Chim phiêu bạc
Xương đốt tro thành mấy cánh lan
Nguồn thương Mẹ thở dài trong gió
Núi Thái công Cha bật tiếng đàn
Vườn xưa rêu mọc như râu tóc
Người về lau nước mắt chảy ngang
Hương thơm một nén bay nghi ngút
Chuông đồng ba tiếng giống thên thưng
Giương cùn ai thét sâu mất nước
Rượu đắng này ai khóc nhà tan

Quê nhà xa lắc xa lơ đó *
Mây đen bay lớp lớp ngàn hàng
Quê người xa lắc xa lơ đó
Mây trắng ngang mày núi để tang.

Viết khóc Cha tạ thế tại Việt Nam ngày 11 tháng Chạp năm Ất Sửu
(20.1.86) thọ 80 tuổi

* Thơ Nguyễn Bình, bài Hành Phương Nam.

Vi Khuê *Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ*

Một buổi sáng đầu xuân, nhằm ngày chúa nhật, trên đồi cỏ xanh non, bỗngưng xuất hiện một con ngựa hồng ai buộc vào gốc cây sồi to lớn. Con ngựa thật đẹp, dáng thon cao lông màu hồng nâu đậm, với cái cổ vươn dài, như thiếu nữ đứng vươn vai. Đồi cỏ lại nằm ven một bờ suối nhỏ, nơi đó lũ trẻ đang đùa nghịch với nước bắn tung tóe lên mặt mũi nhau. Mấy đứa trẻ con nhà người Lào, da ngăm ngăm đen. Một cô “phù xảo” vừa quấy đôi thùng đi xuống suối, vừa nói một tràng tiếng địa phương, nghe lúi lo như chim hót. Thiếu nữ vừa dứt lời, mấy đứa trẻ đều nhìn lên phía con ngựa, vừa chỉ chỗ, vừa nói tiếng Lào.

Hai thanh niên Việt Nam ngồi dưới gốc cây cách đó không xa vui vẻ theo dõi mọi sự. Người mặc áo sơ mi xanh nói:

— Họ đang nói chuyện với nhau về con ngựa đấy. Cô gái hỏi mấy đứa nhỏ có thấy ông Nhật Bốn ra đó không? Chắc con ngựa này là của ông Nhật Bốn, anh Hữu ạ.

Hữu nhíu mày :

— Đạo này người Nhật đến Đông Dương nhiều quá. Khi tôi rời Việt Nam vào tháng tám năm ngoái thì ở vùng tôi ở cũng đã có năm bảy người Nhật từ đâu tới. Hình như họ thuộc giới sĩ quan trong quân đội Minh Trị Thiên Hoàng.

Bỗng mấy đứa trẻ reo hò ầm ỉ, rồi chúng túa ra, để nguyên thân hình trần trụi, chạy về phía con ngựa trên đồi cỏ non, ở đó người đàn ông Nhật Bốn vừa xuất hiện. Người ấy đưa bàn tay vỗ vỗ vào lưng ngựa như an ủi, vỗ về. Đồng đồng cao, hơi gầy, lịch sự trong bộ âu phục màu nâu đậm, đeo kính trắng, tóc hớt cao, ông ta trông chẳng khác gì một người Việt Nam. Lũ trẻ, như đã quen thuộc lâu rồi, bao vây lấy ông ta và chỉ chỗ bên này, bên kia, ríu rít. Người đàn ông, sau một hồi nói chuyện thân mật vui vẻ với chúng

nó, và hình như cho quả cho tiền gì đó, đã nhảy lên yên ngựa, ngồi thẳng, ngửng cao đầu. Con ngựa hồng đã đẹp mà người cưỡi ngựa lại càng đẹp hơn, sáng hôm ấy, trên đồi cỏ non, bên giồng suối róc rách, dưới bầu trời quang... Rồi, người đàn ông gò gầy cương, thúc chân vào sườn ngựa; ngựa lại vươn cao cổ, hí lên vài tiếng vui thích, yếu điệu tiến vài bước, rồi phi nhanh về phía chân trời, phía rặng núi xa, trùng trùng điệp điệp...

— Người Nhật Bản mà cô gái Lào hỏi hỏi này đây: đại tá Watanabé. Cả thành phố V. này chỉ có hai người Nhật thôi, nên tôi biết tên ông ta.

Thanh niên mặc áo xanh vừa châm diêm đốt thuốc vừa bảo bạn. Người bạn tên Hữu lại nhú mày, dáng điệu trầm ngâm. Một lát, anh ta nói, bằng cái giọng miền Trung Việt hơi nặng, mà Đình nghe chưa được quen tai :

— Đại tá Watanabé! Hình như cái tên đó là một tên rất phổ thông của người Nhật? À, như tôi vừa nói với anh hồi nãy, tôi có nhận xét: Không biết người Nhật đến Đông Dương với sứ mạng gì, mục đích gì. Hồi ở quê hương, tôi đã nghe nói về một phong trào lớn lao lắm, nhằm giải phóng Đông Dương và toàn cõi Đông Nam Á khỏi ách đô hộ, ách thống trị, của thực dân Pháp. Phong trào Đại đồng Á, do nhà cách mạng Phan Bội Châu xuất ngoại khởi xướng từ những năm 1905, 1907 gì kia. Anh có nghe nói đến chuyện ấy không?

Người bạn nhún vai:

— Thú thật với Anh, ở đây chúng tôi ít nghe chuyện chính trị lắm. Cùng là do người Pháp bảo hộ, nhưng người Việt thì cứng đầu, còn ở đây, người dân bản xứ hiền lành chất phác lắm, sống yên phận êm đềm bên cạnh người Pháp bảo hộ, rồi mình cũng yên phận luôn với nếp sống hiền hòa ấy. Anh biết không, hằng năm người Lào và người Pháp vẫn cắt ngón tay, uống máu ăn thề đấy. Có lẽ, không như ở bên nhà đâu!

Hữu lại nhú mày theo cái tật cổ hữu của anh ta :

— Anh vừa nói: Không như ở bên nhà đâu! Như vậy, anh cũng biết rằng ở quê nhà không khí chính trị luôn luôn sôi động, mặc dầu người Pháp đã đô hộ đất nước chúng ta tính ra đã đến sáu chục năm rồi, hơn nửa thế kỷ rồi, và mặc dầu, từ ngày có họ, đã có biết bao đổi thay tiến bộ. Dân ta không bao giờ chấp nhận sự đô hộ của ngoại bang, theo truyền thống, nên các vị anh hùng dân tộc luôn luôn nổi dậy chống đối.

— Thật tình, chúng tôi không để ý đến vấn đề đó, và lại, cũng không rành chuyện chính trị. Ba tôi là một công chức của chính phủ, ba tôi thỉnh thoảng có kể chuyện người Việt ở bên nhà làm loạn chống nhà nước, và ba tôi gọi đó là những kẻ phản loạn.

Người mặc áo xanh vừa ném một viên sỏi xuống lòng suối, vừa trả lời bạn bằng một giọng nói rụt rè, như có pha lẫn chút tự ti mặc cảm. Họ đều còn trẻ lắm. Trên dưới hai mươi như nhau, nhưng Hữu thì có vẻ bạch diện thư sinh với nước da trắng, cặp môi đỏ, và cái tật nhíu mày rất điệu trí thức, còn Đình thì da ngăm ngăm đen, tính tình cởi mở, thật thà, như phần đông người Việt đã ở xứ Lào lâu năm, mặc dầu anh ta vốn gốc Bắc Kỳ, sinh quán tại Hà Nội.

Chia tay nhau ở dòng suối, khi Hữu vừa về đến cổng nhà ông anh họ đỡ đầu — một công chức thời Pháp thuộc — thì đã thấy con ngựa hồng trên đồi cỏ ban sáng ai buộc vào gốc cây xoài trước ngõ, “sự đâu có sự trùng hợp lạ kỳ!” Ý nghĩ reo lên trong đầu Hữu. Người Nhật cũng quen biết nhà ông anh ta sao? Người Nhật đến đây làm gì? Ô! Hữu chợt đưa tay vỗ mạnh vào trán mình. À mà ta quên. Anh ta vốn là một nhà ái quốc đã từng có thành tích chống Pháp từ hồi còn trẻ, nên mới bị đày đi làm việc tại xứ Lào xa xôi. Thế thì hẳn là...

Hữu đứng khựng lại một lát dưới bóng mát của cây xoài, đưa mắt tò mò ngắm chú ngựa mà chàng tưởng chừng như cũng mang trong ánh mắt tia lửa rực rỡ của màu cờ mặt trời đã mấy lúc gần đây bỗng dưng làm chàng xao xuyến cả tâm can. Người Nhật Bốn có tình thân yêu nước rất cao, và ở Nước Mặt Trời ấy, phong trào Đông Du của các nhà ái quốc Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh đang là mối lửa đốt bùng lên cái thứ tình cảm thật là trù tuợng, thật là mơ hồ, nhưng cũng vô cùng mạnh mẽ trong tâm hồn giới trẻ Việt Nam. Hữu đưa mắt nhìn lên gác nhà sàn, nơi phía phòng khách. Có lẽ người Nhật đang có mặt ở đó với “anh Phan”. Chàng nghĩ đến người anh rể một cách kính cẩn thương yêu: mới cách đây vài tuần thôi, chàng đã chứng kiến người công chức của chính phủ bảo hộ này gục đầu xuống bàn khóc nức nở, sau khi ngâm xong bài thơ tuyệt mệnh nổi tiếng của cụ Phan Sào Nam :

*Mạc sâu tiền lộ vô tri kỷ
Thiên hạ hà nhân bất thức quân
Bảy mươi tư tuổi trót phong trần
Mừng gặp bạn mới tinh thần hoạt hiện
Những ước anh em đầy bốn biển
Ai ngờ trắng gió nhốt ba gian...*

Hữu đứng khựng lại trước ngưỡng cửa vào bếp. Không phải chàng không nhớ hôm nay đã là 29 Tết. Nhưng chàng quá kinh ngạc với không khí chuẩn bị Tết rộn rã như thế này, tại một nơi mà chàng vẫn tưởng người ta không ăn Tết Việt Nam. Bà Phan đang điều khiển mọi người trong bếp, tươi cười bảo chàng:

— Răng Cậu đứng sững người ra rứa? Bộ tưởng đây xứ Lào

xứ Mọi rồi gia đình Chị không ăn Tết như ở bên mình sao? Cậu cũng lo tắm gội mà ăn Tết đi chứ. Cái gạo năm ngoài Cậu tắm để mò rồi?

Hữu đưa cặp mắt đen lánh nhìn bà chị họ phúc đức nhân từ, thâm nghị: Chị vốn là người ít học mà cũng biết đùa theo sách vở, thật có duyên! Chẳng là báo Phong Hóa Ngày Nay xuất bản từ Hà Nội do nhóm Tự Lực Văn Đoàn chủ trương cũng được gửi sang bán tận xứ Lào này, nên bà Phan mới dựa vào những bức tranh hí họa chế diễu Lý Toét Xã Xệ để nói đùa với Hữu như thế. Cô cháu gái mười ba tuổi đang chải tóc cũng reo lên:

— À! Cậu Hữu có áo mới. Cậu bây giờ hoàn toàn mặc đồ tây rồi, chắc ông Nhất Linh ông ấy không chế nhạo nữa đâu. Tuy vậy Cậu cũng nên đi tắm như mẹ cháu bảo, để ăn Tết. Tối nay cả nhà thức bên nồi bánh chưng, có cả ông Nhật, bạn của Ba nữa đó, Cậu.

Nhưng Hữu không nán lại lâu hơn ở nhà bếp, vì từ phòng khách bên kia đường, sự hiện diện của người khách là hấp dẫn lắm sao, bí mật làm sao! Chẳng rón rén bước chậm khi ngang qua phòng khách, hy vọng được ông Phan gọi vào, thì quả nhiên, ông cất tiếng gọi chàng, nói rằng “Anh cho phép em vào tham dự một cuộc họp mặt lịch sử”. Ở đó, chung quanh chiếc bàn vuông đã có mặt ba người đàn ông da vàng: ông Phan, người Nhật, và một người được giới thiệu là thông ngôn của ông ta. Cuộc bút đàm đang diễn ra giữa ông Phan và người Nhật - đĩa mực xà và cây bút lông đặt giữa bàn - trong khi người thông ngôn vẫn làm nhiệm vụ của anh ta. Đại tá Watanabé cầm bút lông viết lên tờ giấy bởi một hàng chữ Hán. Người thông ngôn nói :

— Thưa Ông, Đại Tá ca ngợi danh tiếng của ông: Được biết ông là người vì hoàn cảnh phải cộng tác với người Pháp, nhưng lúc nào cũng vẫn giữ vững tinh thần yêu nước. Chẳng hay ông có muốn mưu đồ việc lớn, giải phóng quê hương ông khỏi ách đô hộ của loài bạch quỷ ?

Ông Phan cầm lấy cây bút lông, cũng viết những dòng chữ Hán theo chiều dọc của tờ giấy bởi, và người Nhật xem xong, gật gù thông cảm, rồi bỗng họ cùng cất tiếng cười vang, vô cùng sảng khoái. Người thông ngôn thấy nét mặt băng khuâng của chàng trai trẻ, mỉm cười, nói riêng với chàng:

— Chắc Anh cũng biết những gì ông Phan đã viết? Ông đã viết rằng: “Người Việt Nam chúng tôi sinh ra là được dạy dỗ để trở thành, trước hết, những người dân yêu nước. Tôi đã ôm niềm mặc cảm phản hội Tổ Quốc bao nhiêu năm nay, cộng tác với quân xâm lược. Hôm nay tôi ký tên hưởng ứng phong trào Đại Đông Á để giải phóng quê hương Việt Nam khỏi ách đô hộ của người Pháp”.

Người thông ngôn, không hơn chàng bao nhiêu tuổi, lại nhìn

chàng mỉm cười:

Chúng ta sinh ra là để chết vì Tổ Quốc, Tổ Quốc như một Lý Tưởng.

Rồi bỗng dưng, chớp giạt ầm ầm, mây tuôn vần vũ. Hữu thấy mình đứng trước một ngã ba đường, trên đầu, những ngọn đèn sáng chói chang đập vào óc não đến căng thẳng thần kinh. Chàng nheo mắt, định thần nhìn lên phía trên cầu, thì thấy từng đoàn, từng đoàn binh lính diễu hành uy nghi rầm rộ, mà lạ thay! Một người đi trong hàng ngũ, đoạn giữa, lại chính là chàng, trong bộ binh phục sinh viên trường Võ Bị Quốc Gia! Rồi không biết từ đâu xuất hiện vô số những biểu ngữ mang chữ đỏ chói kêu gọi toàn dân tham dự lễ kỷ niệm chấm dứt 100 năm đô hộ của người Pháp: "Việt Nam Độc Lập Muôn Năm!" Tiếng hô vang dậy cả góc trời. Đi đầu đoàn diễu hành là một người cao lớn cầm cờ cao lên bức chân dung nhà cách mạng Phan Bội Châu với cặp mắt sáng quắc và chòm râu dài... Hữu vẫn đi dưới gầm cầu có ánh điện nóng bức tỏa ra từ những ngọn đèn chói chang, và cũng ở đó dưới gầm cầu, Đông Ba hay Gia Hối? nơi có con thuyền đậu, ai đó cất lên giọng hò thăm thiết, nghe buồn đứt ruột đứt gan:

Giặc Tây đánh đến Càn Giò

Hỏi còn thương nhớ đợi chờ phương mô

Kể từ ngày thất thủ kinh đô

Ông Tây qua giảng dây thép, họa đồ nước Nam...

Hữu đang đứng tần ngần thì một viên đạn từ đầu lao thẳng tới, cắm phập vào giữa trái tim. Có người hét lên: "Boat people! Boat people!" Hữu đưa hai tay ôm lấy lồng ngực đau nhói..

... Ông già ú ớ đưa cánh tay gầy guộc lên vuốt mớ tóc ướt đầm mồ hôi, và định thần mở mắt nhìn chung quanh. Té ra ông - ông Hữu - vừa trải qua một giấc mộng dài, để cả mấy tiếng đồng hồ, một giấc mộng êm đềm ở đoạn đầu, lộn xộn khủng khiếp ở đoạn cuối, như là ác mộng. Một giấc mộng đưa ông trở về thời di vãng đã quá xa xưa, đồng thời cũng cùng ông dừng lại ở hiện tại trước mắt. Ông nhìn lên đồng hồ: bốn giờ chiều. Té ra ông vừa ngủ một giấc ngủ ngày dài đến bốn tiếng đồng hồ, từ khi ăn xong bữa cơm trưa, và ngọn đèn quá sáng trên đầu giường, ông đã quên tắt sau khi đọc báo, đã do như vậy trong suốt bốn tiếng đồng hồ qua!

Hiện tại đó, trước mắt ông. Ngay trên bức tường trước mắt, trong phòng ngủ này, là bức chân dung phóng đại lồng trong cái khung gỗ quý thật trang trọng: cụ Phan Bội Châu mà ông vừa nằm mơ đứng bên cạnh một ông lão người Nhật mà không ai khác hơn là cụ tổ của gia đình đang cu rư mang ông, đang bảo trợ ông và đưa con gái duy nhất của ông, nhưng người Việt Nam tị nạn tầu tiên đã vào được nước Nhật. Cụ Phan Bội Châu nơi bức hình trước mặt

đó ngày đêm ám ảnh ông. Sực nhớ, ông ngồi lật gối, cầm lên một tờ tạp chí, lật lật đến trang 23, và dừng lại ở một bức ảnh khác: cụ Phan trên chiếc đò Bến Ngự. Bên cạnh đó là một bài báo nhan đề “1985, kỷ niệm 100 năm ngày Pháp xâm chiếm nước ta” “1985 kỷ niệm ngày thất thủ kinh đô Huế”. À thì ra, bức hình cụ Phan ám ảnh ông. Những bài báo vừa mới đọc ám ảnh ông. Ngọn đèn để sáng trong khi ngủ ám ảnh ông. Thân phận tị nạn trôi giạt nơi nước người ám ảnh ông. Cả một quá khứ xa xôi ngập tràn ước mơ lý tưởng ban đầu của tuổi thanh xuân ám ảnh ông. - Cái thời dĩ vãng xa xưa ông đã tham gia phong trào Đại Đông Á...

Ông Hữu tung chăn ngồi dậy, bước qua phòng rửa mặt, xấp nước lạnh cho tỉnh cơn bàng hoàng, mộng mị. Tiếng người nói Arigato. Arigato bên ngoài nhắc ông nhớ rằng ông đang ở trong nhà một người Nhật. Từ phòng rửa mặt nhìn qua cửa sổ ra sân sau, ông thấy dưới gốc cây sồi to lớn, trên đồi cỏ non, con ngựa hồng của chủ nhân đang ghech cái mõm đẹp nhìn trời xanh biếc. Ổ thì ra chẳng có gì là mơ mộng hết. Tất cả những cái có thật, ngọn đèn, con ngựa, cụ Phan, người Nhật, chiếc thuyền, những tờ tạp chí, tất cả đã vào trong giấc mơ của ông! Thế thì ông nào có mơ mộng gì đâu. Tất cả chỉ là một cuốn phim dĩ vãng vừa quay lại, ở một đoạn đầu đời ghi khắc sâu đậm trong tâm hồn ông, cộng với một chút hiện tại liên hệ chặt chẽ với quá khứ.Ừ nhỉ, những ngày xưa ông còn trẻ, đã từng bước đi trong hàng ngũ những người yêu nước dưới ngọn cờ kháng chiến dành độc lập quốc gia. Ôi, cái thời xa xưa của những ước mơ và lý tưởng, của những khẩu hiệu và chiêu bài! Ông Hữu thở dài, nhìn ra ngoài trời. Con ngựa hồng vẫn đứng đó. Tiết trời đã sang Xuân.

Cuối tháng mười một, đầu tháng mười hai; cuối đông hay đầu xuân cũng thế. Nước Nhật ăn Tết theo tây lịch; ở bên nhà, nơi cái thành phố Sài Gòn ấy, bạo quyền cũng đã đổi thay ngày Tết sớm đi một tháng, từ năm ngoái. Tết, ông lại sắp sáu mươi tuổi chẵn. Và thằng cháu ngoại dòng giới Nara của ông với cặp mắt một mí cũng sẽ lên ba.



Giấc mơ kỳ quái - kỳ quái vì chín phần mười là sự thật, đưa ông Hữu trở về kỷ niệm thuở đầu đời, những kỷ niệm ghi khắc sâu đậm nhất vào cõi ký ức, vào cõi tâm hồn. Cho nên ông bàng hoàng suốt cả mấy ngày sau. Ông cứ ngồi sững ra mà nhớ, nhớ... Ông nhớ ông anh rể ngày xưa đã cứu mang mình - hồi đó mình là một học trò nghèo, sinh ra dưới mái tranh lụp xụp miền Trung nước Việt, ăn cơm với cá bống-chặng kho khô mà lớn lên cũng vẫn

hay chữ tốt, nên được con người yêu chữ nghĩa này đem lòng thương yêu. Cái ông anh rể công chức của chính phủ bảo hộ mà vẫn luôn luôn canh cánh bên lòng niềm ăn năn tội lỗi làm tay sai cho kẻ thù dân tộc, con người tự thuở mười bảy, mười tám đã tham gia phong trào học sinh đả đảo quân xâm lược, đến nỗi có tên trong hồ sơ đen, thì 20 năm sau, cho dầu có phải làm việc với người Pháp để kiếm cơm, nhưng khi thời cơ đến đã đứng về phía các nhà cách mạng để mưu đồ cứu nước, thì há chẳng là đã đi đúng con đường chính nghĩa hay sao? Vậy mà cái bọn lòng gang dạ thép đã thăm sát ông với tội danh “Việt gian thân Nhật”! Ông Phan bị giết, xác vức trên rú cát, sau những buổi chiều đông đạn lạc tên bay vù vù, trong làng có anh Mỗ vừa đi vừa gõ vừa rao “Bảo cáo bà con làng xóm tập hợp sáng mai mười giờ biểu tình đả đảo bọn Việt gian thân Pháp thân Nhật”. Người ta nín thở nằm im thín thít trong những căn nhà cửa đóng chặt, mặc cho vợ con ông gào la thảm thiết, đi nhặt xác ông về để chôn. Con trai út của ông - cái thằng hay đọc kiếm hiệp - chạy tới chỗ gốc cây, cầm dao rạch mấy chữ thật sâu “Con quyết trả thù cha”. Ấy vậy mà, hai mươi năm sau, vào năm Mậu Thân 68 lịch sử, cả dòng họ đều rụng rời trước cái tin người thanh niên ba mươi mốt tuổi ấy bị bắn giữa chợ Đông Ba vì hoạt động cho Việt Cộng. Lúc ấy, bà con mới kháo nhau “Đúng rồi, còn nghi ngờ oan ức gì nữa. Hắn vẫn thường nói: ông thân sinh hắn đã nhằm lần đi ngược lại con đường cách mạng nên bị giết! Hắn cũng thường hay nói “vấn đề không phải chỉ là chủ quyền quốc gia, vấn đề là cơm áo của dân nghèo” Và “Người ta ăn cướp, phải, người ta phải ăn cướp cho kẻ bị bóc lột chứ, bởi vì nghèo đói mà rên than, mà lạy van xin xỏ, cái bọn nhà giàu cũng không cho mà”! Tội nghiệp, người con trai út của ông Phan, cũng như cha, đã chết vì chính trị! - không phải chính trị, mà là ảo tưởng chân lý! - cái hình ảnh con ngựa hồng trên đồi cỏ non ấy mà, nó như là hình ảnh đẹp đẽ của một thứ lý tưởng mơ hồ... Ông Hữu nhớ, lúc bấy giờ mình ở trong Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, khi nghe tin người con trai út của ông Phan bị bắn, đã run lên bần bật, tưởng chừng như cặp mắt thối thối của người anh rể xưa nhìn mình trách móc giận hờn. Biết làm sao được, chuyện xảy ra ngoài Huế mà ông thì ở Sài Gòn, và, bà Phan có bao giờ đã cho ông biết về những điều có thể xảy ra như thế. Cặp mắt ông Phan cứ nhìn ông mãi nhiều năm sau đó, cặp mắt thật đẹp, ngày xưa đã chinh phục ông, quyền rũ ông...

Con người là sinh vật có cặp mắt nhìn lên mơ tưởng như vậy, và khi tưởng chừng bắt gặp chân lý thì sáng ngời lên, sẵn sàng tử vì đạo!

Và phải chăng, đó cũng là mắt của ông, ngày xưa? Phải, ngày

xưa ấy, ông cũng đã từng là hình ảnh một con ngựa hồng trên đồi cỏ. Thật đẹp. Ông đã tham gia phong trào Đại Đông Á, ông đã theo người anh rể quý cố hương khi nước nhà được độc lập vào năm 1945... À mà ông quên, đó cũng chính là ánh mắt của người thông ngôn đi bên cạnh người Đại Tá Nhật hồi xưa ấy. Chính anh ta, sau khi người Nhật bị Đồng Minh giải giới một năm, đã viết cho ông một bức thư từ tỉnh Thái Nguyên ngoài Bắc Việt, nói rằng “Ông Phan là một người yêu nước đáng kính, nhưng ông đã nhầm lẫn tin theo cái chủ thuyết Đại Đông Á của bọn phát xít độc tài, nay tôi đã tìm được chính nghĩa dưới ngọn cờ kháng chiến của dân tộc”. Hữu ném bức thư của Huyền vào xọt rác, ném luôn cả hình ảnh anh ta vào xọt rác, kể từ ngày ấy. Về sau, nghe tin Huyền đã giữ một chức vụ quan trọng bên cạnh một tên Đại Tướng ở miền Bắc.

Ngày 20 tháng 11 năm 1978 - ông còn nhớ rõ như vậy - trong căn nhà dột nát ở khu Khánh Hội, chỉ có ông và đứa con gái duy nhất đang ngồi trước mâm cơm đã cúng vợ ông. Bà đã chết sau một cơn cảm cúm nặng. Ông ngồi bó gối, đầu cúi xuống, như một con ngựa què. Cánh cửa xích mở, một người bước vào. Người đó chính là Huyền.

— Anh Hữu! Tôi phải đi ngay. Khổ công tìm kiếm hai năm nay mới gặp được anh giờ này. Chỉ có một điều để nói: “Theo phe này hay theo phe kia chỉ là sự tình cờ. Sự tình cờ của lịch sử, của hoàn cảnh. Tôi đã nhầm lẫn ba mươi năm trời nay. Mong rằng anh sẽ tìm cách thoát ra hải ngoại. Nhớ cứu lấy gia đình bà Phan và những người con”.

Huyền bước ra vội vã, khi có tiếng còi xe giục giã ở ngoài cửa. Hai người nhìn nhau nghẹn ngào, không kịp nói gì hơn.

Ông Hữu bỗng cười lên mấy tiếng khô khan làm rung rinh chiếc giường tre đang được dùng làm chỗ dọn cơm, cũng làm sững sốt luôn cả người con gái đang đứng dựa nơi cửa nhìn theo chiếc xe chở người đàn ông bí mật chọt đến chọt đi. Người lạ hoắc mà sao cứ chỉ thân mật gần như âu yếm với “ông già”? Ông ta đã nói gì khiến ông già cười lên quái gở như vậy?

— Ông nói gì vậy ba?

Nàng vừa hỏi vừa trở lại mâm cơm, mới thấy: hai giòng lệ chạy dài trên gò má nhô cao.

— Trời ơi, ba khóc?

Ông già không cầm giữ được nữa, Ông khóc thật sự :

— Ba phải khóc cho con, vì chuyện đời đáng thương tâm quá, không khóc làm sao được.

— Chuyện gì mà thương tâm vậy ba? Có thương tâm bằng chuyện mẹ chết vì thiếu aspirin và ba thì ở tù, mỗi ngày đi cầu ra một ống máu, đến nỗi người ta phải thả cho về?

Ông Hữu không nói gì, ông ngồi cong cong cái lưng, nghĩ “Cứu lấy gia đình bà Phan và những đứa con”! Có còn gì đâu mà cứu. Con không cha, vợ không chồng! Giờ này không biết đã dắt nhau đi ăn mày chưa? thì như cỏ dại, ngóc đầu không lên;

— Nhưng mà ông ấy đi xe nhà nước mà. Ông ấy mang quân hàm lớn lắm mà. Chắc không phải là bạn của ba đâu!

— Thôi thôi! Đừng nói nữa!

... Khi hai cha con người Việt trôi giạt đến bờ biển Nhật Bản và được đưa đến trình diện văn phòng định cư vào một ngày tháng 10 năm 1979, tất cả mọi người ở đó đều tỏ vẻ nghi ngờ lời khai của họ.

— Ông cũng biết rằng không thể có thuyền nhỏ nào từ Việt Nam tới thẳng Nhật Bản được, trên quan hệ địa lý. Tất cả những người vào đây được đều là do tàu lớn vớt. Ơ nhưng mà thôi. Ông khai thế nào cũng được, miễn là bây giờ ông đã có mặt ở đây. Sau đó, người ta cho ông biết một gia đình Nhật Bản tự nhận là có cảm tình đặc biệt với người tị nạn Việt Nam đã đưa đơn tại văn phòng định cư vùng Hokkaido để nhận bảo trợ đặc biệt cho một gia đình Việt Nam, với điều kiện là gồm hai người trở lại, “Hai người trở lại, và là người trí thức” họ không quên nhấn mạnh. Rồi họ khuyên:

— Ông nên đến đó thì hơn, vì tại Hokkaido này không có trại tị nạn qui mô như ở Okinawa hay Đông Kinh. Chỉ có một căn nhà nhỏ buồn hiu, ông và cô rồi sẽ chán lắm. Gia đình Nhật Bản này tỏ ra tha thiết lắm, dường như xưa kia đã có liên hệ tình cảm nào đó ở Việt Nam.

Bây giờ thì họ đã ở trong gia đình này được sáu năm, và thay vì là người tị nạn được bảo trợ, họ đã trở thành chủ nhân: cô con gái đã là đầu trưởng của gia đình Nara bốn năm rồi. Trong nhà không có đàn bà. Mẹ Hirho-Shi qua đời đã mười năm. Cha chàng sáu mươi ba tuổi, còn tráng kiện, mỗi sáng cưỡi ngựa đi khắp vùng để kiểm soát mấy trại chăn nuôi. Không phải đến bây giờ mà ngay trong buổi gặp gỡ đầu tiên. Ông Misako đã tỏ bày mối thiện cảm nồng nhiệt. Từ trại định cư về đến nhà, ông đã đưa ông Hữu thẳng tới phòng số 3, nơi có bức hình phóng đại hai cụ già đứng bên nhau. Ông Misako nói :

— Đây là thân sinh tôi, nội tổ thẳng Hiroshi. Đây là cụ Phan Bội Châu mà hẳn ông đã biết là ai rồi. Từ những năm 1905, 1907, hai vị đã là bạn thân. Cụ tôi còn để lại hồi ký về mối thâm giao giữa hai người, vì vậy mới có ngày hôm nay.

Vì vậy mới có ngày hôm ấy, và cũng vì vậy mới có ngày hôm nay họ quây quần bên nhau quanh chiếc bàn đại yến của gia đình

quí tộc Nara, được thiết lập ở mái hiên tây, không lộ thiên nhưng bốn bề trống gió. Đại yến mừng Xuân nhằm vào ngày 1 tháng giêng tây lịch. Thục khách quí gối chung quanh chiếc bàn dài, tất cả đều trang phục theo lối tây phương. Một mình Vinamo lộng lẫy trong chiếc Kimono cổ truyền, mớ tóc đen nhánh búi cao trên đỉnh đầu, có hai chiếc trâm vàng xuyên qua làm rạn rở cả khuôn mặt bầu bĩnh.

— Vi Nam! Ba trông con hoàn toàn giống một phụ nữ Phù Tang rồi đấy. Mà lạ nhỉ, tất cả mọi người không ai mặc y phục cổ truyền trong ngày Tết cả!

— Không có gì là cổ truyền nữa đâu, Ba! Ngày Tết cũng đã theo Tây phương từ bao giờ rồi mà. Hình như từ sau khi bom nổ trên thành phố Hiroshima.

Chủ nhân ông đứng lên trang trọng giới thiệu các thực khách: gia đình ông Kyoshi gồm hai vợ chồng, hai cô con gái và cụ nội tóc bạc như cước, ba thiếu nữ Việt Nam tị nạn mới đến Nhật chưa đầy một năm và Vi Nam đã gặp trong một dịp họp mặt cộng đồng. “Hiroshi con trai, Vinamo con dâu; thân phụ nàng: ông Hữu và tôi; sau hết là cháu nội tôi mang hai giòong máu Việt Nhật”.

Quay về phía ông Hữu, ông Misako nói tiếp:

— Để đón mừng Năm Mới, đây là một cuộc họp mặt cần thiết cho chúng ta, ông Hữu ạ. Gia đình ông Kyoshi mà chúng ta được gặp hôm nay, trông thì 100% người Nhật, thật ra chính gốc là người Việt Nam. Cụ tổ xưa là một trong những chiến sĩ của phong trào Đông du đã đến quốc gia này để cùng các nhà ái quốc mưu đồ việc cứu nước. Việc không thành, họ ở lại lập nghiệp. Tính đến nay đã bốn thế hệ. Hôm nay ông Hữu bạn thân của tôi, cũng như con dâu tôi rất sung sướng được gặp người đồng hương.

Người đàn ông đứng tuổi mập và lùn chấp hai tay lại, và nói một câu tiếng Việt mới học được đâu đó:

— Xin cảm^{ơn} ông vô cùng. Chúng tôi rất sung sướng gặp người đồng hương.

Hai người con gái đứng tuổi đứng sau lưng ông ta ngửa cổ ra cười ngất. Tiếng cười của họ làm cho không khí thân mật vui vẻ hẳn lên. Trước tiên, họ hỏi thăm nhau về chỗ ở, nghề nghiệp, con cái; sau đó họ nói chuyện về những thú vui ngày Tết ở đây, rồi bàn tán về vấn đề thực phẩm:

— Bây giờ thì đã hơi quen rồi, chị ạ. Hồi mới tới, tôi tưởng sẽ lịm dần mà chết đi được vì không tài nào ăn nổi, với cách nấu nướng ở bên này.

— Người bạn tôi ở bên Mỹ, trong một bức thư vừa mới tới ngày hôm qua, than van rằng mãi đến bây giờ, sau tám năm ở Mỹ, chị ấy còn chưa quen nổi với thức ăn bên ấy, món gì cũng vậy,

trông thì rất đẹp, rất giống ở Việt Nam, mà ăn vào thì chẳng có mùi vị gì cả. Con cá không có mùi vị của con cá, cái trứng không có mùi vị của cái trứng, cứ y như là đồ giả ấy thôi!

Món gỏi cá được mọi người chiêu cổ tận tình, tuy rằng món ớt được thay thế bằng đĩa củ cải trắng bào ra, vừa cay vừa nhạt vừa nồng mà Vĩ Nam nghĩ rằng cho dù rồi đây mình sẽ ở đây cho đến trọn đời mãi kiếp, cũng không bao giờ tưởng nó sẽ thay thế được quả ớt đỏ tươi đầm trong chén nước mắm, cắn một miếng tí xiu, vị mặn và cay đủ làm ngắt ngảy tê điếng cả đầu lưỡi. Vĩ Nam thoáng cảm một chút tự hào dân tộc qua vị nước mắm mặn mòi và vị ớt cay ngắt ngảy đó. Đó là văn minh, văn hóa của mình. Nàng định phát biểu cảm tưởng đó để góp chuyện, nhưng chưa kịp, thì chủ nhân lại đã cất giọng nói sang sảng:

— Ông Kyoshi ạ, ông Hữu à! Người Nhật Bản chúng tôi rất nể trọng tinh thần thượng võ của người Việt Nam. Cuốn Văn Quốc Sử Ký của Nhật ca ngợi tinh thần quật khởi của dân tộc Việt Nam nhiều lắm. Chúng tôi biết có các trận đánh lớn qua đó dân tộc Việt Nam, nhỏ bé như thế, đã cầm chân và tiêu diệt được quân Mông Cổ...

Những tiếng Trần, Nguyễn, Mông Cổ đều được ông phát âm rất đúng làm cho Vĩ Nam ngạc nhiên và hãnh diện. Nàng quay qua thông dịch lại cho cha, như đã sáu năm qua, mỗi câu tiếng Nhật trong nhà này đều được lặp lại một lần thứ hai bằng tiếng Việt.

Ông Hữu thấy mình cần phải đáp lại một câu:

— Tôi rất ngạc nhiên vì Bạn biết được những điều đó.

Ông Misako mỉm cười nói tiếp:

— Tôi còn biết nhiều hơn thế nữa kia. Hiện nay rất nhiều tài liệu văn học, sử học và y học lâu đời của Việt Nam đang được giữ gìn tại quốc gia này. Như bộ sách thuốc gồm 32 tập do một lương y Việt soạn - tên vị này tôi không nhớ rõ - bộ sách này hiện đang được y giới Nhật Bản coi như quốc bảo y thư, vô cùng quý giá. Họ không cho ai chụp lại cả. Ngoài ra, Nhật Bản cũng còn cất giữ các tác phẩm thi văn và chính trị chưa hề được phổ biến của cụ Phan Bội Châu. Cụ tôi xưa kia có ghi trong tập hồi ký để lại rằng: Nếu dân tộc Việt Nam có được nhiều người như cụ Phan, thì nước Việt Nam không bao giờ có thể mất được.

Ông Hữu cố gắng diễn đạt ý kiến của mình một cách khó khăn:

— Những chuyện ấy đã thuộc về dĩ vãng xa xôi. Chúng tôi bây giờ không có gì để kiêu hãnh. Chúng tôi đã đi hết lầm lỗi này sang lầm lỗi khác, chúng tôi đã ngã gục như những con ngựa què. Có gì đâu để mà kiêu hãnh. Chỉ cần mỗi người Việt Nam ngày nay ý thức được điều đó là cũng đủ lắm rồi. Chúng tôi mong mỗi buổi sáng có

được một hồi chuông nhắc nhở về thân nhân mình, niềm đau và nỗi nhục của mình để mà vươn lên như Nhật Bản ngày nay.

Cụ già tóc bạc như cước đưa tay lên vuốt tóc:

— Chúng tôi ở đây đã bốn thế hệ rồi, chẳng biết gì về Việt Nam cả. Cả đến chuyện cụ tôi xưa đã từng hoạt động gì đó, tôi cũng không hiểu rõ; đối với con cháu bây giờ chỉ là huyền thoại mà thôi. Vậy mà khi nghe nói đến hai tiếng Việt Nam thì cũng ngậm ngùi, một cảm giác buồn thương khó tả. Lão nhân nói xong, ánh mắt thoảng một vẻ buồn xa vắng.

Ông Hữu nghe nhột nhột ở đầu mũi. Ông chợt cảm thấy như có hồn thiêng sông núi hiện về trên từng khuôn mặt ly hương trước mắt ông. Giữa lúc ông đang bùi ngùi như vậy thì cái bà con gái của “lão nhân”, cái bà hồi nãy đã cười ngất, bây giờ lại ngửa cổ ra cười ngất nghêo. Cô ta nói :

— Đó là ông cụ tôi. Còn riêng tôi thì chẳng có ngậm ngùi hay buồn thương nhớ tiếc gì cả. Phải nói hẳn như thế cho nó thành thật, không giả tạo. Vì Vinamo biết không, tuy rằng khai sinh là như vậy, căn cước là như vậy, và ở đây đã bốn thế hệ rồi chưa được nhập quốc tịch Nhật đấy, nhưng chúng tôi có biết tí gì về Việt Nam đâu. Chúng tôi sống ở đây rất thoải mái, và chẳng bao giờ cần biết mình là người Nhật hay không. Sự biết mình là gốc Việt Nam cũng chẳng làm cho tôi xúc động gì ráo. Những ai trong hoàn cảnh như tôi mà nói yêu nước Việt Nam, nhớ nước Việt Nam, đều làm cho tôi ngạc nhiên và nghi ngờ lòng thành thực của họ...

Vì Nam khựng lại. Đĩa củ cải trắng cay và nong không làm nàng ghen hòng bằng mấy câu nói như dao chém của người đàn bà không son phấn, trong bộ đồ jean cứng ngắc kia. Nàng đưa mắt nhìn cha, thấy ông Hữu ngồi ngẩn ngơ ra, như không dám tin là mình đã hiểu đúng nghĩa lời người đàn bà vừa nói. Chị ta vừa gấp củ cải bào và chung với món gỏi cá sống, ăn những miếng thật to, và phát ngôn tiếp:

— Tôi không thấy có gì chứng tỏ hễ người cùng nòi giống, cùng tổ quốc thì thương yêu nhau hơn. Đấy, chứ không phải quý vị đã phải chạy trốn khỏi những người cùng chung màu da nước tóc, văn hóa, lịch sử đó sao?

Ông cụ tóc bạc như cước dường như hai tai đã lãng nên không nghe rõ bà con gái nói gì. Cụ gấp một miếng thịt gà Turkey bỏ qua bát ông Hữu, lơ đãng hỏi:

— Người Việt có dùng đũa để gấp đồ ăn không nhỉ?

Trên đời cỏ non phía sau lưng ông Hữu bỗng có tiếng ngựa hí hồi dài; tiếng hí nghe như kêu than, như thúc giục. Thì ra thằng cháu ngoại mất một mí của ông đốt pháo rồi ném vào dưới chân ngựa để làm cho ngựa giật mình chơi. Ông Hữu đứng dậy, kéo tấm

mảnh mảnh trúc xuống, che khuất mắt ông hình ảnh con ngựa hồng trên đồi cỏ. Thằng cháu ngoại kéo áo ông, ngáy thơ hời, bằng một câu tiếng Việt rất sôi:

— Ông ngoại không muốn trông thấy con ngựa hả ?

Nhà Sách TRUNG VIỆT

6520 Darlington

Montreal, Québec — Canada

H3S 2J3

Tel: (514) Bus: 341-1740

Res: 739-5183

*** Bán đủ các loại sách:**

Tự điển, biên khảo, tiểu thuyết, võ hiệp Trung Hoa, sách học ngoại ngữ, sách học nghề... (Với Thư Mục có gần 2000 mặt sách).

*** Băng nhạc mới, chính gốc :**

Gần 300 mặt băng nhạc của các nhà Phát Hành Thanh Lan, Làng Vãn, Dạ Lan, Tú Quỳnh, Thúy Nga, Diễm Xưa, Quỳnh Dao, Tú Phương...

*** Có trên 20 tạp chí :**

Những tờ báo đại chúng được phát hành khắp nơi tại hải ngoại.

Đặc điểm của Trung Việt :

- Sách và băng nhạc mới về hàng tuần.
- Giá đặc biệt để thiết lập Tủ Sách Gia Đình, Thư Viện.
- Nhận phát hành đi xa theo giá bán sỉ.

Đặc biệt 1986 :

- * Đánh dấu 10 năm nền Văn Học Việt Nam tại Hải Ngoại.
- * Phát hành Cuốn **Tổng Hợp Thư Mục**, bao gồm tất cả các loại sách Việt đã tái bản và xuất bản trong 10 năm qua.

Trầm Hương

Trái yêu thương

Trong giấc ngủ hương thơm còn nhắc nhớ
Mở mắt bình minh ngày muộn mắt rồi
Đời tắt tả áo cơm chia trí nhớ
Một phần tim cũng hờ hững xa chơi

Hỡi hạnh phúc ta cứ chờ mi mãi
Bỗng một ngày ôm ấp trọn trong tay
Sao đau đớn vẫn lăm lè hiện hữu
Trong ngọt ngào còn dư vị chua cay ?

Sao hạnh phúc cũng ngập tràn ân hận
Khi trái yêu thương chín đỏ tình cờ
Đời của nhau sao chất đầy lặn dạn
Bởi giữa đời ta sống cứ như mơ !

Người thương hỡi ! Tình yêu đầy nước mắt
Khó gần nhau mà cũng khó xa nhau
Hãy chỉ cho em lối nào gần nhất
Để ta về gặp gỡ giữa chiêm bao

Ngày hơn hớ đêm xôn xao nỗi nhớ
Những quay cuồng đắm đuối buổi yêu thương
Làm sao khỏi chỉ thuần là mơ tưởng
Trong một ngày mai mỗi đứa mỗi phương ?

Chữ hạnh phúc giải nghĩa hoài không đúng
Lời khổ đau ta thấm thía tận cùng
Thôi cứ mỉm cười thản nhiên mà sống
Nỗi đau này, thôi, cũng nỗi đau chung !

Còn nhớ về nhau lòng còn ấm áp
Quanh mặt trời kia, lắm chỗ giá băng
Trên trái đất nhiều nơi còn bão táp
Nên nỗi buồn ta chẳng phải cô đơn

Nguyễn Thị Hoàng Bắc
Trên trời dốc

Cả một thành phố náo-nức vì chuyện ra đi. Không còn ai xác xao bàn tán “nên đi” hay “nên ở” như cơn chộn rộn trước bấy lâu, mà chỉ còn “một chuyện nhất trí” là làm sao đi cho “lọt”. Cơn sốt kéo dài từ bảy-sáu đến giờ... Và cũng như ai, tôi lao vào cơn sốt.

Năm cao điểm bảy-chín, tôi đã thêm thường nhìn hút mắt theo bóng những người Hoa lên đường “đăng ký”. Họ kéo nhau thản nhiên ra lề đường uống nước, tán chuyện chờ xe lam tới chở nhau đi “vượt biên”. Chờ ra tận cửa biển Tháp Bà, ghe to bụi chờ sẵn ở đó với lương thực dầu mỡ sẵn sàng, thế là đi! Họ tu mấy kiếp rồi mà sướng thế!

Nhưng mà tôi, rồi tôi cũng phải tìm đường mà đi! Lội ra “bãi” nằm ụ đó cả đêm chờ đèn hiệu chớp ba cái là ào xuống, đèn đâu chẳng thấy rui sao du-kích đi tuần, thế là cả đám “nằm ấp”. Lần nữa, mới hớt-ha hớt-hải chui từ hầm mộ trong bãi tha-ma ra, quỹ Dracula công an chụp liền. Thế là xong! Nhưng rồi lại lần nữa, lần nữa... Ở tù riết, công an “trại cải tạo” kiêng mặt tôi.

— Lại mày nữa à?

— Vâng, cháu đây bác ạ.

— Thôi, kỷ này nom mày hom hem quá chả vào tổ văn nghệ được. Chịu khó đi cấy đi con!

Rồi đĩa rồi muối mòng tha hồ nhè hai bắp chân ồm tong của tôi mà làm thịt. Nhưng chưa ghê bằng cái trò đi gánh phân người bón ruộng. Tôi thấy mấy anh bên nhà B2, vừa đổ thùng phân người xuống ruộng vừa lấy tay bóp bóp, miệng thì nhai cục đường (của quý) cho đỡ gớm! Lần đầu thấy vậy, tôi như bị trúng gió, gục xuống ruộng mà nôn. Qua lần hai lần ba, nắng rực trời, đói khát mờ con mắt, nghe mùi phân người tươi chỉ thum-thum nặng-nặng mà thôi!

Ở tù ra, là tôi lại xây mộng.

Và một trong những mộng huy hoàng rực-rỡ nhất của tôi là... nếu... Trời cho tôi đi được, tôi sẽ nhất định gửi quà về cho Huỳnh thị Chín!

Hả, tôi mà gửi quà về cho mẹ Chín?

Quà của tôi đặc biệt lắm! Tôi nghe đâu đó có người nói: một thùng rác của Mỹ có thể nuôi được mấy chục gia đình Châu Á, phải vậy không? Vậy thì tôi sẽ "lục thùng rác Mỹ", lựa những món nào "xệ" nhứt sẽ gửi về. Áo rách nè, giẻ lau, hộp giấy nè. Nhưng mấy thứ đó chỉ là để "ngụy trang" thôi. Trong các hộp giấy hộp to hộp nhỏ, tôi sẽ lượm đá cục bỏ vô cho đầy rồi mới gửi. Tôi chịu hy sinh công khó mình mang đi gửi, chịu tốn tiền cước phí và nếu cần, đánh cả một cái điện, báo cho mẹ Chín hay để bay vào Tân Sơn Nhất mà lãnh. A ha! Mẹ ta sẽ hí-hửng, kênh đời, bu lu boa loa khoe-khoang tùm lum với làng trên xóm dưới, sẽ đóng cửa cái tiệm gạo tổ bố của mình để đi Sài gòn một chuyến "lãnh quơ" (phát âm theo đúng giọng Ba-tơ của mẹ). Và kết quả, mẹ sẽ nhận được một thùng giẻ rách bọc đá cục!

Thích chí quá, tôi cười vang phư vừa mới trả được hận. Mấy ngày sau tôi lại lần lần đâm lo: biết tội "đoan" Mèo nó có chịu cho mình gửi không, hay nó kiểm soát nó còn phạt cả mình nữa! Lo quá, chịu không được, tôi "né" bà già lấy xe đạp, dọt một vòng ra biển.

Vừa về tới cửa nghe mẹ Chín óng óng cái miệng:

— Chu chọa, cái mặt giáo viên, giáo viên đẹp quá mà đi ỉ... không đội cầu. Rước về ở cho đông, thứ người ăn đó mà ỉ... cũng đó...

Tôi tức lộn ruột. Phải rồi, nhà tao ăn đó ỉ đó, cũng là nhờ tội mày!

Năm bảy-lăm, hai tháng sau ngày "giải phóng", mẹ Chín làm tổ trưởng đặc trách phụ nữ của phường, cậy thế có thằng anh làm trưởng ty Ty Quản lý nhà đất, nửa đêm dẫn du kích đem súng đến nhà tôi bắt phải giao toàn bộ căn lầu trước, hất nhà tôi ra tận tít nhà kho sau xa kể bên nhà cầu. Lý do: vì ba má tôi ở chung với ông bác, ông bác "chạy theo đế quốc, làm tay sai cho giặc" (ai biết ông làm gì bên đó, chỉ thấy ông dắt vợ con đi tuốt không thèm kêu ba tôi). Ba tôi chạy lui chạy tới, nộp đủ thứ giấy tờ, đút cả tiền cho "bộ đội" vẫn không lấy nhà lại được. Đã thế, lại có dịp cho mẹ Chín ra giếng "ca cải lương":

— Tội bây muốn kiện lấy nhà hả, để tao bày cho. Kiện nhà lai Công ty Nhà đất mà kiện, kêu anh Mân tao đó! Nhầm nhò gì mà kêu Thanh tra Viện Kiểm sát Nhân dân ra, tao cười cho thú ỉ đầu!

Thanh tra Viện Kiểm sát Nhân dân là thằng cha "bộ đội" ăn

tiền của ba tôi!

Tôi đi dạy, “giải phóng” rồi, vì lý do lý lịch bản thân thì trong sạch đấy (tôi là con gái chưa đi lính cho “ngụy” ngày nào kể cả lính của bà Nhu) nhưng lý lịch gia đình thì còn nhiều điểm nghi ngờ. Bố, mẹ: có tham gia kháng chiến chống Pháp nhưng kháng chiến Mỹ thì đã “khiến chán”. Lại thêm ông bác “mất tích”, rồi ông cậu “đại úy ác-ôn”...

Thôi kệ, hơi đầu mà thắc mắc, ngày ngày ôm cặp leo lên chiếc xe buýt cà-tàng ép người hơn ép cá hộp, thở phì phà phì phò khi vào lớp dạy. Ban đầu tôi còn mặt áo dài đi dạy, tới trường hai vạt áo như hai cái giẻ lau bảng. Niên khóa sau, tôi lại đổi đi xa hơn: đạp hết chuyến xe buýt mười cây số, tụt xuống, bê cái xe đạp cà-tàng đạp rọc-rạch vào, qua năm-bảy mẫu ruộng, ba-bốn đường mòn lên đồi xuống dốc nữa mới tới chỗ tôi dạy. Bụi tung mù trời vì đường đất đỏ, phủ lên đầu, lên tóc, mắt, má, môi tôi. Tôi mệt thè lưỡi vì đạp xe lên dốc, lè lưỡi ra liếm môi thì lãnh nguyên một miệng cát. Lưỡi nhám xạm, muốn nhổ ra mà khạc hoài không có nước miếng, đành ngậm mà nghe.

Phải, tôi đã đổi đời với mù Chín “héo”. Cái mặt già teo quắt-quéo như trái cây chưa già đã chín, lãnh cái tên “Chín héo” là quá đúng! Mụ từ trên núi xuống ở nhà tôi nên tôi phải leo lên đây làm “giáo viên miền núi”.

Học trò ba, bảy đứa leo teo, đứa có quần đứa có áo nghĩa là không đứa nào đủ bộ. Cha mẹ đi lên nương rẫy cả ngày tụi nó phải ở nhà học đọc cho được tiếng Việt để chuẩn bị biết Đảng là ai, Bác là ai, để mà lo biết ơn. Anh hùng dân tộc của chúng nó là Đinh Núp. Anh Núp giờ sượng rồi ra Bác làm dân-biểu quốc-hội, mặc áo vét lên ti-vi bắt tay mấy ông lớn trong trung ương Đảng, nên giao tụi nhỏ ở trường này cho tôi. Bài hát “cơm bữa” mà tôi dùng để “dụ” chúng ở lại với tôi, ngày nào cô trò cũngร้อง:

“Kìa, một hai ba bốn chục tên lính thủy đánh bộ Mỹ kia nó bị chết trong rừng. Bộ đội giải phóng quân ơi! Các anh đánh! đánh!... đàn em vui ca, ôi đàn ta-lư!”

Cũng tại bài hát này mà tôi bị phó phòng “bổ túc văn hóa” kiêm “thanh tra miền núi” phê bình kiểm điểm. Hè nào cũng “hành” hai tháng học chính trị, tôi vừa ngủ gục vì mệt vì đói và chỉ thuộc được mỗi bài này vì tôi cho là hợp với “học trò dân tộc” của tôi. Thanh tra phê bình luôn:

— Cô phải làm nổi bật tính chiến đấu của bài ca. Bây giờ ta thắng rồi, cô phải cho các em hát là “một, hai, ba, bốn ‘vạn’ tên lính thủy đánh bộ Mỹ kia nó bị giết trong rừng...”

Ông thanh tra nói giỡn sao chứ? Một, hai, ba, bốn vạn tên lính thủy đánh bộ Mỹ kia nó mà bỏ mạng trong rừng thì “Tổ quốc ta”

chắc là tươi đẹp dài dài. Vì nghe đồn báo Mỹ đăng: một thẻ bài lính Mỹ, hội cựu chiến binh Mỹ mua đến cả vạn đồng!

Tôi muốn tin lời ông Thanh-tra bỏ trường vô rừng tìm xác Mỹ nhưng trừ trừ chưa dám thì thằng Y-lak trong lớp chết. Đang giờ học nó kêu lạnh tôi cho ra sân ngồi phơi nắng. Rồi bỗng nó nhảy dựng:

— Cái đầu nó đau quá cô giáo à!

Hai mắt đỏ ngầu sáng quắc, mặt hừng hừng nó chạy như chó dại sổng chuồng. Chiều thứ bảy, tôi mới về xuôi, xuống nhà thương thăm nó thì nó đã chết.

Mẹ nghe chuyện thất kinh bất tôi phải thôi dạy ở nhà. Nhát như thỏ để là ba tôi mà cũng phải chịu:

— Đàng nào con mình đi dạy thì nó cũng nể nang một chút. Nhưng thấy nó khổ quá thì tôi cũng không đành.

Tới phiên tôi sổ lồng: mẹ bán cơm đĩa bình dân bên lề đường, tôi chỉ ra sắp cái bàn gỗ, ba bốn cái ghế lùn, bê chén đĩa dọn ra, chiều, tới quét dọn bê về, thế là xong. Mấy thằng em tôi thì lo phụ trách chuyện chạy chợ, “xếp hàng cả ngày” để chục mua “thịt nhà nước”.

Thấy tôi nghỉ dạy ở nhà cũng có mập ra, mụ Chín chửi:

— Già cái đầu mà ăn mập thấy rồi đi ra đi vô... Cái bản mặt nó mà dạy ai, bị đuổi là phải! Nhà nước ta lúc nào cũng công bình sáng suốt.

Tôi ở tù lần này ra nữa thì mẹ khóc:

— Cái số mày vậy là “đi” không được. Nhà mình chưa tới phước. Biết vậy phải chi hồi đó đừng để mày nghỉ dạy.

— Mẹ tiếc tem phiếu nhà nước hả? Con đi làm, mỗi tháng mẹ bù mấy trăm mẹ không tiếc sao?

Thực ra là mẹ tiếc mấy chỉ vàng công cốc nộp trước cho mấy “mảnh vượt biên” để tôi được ngồi tù.

Mụ Chín khoái quá chừng. Hễ thấy tôi đi ra thì vờ hỏi mấy đứa con:

— Nhà đá nằm mát hay lạnh mấy?

— Kịch sĩ của ban văn nghệ A-30 đó tụi bây ơi! (A-30 là tên cái trại tù).

Càng ngày mụ càng lẩn tới. Nhà tôi phía sau, vậy là phải lãnh đủ mọi thứ rác rến từ trước tổng xuống. Ruột gà, lông vịt, bã mía, đầu tôm xương cá... làm thành một đồng rác lù lù trước nhà tôi, nghĩa là sau nhà mụ. Ruồi nhặng bay vo-vo ào-ào.

Mấy ông bạn già của ba tôi bàn bạc:

— Nó làm vậy để cho anh chị tức, dọn đi để giao nhà luôn cho nó.

Mẹ than thở:

— Tui tôi còn biết đi đâu! Bám vô cái chỗ này gần ga xe lửa, bán được đĩa cơm nào, có dư cho con nó ăn...

“Băng già” nói năng than thở nho nhỏ trong nhà, còn “băng lỗ thời” như tôi và mấy con bạn thì dùng máy “khuếch âm” :

— Đó là nếp sống văn minh, ăn đũa hai đầu, lấy chồng bộ đội làm dâu bác Hồ, mình nên học tập.

Chúng tôi tùm đầu ngay con hẻm thông ra nhà mù Chín mà tán chuyện vượt biên.

Mụ thò đầu ra cửa sổ khạc nước miếng trừ, chứ làm gì được tôi. Công an khu vực nào chả biết cái danh vượt biển của tôi!

*
* *

Thế là Dung đã phản bội bạn bè đi lấy “bộ đội”.

Thương Dung cũng có mà tò mò cũng có, tôi đi dự đám cưới. Dung ra về “cô dâu bộ đội” quá, nó mặc quần tây đen ống vừa phải, áo sơ-mi sọc xanh lợt, bên anh thanh-tra già. Lão đi tập kết ra Bắc có vợ, vợ trúng bom Mỹ chết chưa kịp có con. Dung gọi vợ lão bằng dì, thanh-tra đến thăm bên vợ, thế là có người làm mai. Chắc Dung cũng muốn lấy chồng “cho nó xong đi”. Dung già nhất đám, ba-mươi-tám tuổi mà lại hiền lành nhất. Nhóm tôi tuổi từ hai-tám là trẻ nhất, “tuyên thệ” gọi nhau bằng mày tao.

Trông Dung có vẻ xa cách thế nào nên đùa nào đùa nấy “tịt ngòi” không dám ồn ào như mọi lần.

Dung giới thiệu tôi với chú em họ bên chồng, đang học trường sĩ quan truyền tin, hai-tuổi-đảng, con này lấy chồng bộ đội rồi sao còn mất nét, đám giới thiệu “đảng viên” với “vượt biên phản động” à?

Anh chàng nói tiếng Bắc giọng Thanh Hóa nghe cũng dễ thương :

— Cha tôi đi bộ đội thời kháng chiến I, kháng chiến II, giờ là thương binh phục viên. Mẹ là y sĩ. Tôi là lớn nhất, hai em còn đi học.

Và hỏi tôi:

— Cô Thùy công tác ở đâu?

Tôi cười dài:

— Dạ, công tác nhà bếp!

— Cô là “chị nuôi” à? Của cơ quan nào thế?

Hỡi ôi, cái mặt tôi vậy mà thêm làm “chị nuôi” cho bộ đội à? Thôi, cho cái anh sĩ quan Việt-cộng này gài số “de” đi.

Thế mà sau lần gặp đó, hấn lại mò đến nhà tôi và chỉ vào đồng rác:

— Ba sạch, bốn diệt, sao Thùy không động viên hàng xóm

cùng công tác với mình để dẹp đồng rác.

Tôi bức quá phát câu:

— Anh động viên dùm tôi đi!

Vậy mà Tiến (tên hân) nói thật. Tôi đứng trong nhà cười khúc khích khi thấy Tiến “đấu khẩu” với cụ Chín Hèo. Họ gọi nhau bằng “đồng chí” một lát, thì thấy đồng chí Chín giận dữ đẩy đồng chí Tiến ra, đóng cửa đánh sầm một cái.

Tiến dạy đời:

— Tại Thùy không biết “đấu tranh”. Một lần không được ta phải tranh thủ thuyết phục, nói mãi thì cũng được thôi.

Về sau mỗi lần Tiến đến chơi, thấy đồng rác tôi đùa:

— Nhờ có đồng rác mà tôi có cảm tình với anh.

Mặt Tiến đỏ như gấc.

Một bữa, Tiến hỏi tôi:

— Sao Thùy còn tính đi vượt biên nữa không?

Tôi hết hồn, nhưng vờ làm tỉnh:

— Anh hỏi chi vậy ?

Tiến im, tôi tiếp:

— Tôi có đi, đại gì nói với anh. Để anh mách công an hả?

Tiến ra về, dắt xe ngang ngõ, Chín Hèo chửi vói theo:

— Rõ cán bộ mất phẩm chất !

Tôi muốn chọc tức Chín Hèo nên hay theo “quyển luyện đưa tiễn” Tiến ra tận ngõ, ai ngờ, anh chàng cảm động thật. Tôi không tin cọng sản có trái tim nên dò hỏi Tiến:

— Anh làm sao mà được vào Đảng?

Tiến kể, hễ ai học trường sĩ quan thì cũng bắt buộc phải là đảng viên. Sĩ quan cấp trên điều tra lý lịch thấy không liên hệ gì với đế quốc, bố Tiến lại bị trúng đạn Mỹ hẳn là có mối thù Mỹ nên tin được, kết nạp Tiến. Thành tích cá nhân thì chỉ có cái là Tiến học rất giỏi, bằng khen thành tích học tập: “thi đạt điểm cao, lại có sáng kiến cá nhân”.

Tiến sinh cùng năm với tôi nhưng cả hai đã trưởng thành ở những miền đất hoàn toàn khác biệt.

Tiến đồng hóa yêu nước là yêu Đảng, yêu Bác, chống xâm lăng là chống Mỹ.

Tôi hỏi :

— Thế Liên Xô không là một đế quốc kinh tế sao ?

Tiến lắc đầu và giải thích như đọc thuộc lòng trong sách, tôi chán ngấy :

— Thì Mỹ nó làm có hơi lộ liễu quá. Liên Xô có kín đáo hơn nhưng anh nào chả là đế quốc !

Tiến bảo :

— Người ta bảo con gái trong Nam hầu như hư hỏng hết rồi.

Tôi thấy không đúng. Có gia đình chạy theo vật chất Mỹ nhưng có gia đình không.

Tôi nói xằng :

— Ở đâu lại chẳng thế. Cái căn bã văn minh đó đâu phải là tiêu chuẩn cho mọi gia đình miền Nam.

Tiến càng nói tôi càng tức .

— Thù này, ai cũng bảo bộ đội vào đây là để “đội” đồ ra Bắc. Tôi không thế, tôi biết gia đình Thù... không có gì, nhưng tôi vẫn muốn là bạn của Thù.

Tôi gắt :

— Đẳng nào tôi cũng phải đi vượt biên.

— Thù tìm gì bên ấy ?

Tôi nói một hơi :

— Tôi đi tìm không khí để thở, tìm công việc hợp với khả năng và... tìm đá cục để gởi về cho mẹ Chín !

*
* *

Tôi cũng phải kiếm một nghề để sống! Và cái nghề hợp với tính bông lông của tôi: nghề “đắt mảnh”. Nghĩa là tôi làm trung gian mua bán giữa “bộ đội” và “nhân dân”. Những món hàng bình thường cũng có và quốc cấm cũng không thiếu !

Dung đây, Dung hiền lành và ngây thơ cụ của tôi giờ là bà thanh tra buôn lậu. Tôi là tay sai của hắn.

Cho nên tôi quen đủ thứ hạng người kỳ cục: Con bé Dương buổi sáng đội lốt là cô giáo mẫu giáo, buổi chiều lại là chủ một “động kín” ăn chơi của bộ đội. Công an biên phòng đứng ra nhờ tôi mua dầu cho một tổ chức vượt biên. Cô thư ký ngân hàng con liệt sĩ, bắt bớ với ông giám đốc, bà lớn từ ngoài Bắc vào đâm đơn kiện, ông giám đốc chạy quảng quảng nhờ Dung “giúp đỡ”.

Dung chia cho tôi những món lời vừa phải đủ có cơm ăn áo mặc chứ chẳng giúp được gì cha mẹ.

Hai thằng em tôi cũng vẫn mỗi chiều giúp tôi rửa xong chõng chén bát mớ cá lầy nhầy, biến đi coi ti-vi nhà hàng xóm một lát, lại về “tụng niệm”: “Tính ưu việt của chế độ là một khẳng định, một bước tiến lớn của nhân loại, là đỉnh cao của trí tuệ loài người”. Tụi nó lo bài thi chính trị ngày mai đấy !

Tôi chẳng còn hy vọng gì tới cái mộng “gửi đá cục”. Mẹ Chín đang trên đà thăng thế, tôi như ở bên này triển dốc, cú cái đà này mỗi lúc lại lao xuống thêm. Chín Héo đã “ngang xương” cho thợ đến xây bít hẳn tấm vách sau nhà, ngăn luôn cả cái giếng chung.

Tôi chạy kêu ông thanh tra của Dung thì ông kể một dọc dài dây mơ rễ má của mẹ Chín: Anh ruột mẹ là giám đốc công ty ngoại

thương, bạn thân của tỉnh ủy, em chồng là Chánh án Tòa án Nhân Dân, người đứng đỡ đầu cho mẹ chiếm nhà tôi, anh kờ mẹ, là trưởng ty Ty Quản Lý Nhà Đất.

Ông Thanh tra an ủi :

— Tại cô trúng cái gốc quá bự, khó mà bứng được lắm.

Còn cần phải kể thêm chồng mẹ làm bí thư phường, vẫn đi đi về về bí mật ít thấy lộ mặt ra ngoài. Tướng hán thật ác, tóc quăn liu-quiu, mắt trắng đục lúc nào cũng “ngời ngời ánh thép”.

Một chiều đi “chạy mánh” về, thằng em trai đón tôi từ ngoài ngõ, lấy hai tay quàng cổ kéo đầu tôi xuống thì thảo :

— Về cúng chè! Về cúng chè!

Tôi bực mình, hất tay nó ra :

— Mày làm cái con khỉ gì vậy? Lo xách nước chưa ?

Từ ngày Chín Héo bít giếng, nó lãnh thêm cái mục “khiêng nước”. Hai thằng hai đầu, đút cái đòn gánh vô khiêng một thùng nước thôi; vì tụi nó cũng như tôi hể gánh là té lộn nhào hất đổ hết nước luôn !

Nó vẫn cười nói tỉnh khô :

— Khỏi cần, khỏi cần. Đã nói là cúng chè mà !

Tôi ngờ ngác. Dựng chiếc xe đạp vô xó nhà thì thấy ba tôi đang ngồi bên cửa sổ, không phải “buồn hiu” như mọi khi. Tôi ngó ba, ba ngó tôi cười “đầy ý nghĩa”.

Tôi nói ra điều tha thiết nhất :

— Bộ nhà mình sắp được đi Mỹ hả ba ?

Ba sững sốt ngó tôi, rồi bỗng bực dọc :

— Cái con này! Mày ở trên trời rớt xuống hả !

May có thằng em gỡ tôi ra :

— “Nẫu” chết rồi, chồng mẹ Chín Héo đó, chết rồi. Làm sao mà chết hả? À, hấp dẫn lý kỳ rùng rợn: đào trộm mã Hời lấy vàng, mã sập xuống bít lỗ nghẹt thở. Xong là chết luôn !

Ngó bộ tôi không tin, nó tia lia :

— Chết thiệt, chết rồi. Mẹ Chín Héo thuê xe lên Thành chở xác mà.

Nó trở vô mất :

— Em đang xách nước ở giếng nhà ông “Sung rụng” em thấy, chính mắt em thấy Chín Héo khóc mà !

Tối hôm đó, ba chị em tôi chen vô nhìn tận mắt “chồng kẻ nổi thù”: ghê quá, mắt hán ta trợn trắng, mặt tím bầm, máu cục động nơi mũi nơi khóe miệng, bụng sưng to như cái trống, ruột như một sợi dây dài đổ lòng thông ra ngoài. Thằng con lớn vừa khóc vừa nhét đum ruột vào bụng thằng cha. Rồi lẹ làng lấy tấm vải phủ kín.

Mọi người chen lớp trong lớp ngoài tha hồ tiếc vì mẹ Chín kéo cửa sắt lại không cho ai vô. Con hẻm nhà tôi thành hội chợ

miễn phí. Mọi người lao nhao bàn tán :

— Giàu vậy mà còn tham. Đúng là ma đưa lối quỷ dẫn đường.

— Hồi mới giải phóng, nó ý thần ý thể đem xe tới chỗ ti-vi, tủ lạnh, vải vóc nhà người ta biết mấy !

Nó tập kết ra Bắc về trên núi rồi xuống mướn nhà ở Phường Cui nằm vùng... Thiệt là trời có mắt !

Mẹ thì bao giờ cũng nhân đức :

— Thôi người ta chết rồi thì trăm chuyện cũng xóa hết! Thấy cũng tội nghiệp !

*
* *

Không đâu mẹ, con nghĩ ra rồi: Những người như vợ chồng Chín Héo phải chết, chết sạch sẽ hết, không còn một đứa ! Con vẫn tuyệt vọng vì không còn con đường nào để thoát: Con không thể có nghề nghiệp trong sạch, con không thể lấy chồng đáng hoàng, nhà ta không có nơi ăn chốn ở cho an cư lạc nghiệp... Nên con buồn, con chỉ muốn đi hoặc là chết.


Nhưng đất nước này, khi sạch sẽ hết bóng những vợ chồng Chín Héo, ôi con yêu biết bao tình lý nhỏ bé này, con đường vàng ngời bóng cây dưới ánh trăng, những buổi sáng về quê hai bên đường lúa thơm reo từng loạt gió. Phải rồi, con sẽ ở đây, nói tiếng Việt khỏi mỗi miệng, đọc thầm câu thơ tình, tự an ủi mình khi nhớ người xa, ăn cơm Việt mặn-mà từng con cá kho xấp. Và... con sẽ như ngày nào dẫn tụi học trò nhỏ đi dạo biển để sẽ nói với chúng :

— Hết bão rồi, biển trời của mình lại đẹp ghê !

Nguyễn Thị Hoàng Bắc

BÁC-SĨ NHA-KHOA

NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG, DDS.



9251 Bolsa Ave.
Westminster, CA. 92683

(714) 895-1264

Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Bảy 10am - 7pm

- Khám răng định kỳ, làm sạch, trám và nhổ răng.
- Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải phẫu nướu răng.
- Nha khoa thẩm mỹ với phương pháp Bonding.
- Nha khoa nhi đồng - Kiên nhẫn với trẻ khó tính nhất.
- Ngăn ngừa và điều trị răng mọc lệch lạc, chỉnh hàm.
- Răng giả các loại, gắn dính và tháo lắp - Bền và đẹp.

KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - CHU ĐÁO

ỨNG DỤNG PHƯƠNG TIỆN VÀ KỸ THUẬT NHA KHOA MỚI NHẤT

Nguyễn Ngọc Thuận

Nhà đâu ta về

Nhà đâu ta về
Đêm khuya gió hú
Trăng tà lệ đổ
Đèn đường hiu hắt
Một mình ta đi

Đêm như tha ma
Chân ta gối mối
Một kiếp không nhà
Mang hồn kẻ rồi
Ai hay cho ta ?

Mẹ có như không
Nghìn trùng biển cách
Con có như không
Mây bay cánh mối
Vợ có như không
Đường muôn dặm lạnh
Nước có như không
Thân đành đất khách
Tay khô rã rời
Buồn rơi sương rơi

Ngồi xuống bên đường
Nghe lòng bão nổi
Đau tử chán chường
Bi thương ngàn nỗi
Em hay không em ?

Tình người mật đắng
Ta uống đau thương
Một đời đành tan
Quê xa mắt nước

Nhớ nụ hôn xưa
Mối ta tê vỡ
Nhớ mắt em xưa
Sóng sâu nước nở
Trời nhạt sao khuya
Sương từng hạt nhỏ
Còn gì ta mơ
Ngoài cơn mộng dĩ

Điều thuốc sau cùng
Đốt lòng cô lữ
Thắp đời lưu vong
Cháy người long đong

Gục xuống bên đường
Nghe chừng bão nổi
Xoè bàn tay không
Buồn muôn giọt mới

Nhà đâu ta về
Buồn giăng sương rơi

Truyền Kỳ

Hãy cầm nín
Hãy cầm nín
Trong tủ nhục tuyệt vời
Là khởi đầu nỗi đau cùng khổ
Con hoan lạc hãi hùng
Hãy quên đi sự thật

Hãy moi trái tim anh
Vết thật sâu vùng ký ức hư
Ốc não kẻ đại thù
Cố quên không được nghĩ
Khi trong tay súng đạn không còn
Công lý thuộc về kẻ mạnh

Hãy câm nín
Hãy câm nín
Những con vật hình người
Vũ khúc phi nhân quay
Kiếp người hoài vẫn đây
Ai biết được giữa hang cốc u tối
Khi không khí quý hơn ngọc vàng
Tình người phải đành ẩn trốn

Ai biết được trên vách núi rêu
Mỗi ngày máu hoa man rợ nở
Anh đi gió rú âm hồn
Gỗ xuống nhịp đời quỷ ám
Gỗ xuống xương tan tủy dập
Nửa giang cười hạnh phúc vô luân

Ai biết được tận góc rừng hoang
Lá bạo tàn trở đầy cây xảo trá
Ngôn ngữ quỷ ác tham dùng
Vấy máu theo lời lửa dữ

Khi nổi chết gần gũi hơn nhịp đập con tim
Ru dỗ anh từng nhát dao êm
Có lẽ nộ hôn cuối cùng
Đành gửi đất khô cỏ úa đau thương

Địa ngục không phải truyền kỳ
Địa ngục nơi đây
Có thật !

Nguyễn-Thị Ngọc Nhung
Lỗi Thời Gian.

Tươi xong mấy vồng đất nhỏ sau vườn, ông Nhị ngồi phệt lên chiếc ghế xa lông sờn với nhiều đốm dơ nằm sát vách nhà bếp. Nếu ông nhớ không lầm thì chiếc ghế này là của thằng Kha mua garage sale đâu đó. Đem về đến nhà thì vừa lúc gặp thằng Tú cũng đang khệ nệ tháo dây gỡ chiếc ghế nằm ló phân nửa ra cửa sau xe. Hai thằng lại cứng đầu, chẳng thằng nào chịu đem trả cái ghế của mình. Cả nhà đành phải bốc thăm và sau cùng, ghế của thằng Tú được để nơi phòng khách trong khi ghế của thằng Kha đem đặt sau nhà. Lý do cũng dễ hiểu và thật tế. Ghế của thằng Tú mua màu đen có nhiều đốm vàng sậm. Màu sậm ít dơ, ít thấy dơ, che dấu được vết dơ. Ghế kia màu xanh lá cây nhạt sọc vuông lẫn với sọc vàng cũng nhạt. Bây giờ thì mấy cái sọc đó chẳng còn ra hình thù gì cả. Nhiều đốm nước vàng vọt in dấu lẫn với đốm nước mưa văng tung tóe từ cái máng xuống nhỏ bên góc nhà đã vỡ. Ông Nhị thở dài khoan khoái, bật quẹt mồi điếu thuốc. Nhưng ông chưa bập hết hơi thứ nhất thì thoáng nghe giọng nói léo nhéo qua khung cửa sổ nhà bếp.

— Đã bảo ông ấy chưa quên được những ngày ở trại cải tạo !

Ông Nhị không kịp dậy nắp chiếc bật lửa, ông vội vàng nhồm mình dậy nhìn qua cửa sổ nhà bếp. Căn nhà bếp trống trơn không có ai. Ông Nhị bực tức bước vào bên trong. Phòng khách cũng vắng người. Ông hăm hăm đi về phía mấy phòng ngủ. Phòng của thằng Tú đóng im ỉm, phòng của thằng Kha cũng thế. Chỉ có phòng của thằng Nhiệm là còn mở. Nhưng cửa mở có nghĩa là nó không có nhà. Ông Nhị gõ gõ cửa phòng thằng Tú.

— Ê, Tú, Tú. Tao đây. Mở cửa tao hỏi mày một tí.

Cửa mở nhẹ nhẹ nhưng người ló đầu ra nhìn ông Nhị không phải là Tú mà là Viễn, đưa ở chung phòng với Tú.

— Tú nó đi học chưa về anh Nhị. Anh cần gì?

Ông Nhị định hỏi thì nghe thoang thoảng mùi nước hoa đàn bà. Ông cong cổ nhìn vào bên trong qua cánh cửa cổ tinh mở hé thật nhỏ. Ông chỉ thấy có cặp chân gập đôi trong thế ngồi yếu điệu trên thảm, đôi giày cao gót màu cam sậm. Bàn tay của Viên để trên nắm cửa có vẻ sốt ruột. Ông Nhị đành lắc đầu lui ra, trong lòng ông tấm tức ghê lắm. Chả biết thằng nhãi ranh nào dám cưỡi cọt ông như thế. Từ hôm ông đánh vồng đất nơi mảnh vườn sau nhà, cái lũ thiếu niên, chỉ biết châm biếm với lại mỉa mai ông mà chẳng thằng nào nói được một câu cho ra hồn. Chúng tưởng ông tiếc lắm cái thời gian học tập cải tạo. Chúng lắm to. Mỗi nhát cuốc ông Nhị bổ xuống là mỗi lời đay nghiến phân bì lẫn giải thích nổi đầy trong đầu ông. Ông làm để thân thể được khoẻ mạnh. Ngồi mãi một chỗ, không những con người suy nhược mà thần kinh cũng nổ tung mất. Ông Nhị mới đến có bốn tháng. Ở nhà, ông còn bà vợ với bốn đứa con, đứa nào cũng còn bé cả. Con Ly mới có tám tuổi, con Vân sáu, thằng Hải năm, con Thúy hai. Con Thúy là đứa sau cùng khi ông được trả về sau ba năm ở trại học tập. Ba năm nghe thì chóng nhưng thật ra nó dài vô hạn và nó đã ăn nửa số vàng vợ ông cất dấu được. Chạy chọt để được ra, đó là chuyện dĩ nhiên khó mà tránh được. Vợ ông sợ ông chết sớm trong tù nên đã dứt lót nhiều hơn người khác. Ông đã lớn tuổi, sắp năm mươi, người lại gầy còm.

Ông Nhị bỏ về phòng mình nằm. Căn nhà có bốn phòng ngủ này được chia bởi tám người. Hai người một phòng ngủ. Kha là đứa đứng ra lãnh mũi chịu sào và nó cũng là người đặt ra luật lệ, hy vọng mọi người chịu khó làm theo. Kha là em ruột của ông Nhị. Tuổi nó và tuổi ông cách nhau cũng khá xa. Nó là con vợ lẽ của bố ông. Lúc ông còn trẻ thì cái xung đột ấy mạnh mẽ lắm giữa mẹ ông và bố ông về người hầu thiếp mà anh em nhà ông vẫn thường khinh rẽ gọi là con hầu. Mười mấy năm đổi khác mọi thứ, từ khi mẹ ông mất đi, người hầu thiếp đương nhiên thành vợ kế của bố ông. Đám em ngày càng đông đủ bố ông khá lớn tuổi. Hình như, những đứa tranh chấp, chia rẽ đó bây giờ không còn nữa. Đối với ông Nhị, Kha là em. Chỉ là đứa em trai như Luận, như Tâm, như Thái mà thôi. Tâm tánh của ông Nhị đã trầm xuống nhiều lắm, nhiều hơn ông tưởng nữa. Nhất là bây giờ, ông ngồi đây, hai bàn tay trắng, ngày ngày đi học Anh văn, đi học nghề tiện, đêm đêm nắm gát tay lên trán nhớ lũ con và bà vợ đang trông ngóng giấy tờ gửi về với những gói quà nho nhỏ chất chứa đầy tình cảm của ông. Cái nhà ồn ào này đôi khi cũng làm ông Nhị muốn điên lên được những khi ông chỉ muốn yên tĩnh, thật yên tĩnh để cái hình ảnh ông tưởng tượng trong trí nhớ không bị xao động, không bị xóa nhòa, không bị chi phối với thật tế quanh ông. Thằng Kha ở với vợ nó, em dâu của ông, Hải Đường. Nói chung thì Hải Đường cũng

không đến nỗi nào bần tiện hay khó chịu nhưng ông Nhị vẫn thỉnh thoảng nhìn thấy một vài hành động, cử chỉ cho ông thấy tính tình của em dâu. Đôi lần ông nhìn thấy Hải Đường nhăn mũi gớm ghiếc đồ gạt tàn thuốc đầy nhóc vào thùng rác, mồm lẩm bẩm những lời than phiền với Kha.

Thằng Tú ở chung với thằng Viễn, nhưng không phải chỉ với mình thằng Viễn. Cái phòng của nó phải gọi là một đại hội trường xuyên tụy hợp. Ngày nào đêm nào, giờ nào, tháng nào cũng có tiếng nhạc văng ra, cũng có người ra vào nhộn nhịp. Đến độ mỗi lần ông Nhị cần dùng đến phòng tắm, ông cứ đứng bên ngoài nhăn nhó đợi gần cả giờ mới thấy một cô mở cửa bước ra. Một cô hoàn toàn xa lạ. Nhưng nếu ông còn đang sửng sốt trao đổi vài câu chào hỏi lịch sự thì cửa phòng tắm lại đóng ập lại một lần nữa trước mặt ông. À thì ra, đến những hai cô trong ấy. Nhưng mà, ông Nhị thắc mắc trong đầu, đây có phải là phòng tắm công cộng đâu mà ông thấy toàn những mặt lạ ra vào, chiếm ngự cả giờ đồng hồ. Đó là thằng Tú với thằng Viễn, còn thằng Nhiệm thì khác. Thằng này thì ông Nhị có cảm tình nhiều hơn. Nó ít nói, lặng lẽ lo chuyện riêng của mình, chẳng đoái hoài gì đến người khác. Ông Nhị thường khen với Kha "Ít gì thì nó cũng từng là phi công ở Việt Nam chứ bỏ đồ bỏ sao?" Thằng Tú bắt bẻ: "Phi công thì phi công chứ, điều đó đâu ăn nhằm gì đến tính tình của anh ấy. Người ít nói thì cho là dù gì đi chăng nữa, ít nói lạnh lùng, vẫn là ít nói lạnh lùng!"

Ông Nhị lấy chiếc gối ôm lên đầu, che cả hai lỗ tai. Bên phòng thằng Viễn bắt đầu có tiếng nhạc ồn ào vang ra. Ông chẳng hiểu chúng nó sống ra làm sao nữa. Thì giờ đi học về rồi là nhạc và đàn bà con gái. Ông chưa bao giờ thấy tụi nó có những bận tâm về gia đình hay bà con, những người còn kẹt lại. Đôi khi ông ước ông được bình thản như tụi nó, thảnh thơi mà sống, ngày mai hầy hay. Đôi khi ông bực tức buộc tội tụi nó là lãnh đạm với nỗi khổ của những người còn ở lại. Ông đã rửa xả đám thanh niên ồn ào đó là vô trách nhiệm. Trong khi chúng buộc tội ông chỉ lo sống với dĩ vãng của mình. Dĩ vãng của ông, trời ơi, nó huy hoàng rực rỡ nên mới đáng để ông nhớ hoài, nhắc hoài đến nó. Chứ cái lũ thanh niên mặt còn mắng sửa kia, có thằng nào có được cái dĩ vãng như ông? Ông Nhị thường tưởng tượng đến những cuộc tranh luận mà ông chắc chắn rằng ông sẽ thắng. Không thắng sao được khi ông đã từng là Công-tổ-viện, đã từng là Chánh-án Tòa án Quân-sự vùng? Khi ông đang ngồi trên bục cao trong một phiên tòa xử trang trọng thì chắc chắn cái lũ thằng Tú vẫn còn đang ngồi mài đũng quần Đệ Thất, Đệ Lục là cùng. Ông Nhị bực bội trở mình. Cả cái con Hải Đường nữa. Trông nó cũng có vẻ khinh khỉnh ghê lắm. Chồng nó là bác sĩ, dù chưa có được giấy phép hành nghề nơi xứ này nhưng

tương lai thằng Kha cũng đã ló nhiều tia sáng rực rỡ. Nhưng dù sao, chồng nó, thằng Kha cũng là em mình. Ông Nhị ngồi phất dậy, tay đầm đẫm chiếc gối nằm cổ làm nó mềm hơn. Hình như gối mềm càng ngày càng cứng ngắt khó chịu. Ông vừa đặt mình nằm trở lại thì có tiếng gõ cửa, giọng thằng Viễn ồm ồm:

— Anh Nhị có điện thoại.

Ông Nhị nhồm dậy. Lạ nhỉ, điện thoại reo lúc nào mà ông chẳng hay, chắc lại tại ba tiếng nhạc rầm rầm quái quỷ trong phòng thằng Viễn mà thôi. Ông đẩy cửa xuống nhà bếp. Nội nhà chỉ có phòng thằng Kha là có lỗ điện thoại và nhà bếp. Hình như thằng Viễn có làm thêm một lỗ cắm qua đường dây đã có sẵn trong phòng nó, nhưng nó vẫn chối bai bãi về điều này. Ông Nhị cầm ống nghe để nằm trên mặt gạch quầy nhà bếp, đằng hắng một tiếng rồi mới nói:

— A lô, tôi nghe đây.

Giọng đàn bà bên kia lạ hoắc, hơi chua.

— Chú Nhị phải không ạ?

— Vâng, tôi đây.

— Trời ơi, mừng quá. Cháu chẳng có một người bà con nào gần đây để hỏi thăm, mới được thư của mẹ cháu cho điện thoại của chú, mừng quá, cháu gọi ngay đây.

Ông Nhị lại tăng hắng như để thông cổ.

— Cô là ai nhỉ?

— Cháu là Nhụy đây. Nhụy con của cô Kim Hoài tiệm bán vải xuất nhập cảng tơ lụa đường Lê Thánh Tôn đây mà. Chú nhớ cháu không? Chắc chú không nhớ rõ cháu lắm đâu. Lúc đó cháu còn bé tí. Năm nay cũng gần ba mươi ba rồi. Cháu với chú là bà con xa. Thế này, bà cố của mẹ cháu là ...

Ông Nhị cố moi đầu óc để nhớ cô cháu gái xa lạ trong khi giọng người đàn bà trong máy không ngừng giãi đảm về bà con chẳng chịt. Ông Nhị nghe mình lạc lõng, mất hướng.

— À, thế à. Thế cô là con của cô Kim Hoài à.

Tuy nói thế, ông Nhị vẫn không nhớ được cô Kim Hoài là ai, cái tiệm xuất nhập cảng tơ lụa nào ở Lê Thánh Tôn. Cái giọng nói chua chua trong máy vẫn liên tu bất tận như không có dấu chấm dứt phẩy trong văn nói.

— Thế chỗ của chú ở cũng không xa nhà cháu lắm đâu. Hôm nào mời chú lên nhà, cháu làm món bún thang đãi chú. Chú đã đi làm chưa ạ? Cháu có mấy chỗ trống, cần người làm điện tử. Cháu có thể giới thiệu chú ngay. Cháu là bồ tèo của tên Lead mà. Hay là chú định làm chuyện khác? Mở tiệm hay gì đó. Nhưng thôi chú ơi, mở tiệm ăn hay nhà hàng thì có mà chết. Đầu tắt mặt tối đấy. Còn mở những thứ khác thì vốn liếng phải là cả trăm ngàn cơ. Đi làm

công nhật thể mà hay. Không, cũng không phải công nhật, công giờ ấy mà.

Ông Nhị rút rè hỏi:

— Làm điện tử là làm cái gì nhỉ?

— Assembler đấy chú. Cháu nói thể cho nó dễ hiểu. Thế chú có muốn làm không? Thêm được tí tiền gửi về cho mấy đứa bé ăn quà chứ lương cũng chẳng là bao đâu chú ạ. So với lương của chú ngày xưa, hay với tiền thu vào của nhà cháu thì cứ như muối bỏ bể ấy.

Ông Nhị ngẫm nghĩ trong đầu. Cho con bé ăn quà. Ăn quà khi gì. Gia đình ông giờ cũng sa sút ghê lắm chứ không phải đùa. Giọng chua chua lại tiếp:

— À, cháu quên. Nó là swing shift đấy.

— Swing shift là thế nào?

— Là làm ban đêm đấy chú. Hơi cực tí nhưng lương cao hơn ban ngày, bù qua sót lại chứ chú. Minh thức đêm thì lương phải cao hơn. Không thì ai mà thêm làm, thức trắng con mắt ra.

— À, ra thế.

Ông Nhị chưa kịp nói thêm gì nữa thì người bên kia lại tiếp:

— Chú có xe không? Mai lên cháu chơi. Chú thích ăn món gì nhỉ? Cứ bảo cháu làm ngay đấy chú. Chú ở một mình thì làm gì có người nấu cho chú ăn. Ăn tiệm mãi cũng nhàm chú ạ.

Ông Nhị ậm ừ.

— Ừ thì cũng có xe. Không, cũng không hẳn là xe tôi. Xe của thằng em ấy mà. Tôi đang tập lái. Ngày xưa lái jeep dễ dàng mà chẳng hiểu sao bây giờ tệ quá. Nhà cô ở đâu nhỉ? Cho tôi địa chỉ đi, mai tôi lên.

Cái giọng chua chua cười cười đọc cho ông Nhị một tràng tiền Anh. Ông cắt đứt cái giọng chua chua:

— Từ từ, chậm chậm xem nào. Chữ với nghĩa bây giờ chúng chẳng thêm ở trong đầu tôi lâu. Xem nào, số mấy? Đường gì? Đánh vần tiếng Tây đi. Chỉ có cái thứ đó là còn trong đầu tôi chứ còn tiếng Anh tiếng Mỹ gì chúng rủ nhau bỏ đi mất hết rồi. Rồi, rồi, xem nào, nhà cô cửa màu hồng? Không hẳn là hồng, hơi ngả đỏ? Có hình gì trước nữa? À cái tượng phun nước. Hình thằng bé con? Hình con ngỗng. À, à, thế thì cũng dễ tìm lắm. Mấy giờ thì lên hở? À, xem nào, mai tôi phải đi lễ mười giờ, độ mười hai giờ tôi đến được không?

Cái căn nhà có con ngỗng phun nước với cửa màu hồng ngả đỏ không phải dễ tìm như ông Nhị đã tưởng. Ông vòng đi vòng lại, mắt liếc bản đồ, tay giữ vô lăng, thỉnh thoảng tim đập thót một nhịp khi đầu xe hơi qua hai đường sọc vàng ở giữa lộ. Đây là con đường lớn nhiều xe cộ qua lại. Nhiều xe qua mặt ông Nhị rồi người

bên trong còn ngoái lại nhìn ông như chê trách. Có người còn làm dấu ngón giữa giờ cao, cổ tình nơi đầu mũi xe cho ông Nhị thấy. Ông thần nhiên chạy thật chậm.

Có tiếng hét ồn ào.

— Heh, old man. The sign says 45, not 5.

Ông giả vờ điếc câm. Cúi giong chưa chưa đã bảo nhà ở bên trái từ hướng ông đang đi nên ông đành phải giữ bên trái đường đi. Ông dừng nơi ngã tư nhìn con số trên bảng đường. Ông đã đi quá số nhà cô. Nhụy gần năm mươi số. Ông cẩn thận quẹo trái rồi lại làm luôn một vòng chữ U. Tim ông đập hơi nhanh với hành động bạo dạn mà ông dám chắc tụi trẻ như thằng Tú làm cái một, thanh thoi là đẳng khác. Lần trở lại này ông đi chậm hơn, nhìn kỹ số nhà. Khi ông nhận ra con ngỗng phun nước thì xe ông cũng vừa đi trở tới mất một căn. Ông đạp thắng, hơi chúm nhủi nhưng đằng sau ông không có ai. Ông Nhị cẩn thận lui xe sát vào bên lề. Con ngỗng phun nước chỉ lớn độ bằng bàn tay, lại nằm khuất sau mấy ngọn xanh xanh cao cao, trông giống cây lan đất. Còn cái cửa, ông Nhị muốn la trời. Nó không phải màu hồng ngả đỏ, nó là màu huyết dụ. Không, cũng không hẳn, màu huyết dụ bạc sờn khá lâu. Căn nhà có vẻ nhỏ nhắn cũ kỹ nhưng gọn ghẽ ngăn nắp chung quanh. Ông Nhị gõ cửa rồi mới thấy cái chuông rỉ sét nằm bên hông trái. Ông bấm chuông nhưng chưa lấy tay ra khỏi chuông thì cửa đã mở.

— Chú Nhị phải không? Cháu đợi chú mà lo ghê lắm. Cháu gọi điện thoại đăng nhà, chú Kha bảo chú đi từ sáng. Cháu sợ chú tìm nhà không ra.

Ông Nhị nói chậm chậm, bước vào nhà:

— Nhà cũng dễ tìm chứ không khó lắm đâu. Nhà đẹp quá nhỉ.

Người đàn bà tròn trịa đơn đả chỉ bộ ghề. Giờ ông Nhị mới nhận thấy sự tròn trịa nơi người cháu họ.

— Chú ngồi chơi. Để chừng hơn chục năm mới gặp lại chú. Trông chú có vẻ già hơn xưa nhiều quá. Ngày xưa, cháu nhớ chú cao lớn, đẹp trai ra phết.

Ông Nhị gật gật đầu. Ông nghe mình mệt mỏi, có lẽ vì nắng trưa hùng hục xen lẫn với nỗi hồi hộp khi phải lái xe một mình lần đầu đi nơi chốn xa lạ. “Có lẽ mình đã già thật rồi”. Ông lẩm bẩm rồi lôi gói thuốc trong túi áo ra, mắt nhìn quanh tìm gạt tàn. Cô cháu họ nhanh nhẩu:

— Nhà cháu không có đàn ông nên không có gạt tàn thuốc. Để cháu lấy cái đĩa cho chú dùng tạm vậy.

Nói xong, cô bỏ xuống nhà bếp khuất sau một khung cửa hẹp có màn bằng sáo như ở Việt Nam. Ông Nhị trông cô cháu gái lạ hoặc, lạ như một người nào đó bên kia đường tình cờ gặp. Mặt cô tròn trịa, không có gợi chút nhớ nhung nào về cô Kim Hoài mà cô

đã bảo là bà con của ông. Người đàn bà trông cũng khá lớn tuổi, phải hơn ba mươi ba. Mất nhiều nếp nhăn, nhất là cuối đuôi mắt dù da mặt đầy những phấn là phấn. Đôi môi đầy lại rộng, được tô đỏ, khi cười, nụ cười có vẻ như ngốn ngấu lấy người đối diện hơn là cảm tình nhẹ nhàng. Đôi mắt thì thật là sắc tuy mí mắt hơi nặng có lẽ vì người cô mập, mí mắt bùm bụp mỡ đóng. Ông Nhị chẳng thấy một nét quen thuộc nào ở mặt cô cháu họ xa này. Cô cháu trở lại với lon bia và chiếc đĩa sứ màu trắng mấp mé viền vàng. Ông Nhị đón lấy cái đĩa nhưng lại từ chối lon bia.

— Thôi cảm ơn cô. Tôi không uống bia được. Chẳng hiểu tại sao từ khi đến đây, người tôi suy nhược hẳn đi. Ngày xưa tôi uống bia 33 như nước lã ấy mà giờ nhìn thấy là tôi nghe ón. Chẳng hiểu tại phong thổ hay tại tôi già.

Cô cháu để lon bia trên bàn.

— Bia này nhẹ lắm chú ạ. Cháu còn uống được nữa mà. Chú cứ uống đi không sao cả. Cháu bảo đảm với chú. Loại này vừa nhẹ vừa thơm.

Ông Nhị châm thuốc hút, thở khói rồi hỏi:

— Thế cô Kim Hoài với nhà tôi là bà con như thế nào nhỉ? Hôm cô nói nhưng tôi quên mất đi.

— Thế này chú ạ. Đôi khi cháu cũng còn lẩn nói gì chú. Mẹ cháu thì vẫn còn liên lạc buôn bán với cô ở nhà, vợ của chú ấy. Nhân thế mới có dịp chú cháu mình gặp nhau ở đây. Cháu đến đây năm 76 một mình. À quên, chú hỏi bà con mình như thế nào. Bà cố của mẹ cháu là em của bà cố của bố chú.

Ông Nhị kêu lớn:

— Xa thế cơ à ?

Cô cháu hơi ngạc nhiên :

— Đâu có xa lắm chú. Thế chú Kha đã có vợ con gì chưa chú nhỉ? Cháu cũng không rõ gia đình chú có bao nhiêu người ngoài chú Tổng ra. Chú ấy mới ra trường Nông Nghiệp chú có hay chưa?

— Vâng, vâng tôi có hay chuyện ấy.

— Chú Tổng buồn cười lắm cơ. Hôm cháu gặp, thưa chú xưng cháu. Chú đẩy đỏ mặt xua xua tay mà không nói được. Thật sự thì cháu hơn tuổi chú ấy cũng gần mười mấy năm...

Người đàn bà ngưng ngang câu nói như đã chạm phải tuổi tác không ổn của mình. Ông Nhị thì nhớ rõ thằng Tổng lắm, nó là em út của ông mà. Năm nay nó chỉ độ hai mươi hai là cùng. Giới ới, thế mà cô này cứ cháu cháu chú cháu với nó, nó ngưng là phải. Cô cháu gái đưa lon bia cho ông Nhị.

— Dể chừng hôm cháu gặp chú Tổng đến nay cũng hơn sáu bảy năm rồi. Mẹ cháu có thư bảo liên lạc với chú xem sao, may ra bà con có người qua lại cho đỡ buồn. Cháu ở có một mình.

Có tiếng ho húng hắng. Cô cháu gái nhanh nhẹn:

— Cháu ở trông nhà cho bà cụ Kelly. Bà này sắp chết đến nơi rồi. Bệnh hoạn đầy người trông tội nghiệp lắm chú ạ. Nhưng cháu trông bà ấy để có chỗ ở trong khi đi làm thì cũng đỡ được nhiều thứ tiền lắm. À chú có muốn tìm việc làm để cháu tính.

Ông Nhị hơi ngượng nghịu.

— Ô, thì tôi cũng muốn tìm việc làm nhưng Anh vẫn còn kém quá. Chả biết...

Cô cháu mừng vui:

— Chú lo gì. Cháu làm lâu với tụi nó quá mà. Cháu giới thiệu người nào là cháu bảo đảm người đó. Tiếng Anh đó thì chú học thêm trong lúc có việc làm, thế có phải khỏe hơn lên châu chực Welfare!

Ông Nhị hút liên tiếp mấy hơi thuốc. Sự vui vẻ quá đáng của cô cháu gái bỗng dừng như một luồng gió mát thổi qua sa mạc khô cằn. Ông nghe thoải mái và bình tĩnh. Chưa bao giờ ông có được cảm giác đó từ khi đặt chân lên xứ này. Ông không nói chuyện được cùng ai, không bày tỏ được nỗi niềm chất chứa trong lòng ông, những lo âu, những dấu hiệu của già nua, của chán nản cuộc đời, của phế thải đầu óc. Những thứ đó, ông không có ai để nói. Mà ông cũng chẳng cần nói đến những thứ đó làm gì, ông chỉ cần có người để ông trò chuyện. Không, không ai thêm trò chuyện với ông cả. Thắng Kha đêm ngày ôm những quyển Y Khoa dày cộm, chúng có phải là cùng tuổi ông đâu để ông nói chuyện với chúng. Thật sự ra, nhiều khi, ông chỉ thêm, một câu chuyện vợ vẫn trao đổi mà cũng không có được. Bọn trẻ chỉ thích cười đùa, chế nhạo ông về những thứ ông không làm được như lái xe chẳng hạn. Ông muốn chửi cha chúng nó lên cho chúng nó biết ba năm học tập cải tạo đã làm mòn mỗi thể xác ông chớ còn trở lại với tiện nghi của thế giới văn minh là chuyện ngày một ngày hai.

Tim óc ông vẫn còn mãi vấn vương hình ảnh vợ con chờ đợi đè nặng lên ông những giấc mơ mà ông biết ngoài ông ra không ai có thể hiện thực được chúng. Không, chẳng ai thêm nói với ông một câu, dù chỉ là một câu. Thắng Viễn có lần than phiền rằng ông chỉ nói về ông, về cái dĩ vãng xưa cũ, và cái thế giới luật pháp mà ông là người cầm cán cân trong tay. Nó bảo chính vì thế mà chẳng đứa nào buồn nói chuyện với ông. Chúng nó sợ lắm những mẩu chuyện anh hùng mà ông đã kể về ông. Chúng chê bai, chúng bịt tai, chúng không thèm nghe. Ngay cả khi ông bảo “tao biết nghề này là nghề thất đức, nên tao luôn luôn ăn chay niệm Phật. Tụi bay có biết cái kết quả đó là sao không?” Tụi con nít mặt hôi sữa kia lắc đầu đồng loạt. Ông ngao ngễ “Nhờ thế mà tao mới còn sống ở đây này. Nếu tao làm sai thì tao không thể nào còn ngồi đây được

cả". Thành Viên phản đối câu nói của ông nhưng ông Nhị gạt ngoài tai. Bọn trẻ, có gì đáng để nghe.

*
* *

Kha gõ cửa phòng Nhiệm :

— Có ai biết anh Nhị đi đâu không ?

Ba bốn người ngồi vòng quanh ván bài ngẩng nhìn Kha. Câu trả lời đồng loạt :

— Anh ấy lên nhà cô cháu của anh ấy.

Kha à một tiếng đóng cửa phòng Nhiệm lại. Chàng để bức thư gởi từ Việt Nam sang trên gối giường của anh Nhị. Chàng cũng chẳng để ý lắm đến cô cháu gái họ xa này. Cô gọi cho ông Nhị gần như mỗi ngày. Cô ấy tìm việc cho ông Nhị. Thế là tốt lắm rồi. Kha nhẹ mình. Chàng biết anh mình đang có những giao động tâm thần. Nếu không ra khỏi được những điều buồn phiền chất chứa đó, anh chàng sẽ mãi mãi là một ông già trước tuổi. Ông Nhị mới có năm mươi tuổi. Kha vẫn nhớ rõ anh mình, một người đàn ông cao lớn tráng kiện. Sau ba năm tù đầy, ông chỉ xương với da, dáng điệu nhút nhát gần như rụt rè sợ hãi. Ông Nhị trước ngày học tập và ông Nhị sau đó là hai hình ảnh tương phản đến độ vợ ông vẫn thường rơi nước mắt mỗi khi nhắc đến. Đôi khi Kha nghe chính mình cũng thở dài xót xa. Đến đây rồi, ông Nhị lại càng có vẻ sa sút hơn nữa. Ông hút thuốc nhiều hơn, suy tư im lặng nhiều hơn, chỉ đi lễ ngày chủ nhật và đi học. Ngoài ra ông cứ nằm nhà gát tay lên trán. Cái dáng điệu nằm cú rủ với cánh tay gát lên trán nhiều lần khiến Kha xót xa nhưng chàng không biết phải nói sao với anh mình. Người anh mà đây là lần đầu tiên chàng mới gần gũi, quen biết.

Hải Đường mở cửa ngoắc Kha :

— Anh, anh, lại đây nhanh lên.

Kha đến gần. Hải Đường nắm tay chàng đặt lên bụng nàng.

— Suyt, đợi một tí. Con nó cử động. Chắc đang nằm mê thấy đám mẹ nó. Này... đây, thấy chưa? Kìa, nữa kìa.

Kha đứng yên lặng nghe dấu vết thật nhẹ nơi bụng Hải Đường. Cử động thật nhẹ, gần như mơ hồ nhưng chắc chắn khiến chàng cảm động. Chợt có người mở cửa trước, huyết sáo ầm ỉ.

— Có thư hôm nay không chúng bay.

Lời hỏi trống không đó không ai ngoài ông Nhị ra hết. Kha nói lớn, mắt nhìn Hải Đường âu yếm :

— Có thư của anh. Em để trong phòng ấy.

Ông Nhị đứng trước mặt hai người.

- Chúng mày đứng đấy làm gì đấy? Vợ chồng có yêu nhau thì tìm chỗ mà đóng cửa.

Ông Nhị vừa nói vừa cười. Kha nhìn Hải Đường ngạc nhiên. Ông Nhị vui vẻ :

--- Đâu thư của tao đâu ?

--- Đã bảo trong phòng của anh.

- Hôm nay trông Cô Đường đỏ da thịt hẳn ra đấy nhé.

Kha trở mắt nhìn Hải Đường. Cả hai kinh ngạc quá đỗi trước sự vui vẻ lạ lùng của ông Nhị. Kha nhìn theo anh đóng cửa phòng lại. Ông Nhị đang mặc chiếc áo da. Chiếc áo da hôm rồi thẳng Viễn cần tiền bán lại chẳng ai thèm mua! Kha đẩy vợ vào phòng.

--- Có lẽ anh ấy đang vui được thư nhà.

Trong thâm tâm cả hai, câu nói đó hoàn toàn là một câu nói dối.



Hải Đường đang thái củ hành thì có người vỗ vai khiến nàng giật mình suýt đánh rơi dao nơi tay.

- Cô ạ.

Hải Đường cười tươi, lau tay vào chiếc tạp dề mang trước ngực.

--- Chị Nhụy phải không? Giời ơi, đến nay mới biết mặt.

Cô Nhụy cười thật tươi, chiếc cổ đôi dưới cằm bắt đầu to, rung rinh theo nụ cười. Bàn tay của Nhụy mềm nhũn đầy những mỡ thịt.

- Để em làm... không, để cháu làm phụ với cô với. Đãi ăn món chi mà trông bận rộn thế này.

Hải Đường hơi bối rối trước câu xưng lễ phép:

--- Ô chả có gì, chỉ là ăn bỏ nhúng dấm thôi. Mình đang trông thẳng bé làm gì có thì giờ mà làm tiệc với tưng.

Cô Nhụy như giật mình:

--- Ô, vâng, cháu có nghe chú Nhị bảo cô sanh thằng bé trai kháu lấm cơ mà. Chú ấy có nói tên mà cháu quên mất. Tên gì đấy cô ?

- Trông cô Nhụy dễ thương quá. Đừng gọi tôi bằng cô làm chi, khách sáo quá. Cứ gọi tên. Bên này thì còn bày vẽ gì nữa. Tôi nhỏ tuổi hơn cô mà. Cứ gọi tên chẳng sao cả. Còn nghe thân mật hơn. Thằng bé tên Kiên.

Nhụy dấy nẩy :

--- Dạ cháu không dám. Nói thế chứ bà con nhà mình phải giữ đúng lễ nghĩa, có thể đàn trẻ mới bắt chước mà giữ được gốc nguồn tổ tiên chứ cô. Cô cho phép nhưng cháu chả dám đâu.

Đây là lần đầu tiên ông Nhị mời Nhụy đến nhà chơi. Ông đi làm với Nhụy gần cả năm trời. Người ông thay đổi hẳn. Bây giờ, ông Nhị là một người khoẻ mạnh vui vẻ. Ông ít khi nào nhắc đến cái dĩ vãng xưa làm Chánh án của ông. Chỉ nói đến việc làm, đến ngày mai tương lai của việc làm, đến xe hơi, đến quà gởi về Việt Nam. Kha cảm thấy sự thay đổi của anh mình phải được ảnh hưởng phần nào nơi người cháu gái đã tìm việc cho ông Nhị nên anh thường nhắc ông Nhị mời cô ấy đến nhà chơi cho biết mặt. Ông Nhị cứ lẩn lạ. Hôm thì nhà mình không được ngăn nắp sạch sẽ như nhà người ta. Khi thì nhà mình ồn ào lắm không đãi khách được. Khi thì Hải Đường mới sanh chưa có thì giờ lấy ai nấu nướng đãi khách, vân vân và vân vân. Lần này thì Kha lấy cớ chàng thi đậu nên nhân dịp mời cô Nhụy đến, ông Nhị không từ chối được đành phải gọi mời Nhụy.

Đĩ nhiên là cả đám con trai trong nhà phải phụ một tay và ngồi vào bàn ăn. Ông Nhị nghiêm khắc dặn Kha yêu cầu thằng Viễn với thằng Tú không nên giễu cợt những câu nói không đứng đắn trước mặt đàn bà con gái. Kha biết điều đó là thừa nhưng chàng vẫn cứ dặn dò Viễn với Tú cho vừa lòng ông Nhị. Nhưng khi chàng vừa quay lưng đã có đứa nói đùa:

— Ông ấy mời đào đến nhà mà quần lên như lần đầu “ta ghé môi hôn” chẳng bằng.

Kha giận run nhưng chàng không rõ ai nói trong đám năm thằng con trai ngồi lơ lơ trong căn phòng chật. Chàng dằn, nói nhỏ, gần như năn nỉ :

— Cô ấy là cháu họ xa trong nhà.

Kha chẳng hiểu mình bảo chữa cho ông Nhị hay với chàng?

Bữa ăn diễn ra bình thường không có gì đặc biệt. Giọng cười của Nhụy đôi khi làm Kha giật mình. Nó vừa the the vừa chua chua, lại gắt gắt như không qua được cổ họng nung núc mỡ của cô. Ông Nhị ít nói nhưng lần nói cũng đều là những câu đùa thật nhộn thật vui. Bữa ăn vừa tàn thì ông Nhị lật đật đưa cô Nhụy về ngay, lấy cớ ngày mai cả hai còn đi lễ sớm. Kha tiễn cả hai ra đường. Ông Nhị khoát tay bảo chàng cứ vào để ông đưa cô ấy lên xe. Kha quay trở vào, khí trời khá lạnh nên chàng co ro bước vội qua nhà xe. Tiễn chân, chàng đã tờ báo ẩm ướt nằm giữa lối đi vào bờ cỏ nhưng tờ báo chỉ nhích có một đầu rồi nằm ỉ một chỗ. Kha cúi xuống nhón tay cầm đầu tờ báo, đứng thẳng người ném nó ra lề đường. Mất chàng bắt gặp ông Nhị khom người đầu lọt hẳn vào bên trong cửa xe của Nhụy. Hình như hai người đang hôn nhau. Kha bỏ chạy vào như bị ma đuổi. Chàng không tin ở mắt nhìn, hay đúng hơn không muốn tin ở mắt mình.

Ông Nhị tiếp tục làm chung hăng với cô Nhụy cũng gần ba

năm sau đấy thì bị sa thải. Lý do là hăng làm ăn suy sụp. Ông Nhị tìm được ngay việc nơi khác trong khi cô Nhụy vẫn tiếp tục làm hăng cũ. Giấy tờ bảo lãnh vợ con ông Nhị cũng tiến hành suông sẽ mau chóng như ý ông Nhị thường mong muốn. Quả ông gửi về nhà thường xuyên đều đặn, đều đặn như mỗi tuần ông mỗi lên nhà cô Nhụy. Đôi lần Kha tỏ ý thắc mắc, một cách gián tiếp, thì ông Nhị chỉ cười lảng sang chuyện khác, bảo là tình bà con thì phải giữ. Huống hồ cô Nhụy ở chỉ có một mình. Cái bà già cô ấy ở chung thì đâu có tỉnh táo ngày đêm đâu mà xem như có mặt.

Kha cố chạy tiền để mở một phòng mạch. Người bạn cùng nghề, có được cái may mắn đến trước và mở một phòng mạch cũng khá lâu ở vùng này đã bảo Kha "Không phải tôi muốn làm buồn lòng cậu. Chứ thật ra cậu ra quán lúc này là trễ lắm đấy. Mấy ông kỳ cựu lúc trước ở Sài Gòn giờ vẫn còn ăn khách gớm. Cậu nên làm ở bệnh viện thì hơn. Nó vất vả nhưng đồng lương chắc chắn. Còn nếu như cậu có một số vốn nhỏ và không ngại cảnh ngồi gập dài đợi thân chủ thì cứ tự nhiên. Nhớ đừng có tìm cái phòng mạch to quá, đắt quá mà khổ với nó đấy nhé". Và từ khi Kha có được phòng mạch, ông Nhị chỉ ghé có một lần hôm khai trương mà thôi. Cho nên khi nhắc thấy đáng ông Nhị bên ngoài cửa kính, Kha đã vội ra mở cửa cho anh.

— Hôm nay anh nghĩ à ?

Ông Nhị lắc đầu không trả lời. Mắt ông nhìn quanh gian phòng nhỏ dùng làm nơi tiếp khách. Một bà già ngồi im lặng, khăn đen cột dưới cằm che gần hết cả mặt. Cô thư ký nhìn ông Nhị gật đầu chào hỏi. Ông Nhị có vẻ ngần ngừ.

— Phòng mạch của cậu đấy hở? Trông cũng được đấy chứ.

Thấy anh mình trả lời một câu chẳng ra đâu, Kha hơi lo ngại.

— Anh có khỏe trong người không?

Rồi thấp giọng, chàng thì thầm :

— Hay anh có chuyện riêng muốn nói với em? Em có thể để cô thư ký trông tạm một lát. Hôm nay cũng không có khách nhiều.

Ông Nhị lắc đầu. Kha đọc thấy sự mệt mỏi trong mắt ông Nhị. Nó gần như một sự phiền muộn bản thân nặng nề. Ông Nhị ngồi xuống chiếc ghế sát tường.

— Cậu cứ tiếp tục làm đi. Tôi chỉ ghé thăm cậu làm ăn thế nào. Xem thủ cậu bác sĩ có khác với cậu ở nhà không?

Câu nói đùa rơi vào im lặng. Kha cảm thấy bất ổn nhưng chàng không thể hỏi han ông Nhị trước mặt cô thư ký và bà già ngồi kia. Chàng đành để anh ngồi nơi ghế, trở vào bên trong với cô thư ký, gọi bà già đang ngồi chờ vào. Mười lăm phút sau Kha trở ra, ông Nhị không còn ngồi nơi ghế nữa. Kha thở dài.

Hải Đường báo cáo với Kha: ông Nhị không ra ăn cơm tối.

Kha bảo vợ để chàng lo. Tuy nói cứng với Hải Đường thế nhưng thật sự Kha không biết mình phải lo thế nào với anh mình. Anh đang bệnh chăng? Có lẽ nào? Còn chuyện tình cảm riêng tư thì Kha không có tư cách để chen vào. Kha gõ cửa phòng ông Nhị. Có tiếng lục đục chậm rãi một hồi rồi cửa mới mở. Ông Nhị có vẻ buồn rầu xa vắng.

— Chuyện gì đấy ?

— Anh không ăn cơm hôm nay. Anh có khỏe trong người không? Sáng anh ghé em có chuyện gì không?

Không cần mời, Kha bước hẳn vào bên trong phòng khép nhẹ cửa lại. Ông Nhị ngồi xuống giường của mình, đầu hơi cúi. Ông có vẻ cú rú của một người đến đường cùng. Kha không dám hỏi tiếp. Chàng nghĩ mình nên chờ đợi thì hơn. Ông Nhị đưa tay bóp trán:

— Nếu anh dọn ra khỏi nhà, em liệu tìm được người khác phụ tiền nhà không?

Câu hỏi ra ngoài dự đoán của Kha. Chàng trả lời, hơi tăm tức:

— Anh dọn ra làm gì? Ở thế này anh mới để dành được tiền gửi về nhà chứ nơi khác, họ tính anh đắt lắm, chịu gì nổi? Lương anh có là bao.

Giọng ông Nhị hơi gắt:

— Anh hỏi có tìm được người liên hay không?

Kha cũng gắt lại :

— Dạ, thì được. Nhưng...

— Chẳng nhưng nhĩ gì cả. Cuối tuần này anh dọn ra.

— Anh dọn đi đâu mới được chứ? Em nói làm sao với chị nhà? Rồi còn bố mẹ nữa? Bỗng dưng anh dọn ra à? Thế nào mọi người lại chẳng trách em.

— Cậu có làm gì đâu mà trách cậu? Nhảm thật. Tôi muốn dọn ra thì tôi dọn ra. Tôi phải hỏi ý cậu à? Cậu bao nhiêu tuổi so với tôi mà cậu đòi tôi phải hỏi ý cậu?

Kha dịu giọng, không muốn làm ông Nhị khó chịu hơn.

— Em không có bảo anh phải hỏi ý em. Em muốn biết lý do tại sao anh muốn dọn ra? Em chỉ lo anh ra ngoài một mình, chẳng ai săn sóc. Dù sao thì anh em chung nhà, cũng đỡ dần qua lại được lúc nào hay lúc ấy.

Ông Nhị lại lắc đầu. Kha để ý thấy anh mình lắc đầu hơi nhiều. Tưởng như anh ấy có thể lắc cái ý nghĩ quấy rầy ra khỏi đầu anh.

— Tôi muốn dọn ra thế thôi. Cậu đừng lo. Tôi sẽ thư cho mọi người ở nhà hay.

— Anh dọn đi đâu?

— Đi đâu thì mặc tôi. Hỏi mãi. Cứ như tra khảo người ta. Xong xuôi rồi thì tôi cho cậu địa chỉ sau.

Đêm đó Kha không tài nào chợp mắt được. Chàng bàn với vợ

chắc chắn ông Nhị dấu giếm điều gì. Hải Đường nói thẳng :

— Thì chuyện anh ấy với cô Nhụy chứ đâu.

— Nhảm. Không thể nào có chuyện ấy được.

— Chính anh kể với em là thấy hai người hôn nhau ngoài xe rồi giờ anh lại không tin.

— Ủ thì cho có đi, nhưng mà chuyện gì? Chuyện gì mới khiến anh ấy lo âu đến thế.

— Hay là họ cãi nhau? Cô Nhụy lấy chồng chẳng? Không chừng cô ấy nghe tin vợ anh Nhị sắp sang nên...

— Nên sao ?

Hải Đường vuốt ve thằng bé con mình đang ngủ giường bên cạnh.

— Em cũng chẳng biết nữa.

Kha nguyền vợ một cái dài.

— Thế cũng nói !

Hải Đường không muốn nói cho chồng nghe cái ý nghĩ nghi ngờ của mình. Nàng nghĩ Nhụy có thai. Nói ra thì có vẻ không được ngay thẳng khi nghĩ về ông Nhị nhưng Hải Đường nghĩ lắm.

Ông Nhị dọn ra khỏi nhà độ vài tháng thì Kha gặp thẳng bạn học cũ có phòng mạch gần Santa Monica. Câu chuyện giữa hai người thoát đầu chẳng có gì đặc biệt. Mãi đến lúc gần về Châu mới hỏi nhỏ Kha một câu:

— Phải anh mày tên Nhị không ?

— Ủ, anh tao đấy. Có chuyện gì không? Mày chưa gặp anh ấy lần nào hết hử ?

— Chưa. Nhưng cái tên họ nhà mày thì có lạc trên trời xuống đất gì tao cũng nhận ra được hết. Anh em nhà mày chỉ có một chữ lót kỳ quái nhất mà thôi.

Kha không để ý đến câu phê bình chữ lót tên mình, chỉ hỏi tới lo âu.

— Anh tao gặp mày ở đâu? Có chuyện gì không?

— Thì ông ấy đến phòng mạch của tao. Thế thôi. Chẳng có gì lạ cả.

Kha thôi không hỏi đến nhiều hơn. Mình không được quyền hỏi đến hồ sơ bệnh trạng của người khác, cho dù đó là anh mình. Nhưng nỗi lo âu không rời khỏi đầu Kha cả ngày hôm ấy cho đến khuya. Đang ngồi xem tivi chàng bỗng kêu to :

— Trời ơi, phải rồi.

Hải Đường ngạc nhiên dán mắt nhìn mặt kính tivi. Nàng chỉ thấy tivi tường thuật về một người sanh sáu đứa trẻ, ba chết, một trong tình trạng khẩn trương và hai đứa khỏe mạnh tuy hơi nhỏ con. Kha nhìn Hải Đường, mồm chàng há hốc, mãi mới nói nên lời.

— Thằng Châu nó là bác sĩ sản khoa !

Ông Nhị chạy tuôn vào nhà Kha như một đũa trẻ:

— Xong chưa? Chúng mày làm gì lâu lắc thế?

Thằng Kiên lững đững chạy theo ông Nhị.

Bác, bác, bác ạ.

Ông Nhị đỡ nó lên tay quay nhìn Hải Đường.

— Sao thằng này chậm biết nói thế? Mỗi một chữ bác nó cứ nói hoài là làm sao.

Hải Đường cười vui.

— Thì nó mển anh nên nhớ mỗi một chữ bác thôi. Bao nhiêu chữ khác nó không thèm nhớ.

Kha ra khỏi phòng tắm chưa kịp cài nút áo sơ mi.

— Đủ xe không? Đủ xe không?

Ông Nhị gật gật đầu.

— Đủ rồi. Ba xe rộng chán. Có năm người thôi.

Ông Nhị có vẻ rối rắm bận rộn. Ông hấp tấp ra xe rồi lại quên chìa khóa. Trở vào nhà, trở ra lại quên cái áo khoác. Trở vào, trở ra lại quên cặp kính mắt. Hải Đường nhéo nhẹ tay chồng:

— Anh ấy mừng quá nên quên đầu quên đuôi.

Ba xe nối đuôi nhau rời khỏi con đường nhỏ tuôn vào xa lộ 405. Viễn qua mặt Kha, đưa tay vẫy vẫy ra hiệu đi trước. Ông Nhị chạy thật chậm sau lưng xe Kha. Mọi người ra phi trường để đón vợ con ông Nhị đến qua chương trình ODP. Không ai phiền ông Nhị bất cứ điều gì cho dù ông thay đổi như chong chóng. Mới vừa vui đó lại buồn gắt đó. Nói câu gì chưa hết đã quên mất điều mình muốn nói. Ông Nhị đang tắm trong nỗi vui của mình. Kha bí mật bảo với vợ “Anh Nhị đang tắm trong nỗi lo của anh ấy nữa. Anh ấy đang bị giằng co giữa nỗi vui và nỗi không vui. Vui vì vợ con đến được nhưng lại không vui vì không được quyền tỏ lộ nỗi vui hết mình. Nó có vẻ tàn nhẫn nếu anh ấy vui hết mình. Và nó cũng có vẻ vô tình lắm nếu anh ấy không vui”.

Cả đám đến phi trường sớm hơn giờ dự định đến những 45 phút. Viễn và Tú kéo nhau vào cocktail bar ngồi uống bia. Hải Đường ngồi với Kha và ông Nhị gần cổng 67. Nàng vừa đảo mắt nói với Kha:

— May mà cô...

Kha nhìn theo mắt Hải Đường và hiểu tại sao phần cuối của câu nói bỏ dở. Cô Nhụy, vẫn còn tròn trịa vui vẻ, đẩy chiếc xe trẻ con đến gần ba người. Ông Nhị có vẻ áy náy. Cô Nhụy thân nhiên:

— Chào cô chú. Chào anh Kiên. Ủi giời, điện đến thế cơ à. Cô chú có khỏe không? Phòng mạch đông khách chứ nhỉ?

— Hải Đường liếc nhìn Kha hơi bối rối. Ông Nhị lôi bao thuốc trong túi áo. Kha trả lời Nhụy. Có lẽ chỉ còn mình chàng là còn đủ bình tĩnh:

— Cảm ơn chị. Chúng tôi vẫn khỏe. Lúc này ế lắm chị ạ. Mình đâu có tên tuổi như mấy ông bác sĩ cũ nên phải chịu vậy.

Cô Nhụy vẫn vui vẻ, không chút giả tạo:

— Anh Kiên trông bị bầm ghê. Chú cho anh ấy uống sữa gì? Con bé của cháu chẳng chịu sữa Similac, sữa Sma nó cũng chê. Sữa đậu nành thì phải là loại pha thêm nước nó mới chịu. Loại pha sẵn nó cứ nhè ra rồi khóc thôi.

Kha dè dặt :

— Cháu bé được mấy tháng rồi chị? Sữa đậu nành tốt lắm. Chị cho nó uống thế là được rồi.

— Sáu tháng đấy chú ạ. Chú thấy nó thế nào?

Ngỡ cô Nhụy muốn bắt bí mình, Kha trả lời trống không :

— À, thì nó cũng được.

Hiểu ý, Nhụy cười thật tươi, đôi môi rộng tởm đỏ như muốn nuốt lấy cả ba người đang ngồi khổ sở trước mặt cô:

— Không, ý cháu hỏi chú trông nó có khỏe mạnh không? Cháu đi làm phải gởi nó nên cứ sợ người ta không lo cho nó đầy đủ như mình. Vả lại, con đầu lòng, có biết ra sao đâu mà lo.

Rồi như để giải thoát cho ba bộ mặt ngưng ngáp, cô Nhụy thêm :

— Cháu đến đón cô Nhị cho vui. Bà con với nhau. Thế nào mẹ cháu cũng có nhần gởi chị với cô Nhị.

Hải Đường thở phào nhẹ nhõm. Là đàn bà năng tình tế hơn Kha và hiểu ngay ý của cô Nhụy. Trước sau gì thì tin cũng đến tai bên nhà. Chỉ bằng cô ấy chặn miệng tất cả mọi người ngay từ lúc đầu, dễ dàng hơn là đợi đến khi quá trễ.

Từ lúc ấy cho đến khi phi cơ hạ cánh, ông Nhị như người mất hồn. Ông tránh nhìn mắt Nhụy, tránh ánh mắt của Kha, tránh luôn bàn tay nhỏ bé của thằng cháu Kiên lẫn quần bên gối. Ông ngóng nhìn ra cửa rồi lại nhìn quanh đầu đầu. Khi vợ ông bước vào cổng, ông Nhị ôm vợ, mắt rơm rớm long lanh. Vợ ông Nhị nhìn cô Nhụy chẳng chút ngờ vực.

— Mẹ chị có gởi lời nhần hỏi. Này để về nhà rồi cô báo lại cho nghe. Giới ơi, lấy chồng lúc nào mà chẳng cho mẹ hay gì cả vậy ?

Cô Nhụy cười tươi, thật tươi, có lẽ quá tươi là đẳng khác.

— Làm sao cháu dám cho hay được cô. Cháu lấy chồng mới có sáu tháng thì chồng cháu tử nạn xe cộ. Chẳng lẽ cho mẹ cháu hay là vừa làm đám cưới rồi làm ngay đám tang cho chồng à?

Hải Đường im lặng vắn vẹo tay thằng con. Kha nhìn mái tóc điểm trắng của ông Nhị thở dài. Ông Nhị ôm bốn đứa con vào lòng khiến bốn đứa đụng nhau xô đẩy. Vợ ông Nhị vô tình.

— Khổ thế cơ à. Thế mà có ai hay đâu. Con bé kháu quá nhỉ. Trông nó không giống chị nhiều lắm đâu. Có lẽ giống bố nó đấy !

Nguyễn Thị Ngọc Nhung

Phạm Duy
Thời kỳ thành lập xu hướng nhạc tình.

Lê Thương.

Vào thời kỳ *chuẩn bị* và *thành hình* của Tân Nhạc Việt Nam, những nhạc phẩm có giá trị không phải chỉ đến từ thành phố nghìn năm văn vật là Hà Nội. Tại Hải Phòng, Lê Thương, Hoàng Quý, Hoàng Phú (sau này đổi tên là Tô Vũ), Phạm Ngũ, Canh Thân... cũng đã gần như lập thành một nhóm ca nhạc sĩ trẻ, đã bắt đầu sáng tác, đã hát phụ diễn cho những buổi diễn kịch nói của Thế Lữ tại Hải Phòng, hay theo Thế Lữ đi hát tại Hà Nội, Vĩnh Yên. Họ cũng là những hướng đạo sinh (ngoại trừ Lê Thương làm nghề thầy giáo, sau khi đã bỏ dở đường tu nhà dòng) và hay tổ chức đi thăm các tỉnh lân cận bằng xe đạp...

Lê Thương là người có nhiều "*nhạc tình cảm*" nhất trong bọn. Ông khởi sự bằng những bài như Tiếng Đàn Đêm Khuya, Một Ngày Xanh, Bản Đàn Xuân, Thu Trên Đảo Kinh Châu... Có lẽ ông là người soạn nhạc có nhiều tâm hồn thi sĩ nhất trong đám người tiên phong của nền Tân Nhạc. Lời ca của Lê Thương thật là vô địch, ngay từ lúc này cũng như mãi mãi về sau... Trong khi các bản nhạc tình của các nhạc sĩ trẻ khác dùng nhiều câu, nhiều chữ thật là "*sáo ngữ*" thì Tình Khúc của Lê Thương mới mẻ, thi vị hơn nhiều! Ví dụ bài Bản Đàn Xuân mà tôi đã hát trên các sân khấu từ Bắc vào Nam trong những năm tháng tôi làm *người du ca đầu tiên* (danh từ của Văn Cao) của nền Tân Nhạc :

BẢN ĐÀN XUÂN

Nhạc và Lời: Lê Thương



I —	Đàn	xuân	túi	lòng	này	cung	đợi	mong
II —	Đàn	ca	cảnh	vườn	Như	hoa	thả	hương
III —	Đàn	bao	tuổi	rồi	đàn	ca	chẳng	ngời



Rêu	ai	oái	trong	khư	phòng	Tình	tang	tang	tính	tính	tính	Tình	tang
Hương	hoa	lượn	theo	cung	đàn	Tình	tang	tang	tính	tính	tính	Tình	tang
Bao	giây	đứt	trong	quang	đời	Tình	tang	tang	tính	tính	tính	Tình	tang

Trước hết, trong một bài hát về mùa Xuân như Bản Đàn Xuân này, giống như các bạn đồng thời của mình, Lê Thương cũng mượn thiên nhiên để tỏ tình, nhưng trong ca khúc, ông đã “*nhân cách hóa*” sự vật, nghĩa là: *thiên nhiên là ông, ông là thiên nhiên!* Những chữ lớt, chữ đệm mà ta thường thấy trong dân ca cổ truyền như “*tình tính tang - tang tính tình*” được ông đưa vào Tân Nhạc một cách rất hợp thời, hợp cảnh. Nét nhạc “*ngũ cung*” có thêm một *bán âm* thoảng qua, không có hại gì cho màu sắc rất quê hương của ca khúc. *Tiến trình giai điệu* rất đẹp, có một *câu nhạc chủ đạo* được nhắc lại hai lần, vươn lên *anacrouse* (chỗ hứng khởi nhất của ca khúc), rồi tuần tự đi xuống, nghỉ ngơi ở cuối bài! Tôi thiếu thì tôi cũng thấy, về sau, có hai bài vị ảnh hưởng “*nét nhạc Lê Thương*”. Đó là Buồn Tàn Thu của Văn Cao và Chinh Phụ Ca của Phạm Duy !!! Chưa kể những bài khác của các tác giả khác! Tôi thích các câu ca của Bản Đàn Xuân :

*Ngồi xe chỉ hồng - Hỏi ai hiểu không ?
Tiếng oanh muốn nhắn lời thay những tiếng ngân.
Như chiếc bóng người chưa dám nhắc chân,
Chờ tin thơ chìm hoàng oanh đưa,
Còn xa bay trong áng sương mờ...*

Tiếng Đàn Xuân do Lê Thương gảy lên, sau khi đến với thiếu nữ trong khuê phòng, sẽ tới thăm “*cảnh vườn*”, để “*nhủ hoa thả hương*”. Hoa sẽ lên tiếng :

*Lời hoa kể rằng - Nhiều đêm rạng trăng
Thấy ai ước má hồng - Ru những tiếng êm !
Hoa cũng muốn trời cho có trái tim
Để yêu riêng nhân tình hoa
Và Xuân tươi, tươi đến muôn mùa !*

Bài hát tiếp tục :

*Đàn bao tuổi? Đàn ca chẳng ngại !
Bao giây đứt trong quãng đời,*

*Tình tang tang tính tính tình (2 lần)
Của tình duyên số mạng người !*

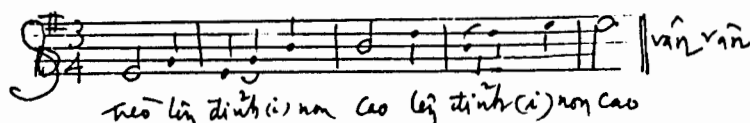
*Đàn cả nửa lời! Để cung nhẹ lời,
Có dây nắn tiếng cười, dây nắn tiếng than.
Dây nắn tiếng trầm, dây nắn tiếng vang,
Tùy theo dây tơ tình tơ duyên,
Và theo dây lưu luyến u huyền...*

*
* *

Cũng như các nhạc sĩ trẻ khác trong thời gian thành hình của Tân Nhạc, Lê Thương phổ nhạc những bài thơ của những thi sĩ tiên phong trong phong trào Thơ Mới. Bài thơ Bông Hoa Rừng của Thế Lữ khởi đầu bằng những nét nhạc "leo núi":

BÔNG HOA RỪNG

(1941)



Những bài thơ Lời Kỳ Nữ của Xuân Diệu, Ngâm Ngùi của Huy Cận (được gọi là Tiếng Thùy Dương) của Lưu Trọng Lư là Tiếng Thu, (trở thành Tiếng Hát thu)... đã được Lê Thương đưa vào ca khúc, được đăng trên báo chí, được hát trong giới yêu nhạc trong một thời gian... rồi thôi! Tài phổ thơ thành nhạc của Lê Thương không phải là dở, nhưng có lẽ lúc đó quần chúng ủng hộ Tân Nhạc không mạnh mẽ như sau này, một năm may ra chỉ có vài bài được trở thành "top hit", trong khi Lê Thương lại quá phong phú về phương diện sáng tác, vừa đem thơ nổi tiếng ra phổ nhạc, vừa soạn những bài do mình soạn cả nhạc lẫn lời. Lúc đó, Lê Thương chỉ thành công nhiều ở những bài "nhạc tình" do chính ông soạn.

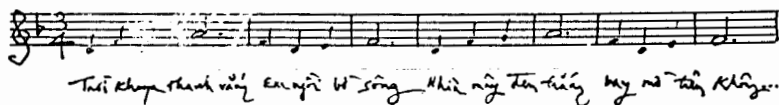
Nhạc Tình Yêu lúc đó, bất cứ một nhạc sĩ trẻ nào cũng đều viết ra và hát lên, nhưng nếu còn vương vấn ở trong lòng tôi vào lúc này, khi tôi đã ngoài 65 tuổi, thì đó phải là bài Một Ngày Xanh của Lê Thương.

Bài hát có một giai điệu mineure buồn lằng lằng, vì nét nhạc hay ngưng ở *quãng ba thứ* (tierce mineure) giống như nét nhạc "sa mạc" chẳng hạn :

Trích đoạn:

MỘT NGÀY XANH

Lê Thương 1938-1939



Nếu ta đã nghe nhạc tình của Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước, Dzoãn Mẫn rồi, thì so với bài Một Ngày Xanh của Lê Thương, ta sẽ thấy những bài đó kém thi vị hơn, ít cảm động hơn, không những vì nét nhạc mà còn vì lời ca nữa! Hãy coi "Lời Tình" của Lê Thương viết hồi 1939:

"... Từ xa đưa đến tiếng trống canh điểm đêm
Và tiếng dế kêu đêm êm !

Dưới sông có vầng trăng sáng
Chiếu trong lòng Đà Giang màu quang

Dưới đá anh có ghi những lời phối ước chung một lòng son
Tuy bây giờ anh đã ra đi
Lời thề còn ghi dưới cỏ xanh rì bên bờ Đà Giang !
Em đưa kẻ bên má anh hôn
Anh thề cùng em bề cận sông mòn cuộc tình duyên

Từ nay sông vắng im lìm lời ca
Đời xanh em ngán như đời ngàn hoa

.....
Một ngày xanh đã ghi vào đời anh
Cuộc tình duyên có khi nào anh quên ?

Ngày nay trăng chiếu trên bờ Đà Giang
Lòng anh thấy thiếu mối tình mơ màng !

Sau gần nửa thế kỷ, đôi khi hát lại bài này, tôi cũng vẫn thấy hiện ra Những ngày xanh của tôi, Bờ Đà Giang của tôi, và Lời thề ghi dưới đá của chàng thi sĩ / nhạc sĩ Lê Thương của tôi !

*
* *

Thời kỳ *thành hình* của Tân Nhạc cũng là thời kỳ thử thách! Ta đã thấy Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước, Văn Chung thử thách dung hòa hai hệ thống *ngũ cung* và *thất cung* trong Nhạc Mới. Lê Thương còn đi xa hơn nữa, ông dùng hẳn một âm giai của Nhật Bản *re mi fa la sib* để soạn bài Thu Trên Đảo Kinh Châu :

THU TRÊN ĐẢO KINH CHÂU

Grazioso

Nhạc và Lời: Lê Thương

I— Dàn chim bay thiết tha trên núi cao miền xa. Mây
 II— Ngày nay cuộc đắm đuối, hoa héo khô vì đâu. Chim
 theo những nỗi buồn mong mơn nguồn thắm sâu đã qua. Khi ta
 oanh nhúc tiếng một vài câu để thương dài cút thừ. Sông Kinh
 đi liêu đãng còn xanh lá. Trong đám cây oanh hót vài lời
 Châu có con bướm trắng. Gió thu mang người biệt
 ca để chông dăm... hoa.
 lý vào cảnh sầu đó... chẳng.

Lúc Lê Thương soạn bài này, quân đội Nhật chưa tới chiếm Đông Dương cho nên ta không thể nói rằng Lê Thương bị ảnh hưởng loại nhạc của binh lính Nhật đem qua! Có thể vì đề tài là một mùa Thu trên một hòn đảo có cái tên là Kinh Châu gần gũi với cái đền Đông Kinh - Tokyo, cho nên nhạc sĩ họ Lê đã quyết tâm dùng hẳn một âm giai Nhật Bản! Gần đây, trong công trình khảo cứu về Hát Quan Họ, người ta khám phá ra rằng bài Thu Trên Đảo Kinh Châu của Lê Thương đã được tiếp thu vào loại "*hát bội*" của miền Kinh Bắc ngay từ hồi thập niên 40 (1).

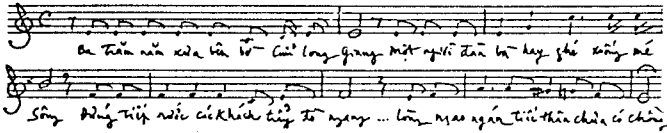
Lê Thương, tuy vậy, vẫn không ra thoát được chủ đề "*Nhạc tình cảm thiên nhiên*". Bài hát về mùa Thu trên một hòn đảo tưởng tượng sẽ được nối tiếp bằng một bài hát về mùa Xuân: Xuân Yêu Đường, đăng trên báo Ngày Nay số Xuân 1941. Chàng nhạc sĩ lớn tuổi nhất của nhóm Hải Phòng này (ông sinh năm 1913) sẽ từ biệt hải cảng miền Bắc để vào Nam sinh sống, trước hết là ở An Hóa thuộc Bến Tre, về sau sẽ lên ở Sài Gòn. Những mối tình vương vãi của ông đã khiến chúng ta có được những bài tuyệt diệu như Nàng Hà Tiên, Hoa Thủy Tiên... Đây là lúc mà một thiếu nữ có cái tên tiên cảnh là Hà Tiên đã đi vào đời chàng thi nhạc sĩ họ Lê.

Những bài Nàng Hà Tiên, Hoa Thủy Tiên đã báo trước cái tài soạn "truyện ca" của Lê Thương! Ta hãy nghe :

Trích đoạn:

NÀNG HÀ TIÊN

Lê-Thương (circa 1940)



Với một nét nhạc majeur rất lưu loát và với nhịp kể chuyện hơi nhanh, ông kể rằng 300 năm trước, có người đàn bà làm nghề rước khách thấy đò ngang, đang buồn phiền vì chưa có chồng thì :

"... Ngày kia tự nhiên có một thiếu niên nào,
 Từ quan san xa cách đâu tìm đến...
 Mới bước xuống xe vừa trông thấy cập má đào,
 Chàng thiếu niên bèn ngỏ lời kết duyên..."

Lê Thương chuyển nhẹ qua DO mineur với nét nhạc thật là ngọt :

"... Hai năm sau sinh một nàng tiên !!! "

Qua đoạn hai của bản nhạc, Lê Thương lại trở về với giọng majeur và với một nhịp đều đặn, giống như một Điệp Khúc, kể truyện tiếp về cô Tiên, kết tinh của mối tình giữa cô lái đò (lại lái đò!!!) và chàng thiếu niên (teen ager?) :

"... Nàng nghịch đùa sông.
 Phá nước thay dòng,
 Nàng cầm nguồn mưa,
 Tươi ra Biển Hồ.
 Chiều chiều Nàng mong,
 Chờ một làn sóng,
 Đến dâng cho Nàng khúc đàn,
 Ấu yếm mơ màng !"

Nàng Tiên đó, nghịch đùa sóng, lấy tay cầm nguồn mưa tưới qua Biển Hồ Cao Mên... và chờ đợi làn sóng đưa đến cho Nàng khúc đàn âu yếm... Thế nhưng Nàng Tiên sẽ không được như Mẹ, không có được người yêu... và sẽ biến thành một bến nước gọi là Hà Tiên :

"... Mười mười lăm sau Nàng Hà Tiên, bực mình vì lòng thiếu chủ duyên!

Đem thân Tiên Nương đi tìm Vịnh Xiêm, họa chẳng có bóng quý nhân độ thuyền?

Ngày kia một cơn gió mang tới biên thủy, một Công Tôn đi đứng trông kiêu quý...

Bóng dáng quý nhân vừa trông, đã thấy hóa ra Nàng gặp một giấc mơ !!!

Tiên cô đi yêu một bài thơ !

Từ mộng thuyền duyên tới giấc mơ huyền.

Lòng người được quen thú vui hoặc huyền.

Từ rày Hà Tiên thành một bờ bến

Đón đưa những người xuống đò để thấy mơ hồ..."

Ngay từ lúc đó, ta đã thấy "câu nhạc" của Lê Thương rất dài, bằng chứng của óc sáng tạo, khác với tài năng kém, chỉ soạn nổi câu nhạc cụt thun lủn. Đầu óc phong phú còn sáng tạo ra một câu chuyện hư hư thực thực, chuyện người để ra Tiên, rồi Nàng Tiên biến thành một bến nước có thật ở miền cực Nam nước Việt... Nhưng khởi sự có lẽ cũng chỉ vì mối tình với một cô gái có đôi má lúm và đôi mắt sáng như sao tên là Hà Tiên. Tôi được gặp nàng Hà Tiên bằng xương bằng thịt tại thành phố Vinh khi tôi là kẻ hát rong đang đi trên con đường xuyên Việt vào năm 1943, 1944... Nàng Hà Tiên, một trong những người tình đầu của Lê Thương, sau này sẽ tìm thấy hạnh phúc ở một thanh niên nhạc sĩ khác: nhạc sĩ Dương Thiệu Tước, ông này cũng không có dính dáng họ hàng gì với Dương Thiệu Tước cả !

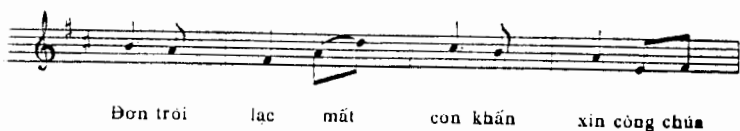
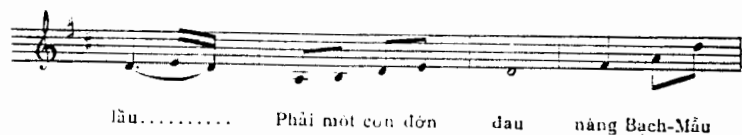
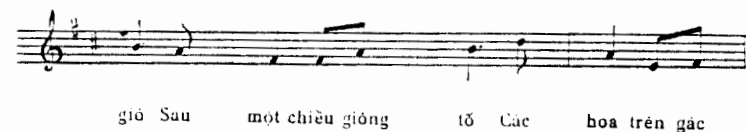
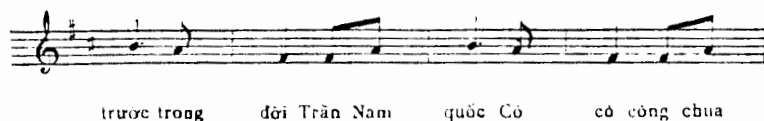
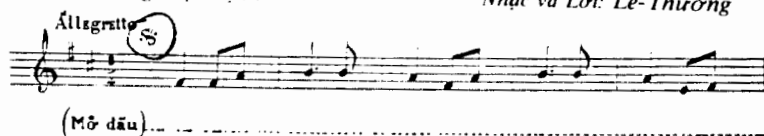


Tiếp tục sáng tạo cho chúng ta những truyện ca, Lê Thương còn đưa ra bài Hoa Thủy Tiên. Cũng với những lời ca rất nên thơ, nét nhạc rất Việt Nam, với "nhịp đôi" dung dị mà ông sẽ dùng trong các "nhị đồng ca" sau này, nhất là với tài dựng những cốt truyện thần tiên. Lê Thương đã dùng âm nhạc để đưa chúng ta vào cõi không còn thực nữa, một cõi mộng mơ nhưng vẫn chan chứa tình người :

HOA THỦY TIÊN

Nhi đồng nhạc tuyền:

Nhạc và Lời: Lê-Thương



2

Long nạng công chúa,
Thương người và hoa quả,
Đến đem kêu khấn trời,
Xin đền bù hoa đã rơi,
Nặng bầy trên gạc,
Ước chừng mười tô nước,
Khấn xin ba tháng rong,
Nhưng trời chỉ cho nước trong,
Ngay tháng chong qua,
Thu he đã xa,
Cuối đông năm đó, Trời
cho nàng thủy-tiên xuống đời.

3

Nằm chìm trong nước,
Đang chờ thời gian lược,
Thấy cô công chúa loa,
Cô nàng thủy-tiên tiến ra,
Trình bày trên bát,
Ba long vàng thơm ngát,
Khiến cho đôi mắt loa,
Cô nàng công chúa sang ra,
Nâng nở mắt xong,
Trông vào tô nước trong,
Thấy xuân năm đó, Trời
cho nàng thủy-tiên xuống đời.

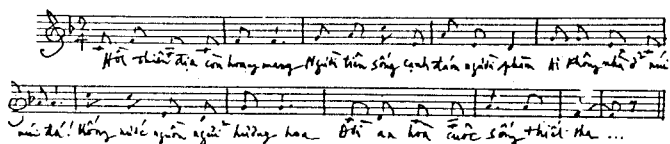
Cô Công Chúa mù lòa, suốt đời nuôi nấng hoa, ở đời Trần trong một nước tên là Nam Quốc, sẽ chết đi, đầu thai thành bông hoa Thủy Tiên rất gần gũi với người Việt Nam vào những ngày Tết! Bài hát thần tiên này sẽ còn được hát trong các thập niên tới, trong giới học sinh!

Là một nhà giáo, Lê Thương còn dùng âm nhạc để diễn lại Lịch Sử Loài Người với một ca khúc có tính chất một "aria" trong một *opéra* ! Lời ca tuyệt vời :

Trích đoạn:

LỊCH SỬ LOÀI NGƯỜI

Nhạc và Lời: Lê Thương



Theo Lê Thương, khi "thiên địa còn hoang mang", không phải là sự sống biệt giữa người và thú, mà là "người tiên sống cạnh đám người phàm"! "Ai cũng không có nhà cả, và ở trong núi đá" nhưng được "uống nước nguồn, người hương hoa", "đời an hòa, cuộc sống thiết tha"... Đúng như thuyết An Vi mà triết gia Kim Định đã đề cao!

"Loài cỏ cây nhiều khi biết nói
Các muông cầm xum hòa đùa chơi
Vớ giống người nhớn nhợ suốt đời..."
Đời sống thần tiên đó sẽ bị đảo lộn, để trở thành đời sống khổ
cùng.

"Rồi sao trời lia núi với non ?
Rồi sao trời lia thác với sông?
Bắt giống cầm thả lên không trung
Bắt thú rừng gửi lên sơn lâm.
Bắt giống người vào thế gian mệnh mông..."

"Mưa gió, mưa gió, giông tố, giông tố, nguy biển, nguy biển!
Khó..."

Một đời nguy khó !
Núi với non, thú muông, cây rừng tiết đông lạnh lùng!
Trải bao thiên thu, đời đông dân cư, chia nhau sống riêng từng
đoàn.
Lập nên giang san, lập nên quê hương"

Con người chia nhau đi kiếm ăn, sau khi phát minh ra lửa, ra
lúa... Càng văn minh, càng thêm tật nguyên, đua tranh, đao binh,
chém giết... Tuy vậy truyện ca "Lịch sử loài người" rất thực và
cũng rất nên thơ dưới mắt nhìn của Lê Thương. Bài hát dài này đã
có một cấu phong và hơi điệu giống như ba bản Hòn Vọng Phu sau
này. Ngoài truyện ca Lịch Sử Loài Người, Lê Thương còn cho
chúng ta một truyện ca nữa: Trên Sông Dương Tử, hiển nhiên ông
đã dựng lại Sử Việt Nam với người Việt xuất xứ từ dòng sông
Dương Tử !!!

Sau này, vào lúc Tân Nhạc đã vươn tới *Thời kỳ phát triển*, Lê
Thương còn viết hẳn một "*nhạc cảnh*" nhan đề Truyền Kỳ Lịch Sử
Việt Nam, nhạc cảnh này được diễn nhiều lần tại Sài Gòn! Và trong
dòng soạn nhạc kể truyện như vậy, Lê Thương sẽ cố gắng cho gia
tài Tân Nhạc một thứ "*trường ca*" là bộ ba Hòn Vọng Phu mà tôi
sẽ được hân hạnh nói đến trong một chương sau.

*
* *

Tại Hải Phòng, ngoài Lê Thương ra, còn có Hoàng Quý và
Phạm Ngũ cũng đóng góp vào giai đoạn thành hình của Tân Nhạc
bằng hai ca khúc có giá trị! Hoàng Quý với bản Chùa Hương xây

dựng trên âm giai thất cung Tây Phương, lúc này chưa tỏ ra xuất sắc cho lắm, nhưng sẽ là người đưa xu hướng Nhạc Hùng vào Tân Nhạc cùng với Lưu Hữu Phước! Phạm Ngũ thì chỉ cố gắng viết một bài hát về quê hương rất dễ thương là Nhớ Quê Hương (2), mang một âm hưởng ngũ cung buồn dịu! Bên cạnh một số lớn ca khúc mang tình cảm thiên nhiên của các nhạc sĩ đồng thời, Hoàng Quý và Phạm Ngũ muốn lái Tân Nhạc qua những đề tài về quê hương, mở đầu cho dòng nhạc lớn lao sau này được gọi là Nhạc Tình Tự Quê Hương !

Tôi sẽ được hân hạnh nói đến Hoàng Quý rất nhiều trong phần Xu Hướng Nhạc Hùng...

*
* *

(1) Dân ca quan họ Bắc Ninh, Nguyễn văn Phú, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Viêm, Tú Ngọc. Nhà xuất bản Viện Văn Hoá, Hà nội, 1962 ,trang 85.

(2) Ngoài bài này ra, Phạm Ngũ còn soạn bài Trước Cảnh Cao Rộng mà không ai còn biết, ngoài tác giả.

Đã phát hành
ĐÁY ĐỊA NGỤC
của Tạ Ty

Một tác phẩm lớn, viết trung thực nhất về chế độ Tập Trung Cải Tạo dưới ách thống trị của cộng sản, từ Miền Nam tới Miền Bắc. Cuốn sách không những có giá trị chính xác về phương diện tài liệu, mà còn là một tác phẩm văn học. Tác giả đã trải qua nhiều trại cải tạo sau nhiều năm bị giam cầm và gánh chịu nhiều nhục nhằn dưới vùng trời Việt Nam ngất ngất oán thù, kể từ sau ngày 30.4.1975.

Tác phẩm mà mọi người mong đợi từ lâu, nay đã xuất hiện trên thị trường chữ nghĩa. Mỗi tủ sách gia đình tị nạn phải có một cuốn ĐÁY ĐỊA NGỤC do cơ sở THĂNG MỒ ấn hành.

Giá 15 Mỹ kim trng nước Mỹ

Giá 17 Mỹ kim ngoài nước Mỹ

Xin liên lạc với nhà văn Tạ Ty theo địa chỉ :

9152 Danby Ct, San Diego, CA 92 129

Phạm thị Ngọc

Trên con đường tìm về nhà

Chẳng ai hiểu tại sao tôi lại có thể bỏ qua trận xô xát hôm nọ một cách dễ dàng như vậy. Con em tôi, dĩ nhiên là con em tôi vì nó bị thiệt thòi nhiều nhất, đã nhìn tôi với cả một nỗi uất ức trào lên trong đôi mắt đẹp của nó khi tôi bảo nó đừng kiện cáo gì cả.

Dĩ nhiên kiện hay không kiện là quyền của nó, nhưng tôi đã nói không kiện, và tôi tin em tôi sẽ chẳng làm trái lời tôi. Nhưng tôi cũng chờ đợi một sự phản đối của nó, và nó đã phản đối mạnh :

— “Chị không có quyền quyết định như vậy! Chị không có bị vỡ đầu. Em mới là người bị vỡ đầu. Chị không kiện hết cả lũ chúng nó, bộ chị muốn tụi nó lại đi đánh người khác hả ?”

Tôi nhìn cái đầu băng bó và mặt mũi khổ sở của con Tuyết mà thấy thương nó. Bởi thế thành ra tôi không muốn bảo nó rằng thật chính nó đã khiêu khích trước, chứ tự nhiên ai đụng đến nó làm chi. Tôi im lặng, càng để cho con Tuyết được thể làm tới:

— “Nghe người ta nói chị còn đưa cái thằng đầu nều đó đi dạo khắp trường. Vậy ra chị mê nó rồi sao?”

Tôi lặng người, không ngờ em tôi có thể kết luận một cách giản dị như vậy. Tôi phải chờ đến bao giờ nó lạnh hẳn rồi mới nói. Chỉ sợ tôi sẽ phát điên trước thôi. Tôi nhin, bảo nó trước khi rời nhà thương:

— “Tao nói không kiện. Còn thì tùy mày đó.”

Và đến cả anh chủ tịch hội sinh viên cũng ngạc nhiên không ít vì tôi chẳng những đã bỏ qua mà còn dẫn thẳng út đi ghi danh.

Gặp tôi, anh ra vẻ quan tâm :

— “Sao Tâm lại đi kè kè với thằng đó? Tâm thấy bọn nó dữ đến mức nào rồi chứ gì? Anh hùng vừa vừa thôi.”

Bỗng nhiên tôi có cảm tưởng như mình đang đóng vai cô con gái nhà lành đi cặp bồ để cảm hóa tên chúa đảng du đảng trong mấy vở truyện anh chị rở tiền dành cho lứa tuổi “mười mấy”. Tôi trả lời anh thẳng thắn, nhưng có hơi khó chịu:

— “Nó nhờ Tâm đưa đi ghi danh. Mang tiếng là người trong ban đại diện phải giúp đỡ sinh viên chứ. Thăng út vào năm đầu nên cần hướng dẫn.”

Anh hỏi tôi sao không dẫn thăng út đến các anh sinh viên. Tôi nóngang là tại tôi muốn chính tôi giúp nó. Anh chủ tịch biết điều nên không hỏi thêm. Nếu anh có hỏi thêm thì tôi cũng chưa biết tại sao tôi lại một mình đi giúp một đứa trong bọn đánh em mình. Đáng lý ra tôi phải như mọi người, phải có ác cảm với bọn thăng út. Tôi nhớ cái tối đụng độ với bọn con nít mới lớn ấy, bọn con nít lớn lên hư hỏng trước mắt mọi người.

Tối hôm ấy là tối ra mắt tân ban đại diện hội sinh viên Việt Nam, và trong mục giúp vui có ca đoàn Hùng Việt hợp ca các bài hát của Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị xưa kia. Có thể nói là tôi chưa được nghe một ban hợp ca nào hát hay như vậy bao giờ. Giữa đám đoàn viên nam nữ trẻ trung mặc áo bà ba đen ấy, tôi để ý cái nét riêng biệt của người thanh niên hát solo. Anh đứng nổi bật vì sự nhiệt thành đã được diễn tả một cách trọn vẹn qua giọng hát và điệu bộ của anh.

Nhưng đến khi buổi văn nghệ chấm dứt, quan khách đã đâm ra thất vọng khi thấy ca đoàn Hùng Việt dưới sân khấu. Cái hình ảnh thanh niên thiếu nữ Việt Nam trong màu áo đen tranh đấu không còn nữa. Thì ra hình ảnh ấy là một hình ảnh chỉ để đem lên trình diễn trên sân khấu, là một sự giả dối. Khi buổi văn nghệ chấm dứt, sân khấu không còn thì người ta mới thấy sự thật. Ca đoàn Hùng Việt gồm những đứa con nít mới lớn, những khuôn mặt non nớt nhưng nghênh ngang trong những bộ áo quần lố lằng của thời trang Punk hay New Wave hay gì gì đó của bọn Mỹ bây giờ. Tôi nghe tinh thần mình như bị đánh ngã bởi những gì đã thấy, đã nghe. Tôi thấy đứa con trai hát solo cũng ở trong bọn ấy. Tôi nghe người lớn đứng quanh tôi có người thở dài, có người trẻ môi chề bai đám con nít họ gọi là mất gốc, có người dùng chữ nghe nặng hơn như Mỹ hóa, lai căng. Bề ngoài dị hợm của đám trẻ Việt mất gốc, Mỹ hóa, lai căng đã mời những tia nhìn đầy ác cảm. Không lâu sau, một trận ẩu đả diễn ra giữa ca đoàn Hùng Việt và đám sinh viên. Xui cho con Tuyết em tôi, nó đã là nạn nhân duy nhất trong trận ẩu đả đó.

Lòng tha thứ của hai chị em tôi không làm động lòng thăng út. Nhưng thật tình, nếu tôi có đòi hỏi một niềm cảm kích nào thì nó là người cuối cùng tôi nghĩ đến. Thăng út không phải là đứa đánh con Tuyết, nhưng không vì vậy, mà là vì cái thái độ bất phục thiện của nó hôm đến gặp tôi đã làm tôi tưởng như không ai còn có thể đặt hi vọng gì vào nó được nữa. Hôm gặp nó tôi nhận ra ngay khuôn mặt của thăng hát solo trong ca đoàn Hùng Việt, nhưng có

mái tóc lòa xòa dài quá mắt đã được nhuộm vàng. Hôm ấy nó đi giày ba-ta đỏ, mặc quần nylon đen bóng bó sát đùi, mặc áo thun đen chật nách. Tay trái nó đeo găng đen loại hở ngón, có những núm sắt lộ nhô đầy trên mu tay. Tay mặt để trần, và ngang eo có đeo sợi giây lưng trông cũng đáng sợ như chiếc găng của nó. Trên cánh tay mặt của nó, tôi thấy có sạm hai chữ U. T. Nó còn nhỏ tuổi, khoảng mười tám là cao.

Thằng Út thay mặt bạn nó đến nói chuyện với tôi về vụ đánh nhau hôm trước. Tôi nói câu tiếng Việt, nó trả lời bằng câu tiếng Anh. Cho đến phút chót khi tôi nói tôi sẽ không trình cảnh sát, thằng Út mới bịu môi, nói câu tiếng Việt với một giọng mỉa mai:

— “Cảm ơn cái tinh thần đồng hương cao quý của chị. Tôi biết là bạn tôi đánh trước. Nhưng lỗi không hoàn toàn là lỗi nó đâu. Chị về hỏi lại em chị coi ai khiêu khích ai trước.”

Nói xong nó bỏ đi. Tôi nghĩ thằng Út cũng đúng một phần nào. Những cái nhìn khinh khi, những lời nói to nhỏ quá khích hôm ấy đã là những nguyên do đưa đến sự xô xát. Nhưng rồi mọi người quên dần câu chuyện nhỏ nhặt đó, như người ta cũng quên luôn chuyện tôi đưa thằng Út nhập học vài ngày sau.

Những ngày tháng bận bịu sau đó cũng không để tôi nhớ lâu những gì đã xảy ra hồi đầu khóa. Khóa học ấy tôi có chân trong ban đại diện, một ban đại diện trẻ nhất từ ngày lập hội, để đại diện cho thành phần sinh viên trẻ mới lên và cũng là thành phần đa số lớn nhất từ ngày lập hội. Lớp sinh viên lớn tuổi, già dặn hơn đã đi gần hết, nhường mái chèo lái cho lớp trẻ hơn là chúng tôi để lèo lái một lớp càng trẻ hơn nữa. Không phải đến lúc phải gánh mà tôi than gánh mình nặng nhất. Tôi chỉ cảm thấy dường như sức nặng đang bắt đầu đè xuống từ bây giờ, trên lớp chúng tôi, nặng hơn trên lớp đàn em chúng tôi, nặng hơn nữa trên lớp đàn em chúng nó. Một trong những mục đích của hội sinh viên Việt Nam là duy trì văn hóa dân tộc. Nhưng cái vốn liếng văn hóa ấy trong các trường đại học đang nhẹ đi dần khi lớp sinh viên này ra đi, và thay vào đó là lớp trẻ hơn ngày càng đông, gồm những đứa mà thời gian sống ở nước người dài hơn thời gian sống ở nước nhà, đến những đứa lớn lên ở nước người, và sẽ đến những đứa sinh ra ở nước người. Vốn liếng văn hóa dân tộc càng ít thì cái bốn phận phát huy và duy trì văn hóa xem ra càng nặng cho những ai còn tha thiết với bốn phận ấy.

— “Cái Việt-Nam-tính sẽ còn sống được bao lâu nữa trong những đứa như tụi mình và tụi trẻ hơn, Tâm? Nhiều người nói cái Việt Nam của tụi mình chỉ to bằng hạt cải vậy mà cũng đòi vào ban đại diện. Tao nghe mà thấy bức quá, Tâm.”

Bạn tôi đã nói thế trong lần họp soạn cho một tối nhảy

đằm sấp tới. Tôi chẳng trả lời được câu hỏi của nó, mà cũng chẳng dám nghĩ đến cái ngày tính chất Việt Nam sẽ phai nhạt hẳn trong giới trẻ Việt.

— “Ai nói mày câu đó?” Tôi hỏi. “Chắc lại mấy người không thích nhảy đầm chứ gì?”

— “Ừ. Mà họ không biết mình phải tổ chức nhảy đầm để gây quỹ sinh hoạt văn nghệ với báo chí. Chắc mai mốt tao từ chức cố giáo bắt đầu đi Tâm ơ. Hôm nọ có đứa nó bảo rằng tao chưa chắc đã biết đọc tiếng Việt mà còn đòi dạy tiếng Việt. Kể nó nói cũng đúng phần nào. Tao chưa đọc Truyện Kiều, Tâm ơ.”

Những lời chỉ trích hẹp hòi thiếu xây dựng đó làm tôi nhớ tới thằng Út để bỗng thấy thông cảm nó hơn. Lâu lâu gặp ở ngoài trường tôi cười chào nó, nhưng cũng có lúc thấy chán, tôi cũng lờ. Nó cũng chẳng cần gì nụ cười của tôi đâu. Nhiều lần nó quay mặt làm lơ không cười chào lại. Không biết thằng Út nghĩ sao, và người ta nghĩ thế nào khi nó ăn mặc kỳ cục bước vào một lớp học nghiêm trang. Nhưng cái vẻ bất cần đời của nó đủ để trả lời thắc mắc đó. Sinh viên Việt Nam trong trường ai cũng tránh thằng Út. Nó dữ có tiếng, mọi người bảo vậy. Còn nghi ngờ gì nữa, nó bỏ gia đình nó đang cư ngụ ở một tiểu bang miền Bắc Mỹ, và ra đi từ năm mới mười lăm. Nó là một đứa con lêu lổng. Hãy nhìn nó để đủ biết con người nó như thế nào.

Rồi những buổi nhảy đầm, sinh hoạt đã qua. Bạn tôi bùng tai trước những tiếng khen chê, hăng hái trở lại đi dạy tiếng Việt cho con nít. Nhiều lúc bí, không cắt nghĩa được một bài học thuộc lòng, nó nói khô khan rằng tại con nít này còn may mắn lắm, vì ngày xưa chính nó còn chưa được học đến những bài ấy. Và riêng tôi cũng cảm thấy như vậy. Tôi không cắt nghĩa được tại sao “tháng Tư đông đậu nấu chè”, tại sao người ta “ăn Tết Đuan Ngọ trở về tháng Năm”. Đôi khi tôi thấy xấu hổ, và có khi còn thấy tức giận.

Nhưng tôi phải dẹp bỏ mặc cảm mà đến với các em bằng tất cả những gì mình có. Đó là một phần gia tài quê hương tôi không có quyền giữ riêng cho mình. Tôi muốn các em thuộc các bài học thuộc lòng tôi thuộc, tôi yêu. Nhưng vì quang cảnh lớp học bây giờ đã khác xưa, và có lẽ tình cảm của chúng ta đã có phần khác nhau vì đã gần gũi hai khung cảnh khác nhau, nên tôi đòi hỏi các em phải có một cảm xúc như tâm hồn tôi đã rung động lần đầu đọc lên những câu thuộc lòng đó trong một lớp tiểu học ngày xưa trên quê hương. Tôi dạy các em thuộc “Những buổi sáng vùng hồng le lối chiếu. Trên non sông, làng mạc, ruộng đồng quê. Chúng tôi ngồi yên lặng, lắng tai nghe. Tiếng thầy giảng suốt trong giờ quốc sử...” mà không dám mong các em phải cảm thấy, như tôi đã cảm thấy,

mình như đã ở trong vị trí của những người học trò chăm chỉ ấy. Làm sao để tôi nói mà các em thông cảm được cái niềm sung sướng, hân hoan, khi tôi trân trọng viết bài luận văn “Hãy tả buổi lễ chào quốc kỳ trong trường em?!” Nhưng tôi vẫn phải trao lại cho em phần gia tài dân tộc này, đến một cái tuổi nào đó, dù sớm hay muộn, em sẽ nghe tiếng nói “*Ta là người Việt Nam*” vang dội trong tâm hồn. Em không thoát khỏi tiếng dội trong tâm hồn. Em không thoát khỏi tiếng dội đó đâu, và đến khi ấy thì những cái Việt Nam tôi nói lại cho em hôm nay dù có ít ỏi cũng là hành trang cần thiết cho em lên đường, tìm lại nguồn gốc.

Cứ thế mà tôi đến lớp tiếng Việt mỗi chiều Chủ Nhật. Câu hỏi “Những lớp học này sẽ kéo dài được bao lâu” thỉnh thoảng lại lóe lên trong đầu. Tôi luôn tránh câu hỏi ấy, không biết có phải vì tôi thấy như cái “bao lâu” ấy không được lâu lắm chăng? Những đứa trẻ Việt sau giờ học vẫn nói tiếng Anh với nhau rất tự nhiên. Thấy tôi nhìn mặt, bạn tôi kéo tôi đi, và nói như dỗ dành:

— “Mày lý tưởng quá không tốt đâu, Tâm. Thôi mình về. Mai tao sẽ bắt đầu đọc Truyện Kiều”.

Tôi đi về với bạn để lại đám đầu vào sách vở. Tôi phải traudoì học hành để đạt được cái nghề sẽ nuôi tôi sau này. Văn hóa, văn chương, văn nghệ, hay bất cứ văn gì cũng phải tạm thời gác lại để dành thì giờ cho khoa học. Có lúc về khuya, hờ ra được một ít thì giờ để đi ra ngoài sách vở, tôi chợt nghĩ đến các bậc cha mẹ Việt Nam ở đây. Ta đúng hay sai khi trách cha mẹ chênh mẵng bốn phần dạy tiếng Việt cho con cái khi cha mẹ còn phải bù đầu đi làm nuôi con cái? Tôi nhìn bạn tôi đang ngồi vò đầu trước một bài toán khó. Nửa đêm rồi mà nó không thể ngủ vì mai thi. Tôi gấp sách, lên tiếng gọi bạn:

— “Hà, đọc tao nghe một đoạn Kiều đi mày. Mày sẽ tìm ra được đáp số dễ dàng hơn sau đó”.

Hà ngược mắt nhìn tôi. Mặt nó bơ phờ. Nếu nó là đàn ông thì chắc nó đã mọc râu vì mệt. Tôi nhìn nó như muốn hỏi mười lăm phút hay nửa tiếng đồng hồ cho tiếng Việt có đòi hỏi quá không. Hà có vẻ miễn cưỡng, nhưng rồi nó cũng chịu thôi, mở quyển Truyện Kiều Chú Giải đọc một đoạn mà nó bảo tả Kiều nhớ nhà:

“Sân rêu chẳng vẽ dấu giày.

Cỏ cao hơn thước, liễu gãy vài phần

Đoái trông muôn dặm tử phần.

Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa...”

Đêm hôm ấy là đêm trăng tròn. Mặt trăng tròn trịa, sáng vàng vạc trên vòm trời đầy sao. Hà bảo Nguyễn Du tả cảnh trăng thật tuyệt, tuyệt hơn nữa là có Kiều nhìn trăng mà nhớ nhà.

Tôi không nói nhưng không phải chỉ có Kiều mới biết nhìn

trắng rồi nhớ nhà. Hồi nhỏ tôi hay nhìn trăng. Tôi nằm trên sân thượng nhà để nhìn trăng, và như bao đứa trẻ khác, thấy hình cây đa trên mặt trăng rồi tin rằng trên đó có cây đa và Chú Cuội thật. Bây giờ, mười mấy năm sau, tôi vẫn thích ngắm trăng. Nhưng nghĩ đến những đứa cùng lứa tuổi, tôi ngậm ngùi tự hỏi còn bao nhiêu đứa vẫn ngắm vầng trăng này?! Những đứa ấy đã mất đi nhiều rồi, mất trong lửa đạn, mất trên con đường vượt biên, mất theo tình hình kinh tế khó khăn ở nhà, và mất, theo cuộc sống “Mỹ hóa” ở đây. Tôi chưa nếm mùi lửa đạn, tôi chưa thấy quê hương tan nát, tôi chưa chia xẻ một phần nào nỗi lầm than của dân tộc. Nhưng tôi biết cuộc chiến tranh đó của quê hương, và tôi thấy hình như cuộc chiến đó chưa tàn. Cuộc chiến chỉ đổi dạng, hoành hành trong tâm hồn của lứa tuổi Việt Nam trẻ hôm nay khi chúng tôi phải phần đầu chống lại ảnh hưởng của xã hội người, chống lại yếu đuối trong chính mình, để còn giữ lấy nhà Việt Nam trong lãnh thổ tâm hồn chúng tôi.

Trong một tối nhớ nhà như vậy, tôi đã gặp lại thằng Út. Lần ấy khi chưa khuya lắm, thằng Út đi ngang với đám bạn, rộn rã tiếng nói tiếng cười. Nó vô tình nhìn thấy tôi ngồi một mình trong quán cà phê trường còn mở cửa cho tới khuya. Một lát sau, thằng Út quay trở lại một mình, ngồi xuống nói chuyện với tôi ở một cái bàn kê sát cửa sổ. Lần ấy, nó ăn nói tử tế hơn, hòa hoãn hơn, bằng giọng nói thật ấm. Thú thật, thoát đầu khi thấy nó đến, tôi đã ước gì trước đây mình đừng cười với nó.

— “Tối rồi mà chị chưa về nhà sao? Không sợ nguy hiểm à?”
Thằng Út hỏi.

Tôi cười, trả lời: “Tôi mới ở thư viện ra... Còn Út?”

— “Tôi cũng mới vừa học xong. Tụi bạn rủ về dorm coi phim Tàu. Chị thích phim chương chứ?” Và với một vẻ thích thú trên nét mặt, thằng Út nói tiếp: “Tụi bạn tôn tôi làm Trương Vô Kỵ”.

Tôi biết những loạt phim chương của Tàu đang rất được ưa chuộng. Tôi lắc đầu, mặc dù cái cười mở tự nhiên của thằng Út làm tôi thấy vui vui. Thằng Út gật gù:

— “À, tôi biết rồi. Người như chị chỉ thích đọc sách thôi chứ gì?”

— “Ừ, tôi thích đọc sách, tôi thích coi phim, và cải lương. Nhất là cải lương hồ quảng. Út thích cải lương chứ?” Tôi vừa nói vừa đứng dậy vì không muốn ngồi lâu hơn nữa. Nhưng thằng Út cũng đứng dậy theo. Câu hỏi của tôi làm nó nhăn mặt:

— “Không. Chịu thôi. Tôi không thể hiểu nổi người ta nói gì, hay hát hổng cái gì trong một tuồng cải lương”.

Tôi cười, không nói gì thêm. Thằng Út theo tôi ra cửa.

— “Để tôi đưa chị về nhé. Trời tối chị đi một mình không nên. À, tôi chưa được biết tên chị”.

— “Tâm”.

— “Tâm. Chị Tâm. Chị không nghiêm như tôi tưởng. Chị nghiêm, nhưng không nghiêm theo lối của những anh chị ở đây. Tôi thích như thế. Tôi mong được nói chuyện với chị nhiều hơn”.

Tôi thấy buồn cười. Thăng Utt làm quen một cách rất... Mỹ. Điều bộ của nó trông hầy còn trẻ con. Nhưng có lẽ nó không trẻ con lắm đâu. Nó đã không về coi phim chương.

— “Hôm nào tôi cho chị mượn một bộ phim chương”.

— “Tôi sẽ xem phim chương nếu em chịu xem một tuồng cải lương”.

Thăng Utt cười. Tiếng cười của nó ngộ nghĩnh, vang vang. Tôi muốn nói với nó chẳng những tôi thích cải lương, mà cải lương đã là một phần đời tôi. Tôi nhớ những buổi tối nằm xem cải lương hồ quảng một cách thích thú, những chiều Chủ Nhật xem chèo cổ không biết chán. Gia đình tôi thích cải lương, bạn bè quanh tôi ngày xưa thích cải lương, và nếu không phải rời Việt Nam thì tôi đã lớn lên trong cải lương.

Nhưng tôi không có tuồng cải lương nào cho thăng Utt mượn và nó cũng không có bộ chương nào hết. Đó chỉ là lý do để nó còn có dịp nói chuyện với tôi.

Thăng Utt có kể về gia đình nó và chuyện nó bỏ nhà ra đi. Nó là con út trong một gia đình nề nếp, nhưng nó là đứa cứng đầu nên đã bỏ nhà ra đi từ năm mười lăm tuổi. Thăng Utt bảo nó không chịu nổi cách cảnh khát khe của gia đình trong khi nó lại là em út của các anh các chị đều lớn hơn nó rất nhiều tuổi. Trong không khí gia đình như thế, thăng Utt đã thấy lạc lõng vì cha mẹ và các anh chị đã bỏ xa lứa tuổi nó từ lâu, lại càng thấy xa cách hơn khi những người ấy không chịu chấp nhận khung cảnh xã hội. Trong đó nó bắt buộc phải sống.

— “Tôi đâu có đời sống ở Mỹ, chị Tâm? Ai lớn hơn tôi thì may mắn được biết nhiều về Việt Nam hơn tôi. Ai ghét tôi, bảo tôi giống Mỹ thì đó là problem của người đó. Tôi không nghĩ tôi sẽ trở thành một người Mỹ. Một mình tôi biết như vậy cũng đủ rồi”.

Thăng Utt nói một hơi như để trút ra những trắc ẩn trong lòng. Tôi thấy mình không thể coi nó là đứa con nít mới lớn với đầu óc rộng tuếch nữa. Nó biết suy nghĩ hơn nhiều đứa, nó còn biết suy nghĩ hơn con Tuyết em tôi.

Vào những tuần lễ cuối khóa, thăng Utt nói nó muốn tham dự ban văn nghệ. Lúc nó nói tôi mới nhớ ra đã đến mùa sửa soạn văn nghệ và báo chí cho Tết Nguyên Đán sẽ rơi vào một ngày đầu khóa học tới. Tôi giới thiệu thăng Utt với ban văn nghệ, mừng vì nó đã

hòa hợp với hội sinh viên. Tiện đó nó nói riêng với tôi rằng nó không còn hát trong ca đoàn Hùng Việt. Nó ghét người trưởng ca đoàn. Theo lời nó, anh ta là người giả dối, ích kỷ. Ngoài cái việc tập hát cho ca đoàn để lấy danh lấy tiếng, anh ta không quan tâm, không chăm sóc đến đàn em một tí cho xứng với những ý nghĩa cao đẹp của bài ca anh hát.

Tôi không nói, nhưng tôi nghĩ thằng Út biết rằng có những cái mà mình phải tự lo lấy. Tôi về bên báo chí lo gom góp bài vở và tiền in báo. Chúng tôi tìm đến các anh chị cựu trưởng ban báo chí để xin ủng hộ bài vở hoặc tài chánh. Đi vận động như vậy có nhiều điều cười ra nước mắt. Lớp đàn anh ít khi nào hài lòng về hoạt động của đàn em, và ngược lại. Có chị cựu trưởng ban đã trề môi chê:

— “Tụi nhỏ mới lên bây giờ biết cái quái gì mà đòi làm báo! Viết tiếng Việt còn sai chính tả tung bưng”.

Rồi quay qua mắng mấy đứa con nhỏ của chị đang chơi gần đó: “Ê, you! Nói tiếng Việt dùm đi, you ơi”.

Lại còn một chị cựu trưởng ban khác siêu hơn, nói:

— “Tụi trẻ bây giờ đầu óc rỗng tuếch. Một tờ báo trình độ đại học phải có những bài đứng đắn. Bài của tôi sẽ hấp dẫn những người lớn tuổi. Tôi có học qua mấy lớp tâm lý học. Tôi có thể giải thích tâm lý của tụi trẻ bây giờ, đường lối suy nghĩ của tụi nó, tại sao tụi nó hành động như thế này mà không như thế kia...”

Khi ra về, con Hà hỏi tôi:

— “Mày có nghĩ bà đang viết luận án không mày?”

Rồi nó vừa cười vừa lắc đầu chán nản. Tại sao người ta không chịu tha thiết với “Tụi trẻ bây giờ” hơn một tí mà đừng trách móc, đừng coi cái tình cảm của tụi nhỏ như một vấn đề tâm lý học.

Vào một ngày cuối khác, tôi gặp lại thằng Út và suýt nữa không nhận ra nó nếu nó không lên tiếng chào tôi trước. Hôm đến tìm tôi, thằng Út không ăn mặc theo lối Punk Rock, gọn gàng, đứng đắn trong áo chemise và quần jeans. Nhưng ngạc nhiên hơn hết là nó đã cắt tóc cụt ngắn kiểu húi cua, không còn để lại một vết tích nào của mái tóc vàng trước đây. Nó đứng xoa xoa cái đầu gần như trọc lóc, cười hỏ hỏ thích chí trong khi tôi đứng tròn mắt kinh ngạc.

— “Hôm qua mới thi xong đi cắt tóc liền. Muốn dành cho chị một cái surprise đó mà”.

— “Cái này phải gọi là shock chứ không phải surprise”. Giọng tôi có lẽ cũng chứng tỏ điều đó.

— “Cắt đi chứ mặt tôi để tóc vàng coi không được”.

Tôi phì cười: “Trời! Ai đã có can đảm nói sự thật với Út vậy?”

Thằng Út nói tiếp: “Tôi đến để chào chị, hẹn gặp lại chị khóa

tới”.

— “Kỳ nghỉ này Út... về nhà?”

Nó lắc đầu: “Chắc không đâu. Nhưng sẽ có một ngày. Chị cho tôi xin địa chỉ của chị.”

Tôi viết địa chỉ của tôi cho thằng Út.

— “Để làm gì?”

— “Có lẽ tôi sẽ phải viết thư cho chị dài dài để học hỏi thêm về... cái lương. Mùa nghỉ này, tôi sẽ xem cái lương, và biết đâu tôi sẽ viết được cho chị một bài văn để đăng báo?”

Thằng Út bỏ đi sau khi đã chúc qua chúc lại nhau vài câu.

Tôi ôm chồng sách rời quán cà phê đi về phía thư viện, nghĩ ngợi lung tung về những ngày tháng sau này sẽ gặp lại thằng Út giữa mùa nhộn nhịp của văn nghệ, báo chí. Bên tai tôi văng vẳng lời của một anh sinh viên khi anh vỗ ngực nói: “Là người Việt Nam phải biết đến Quang Trung, đến Trần Hưng Đạo, phải biết Truyện Kiều, biết ăn mắm, và biết thưởng thức dân ca”. Nhưng định nghĩa một người Việt như vậy có chiều hẹp hòi, và trong hoàn cảnh hôm nay đã khác xưa, có hơi bất công. Tôi xin vì những ai trong tuổi trẻ Việt Nam lưu vong hôm nay hãy còn trung thành với nước non mà thêm vào định nghĩa thứ hai: là người Việt Nam phải nhận biết mình là người Việt Nam, và luôn luôn sống hữu ích cho tinh thần Việt Nam. Tôi nhớ đến thằng Út để thấy một niềm vui nhẹ nhàng, một sự mãn nguyện nho nhỏ. Theo định nghĩa thứ hai ấy, thằng Út còn đủ tư cách của một người Việt. Tôi chợt nhớ ra mình chưa chúc nó lời chúc cần thiết nhất: “Chúc em gặp nhiều tốt đẹp trên con đường tìm về nhà”.

Phân Ưu

*Nhận được tin Thân phụ nhà văn VÕ ĐÌNH
vừa tạ thế tại Việt Nam ngày 11 tháng Chạp năm Ất Sửu
(tức ngày 20 tháng 1 năm 1986) , hưởng thọ 80 tuổi.*

*Toàn thể Ban chủ biên tạp chí Văn Học Nghệ Thuật
và tạp chí Văn Học cùng các văn hữu trân trọng phân ưu
cùng nhà văn Võ Đình và tang quyến.*

Xin cầu chúc cho linh hồn Cụ được tiêu diêu nơi Cực Lạc
Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyền Di, Lê Tất Điều, Nguyễn
Mộng Giác, Trần Diệu Hằng, Cao Xuân Huy, Nguyễn Đồng &
Nguyễn thị Hợp, Nguyễn Đức Lập, Trần Đình Long, Đình
Nguyễn, Võ Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Võ Phiến, Hoàng Khởi
Phong, Bùi Vinh Phúc, Vũ Huy Quang, Nhật Tiến, Nguyễn Bá
Trạc, CHTN Nha Trang, Kiệt Tấn, Thái Tú Hạp, Phan Lạc Tiếp,
Hoàng Quốc Bảo, Võ Thắng Tiết, Thái Lăng

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Ngày xót xa đưa.

Thành phố bỗng trở nên xôn xao, hoang mang hỗn độn, từng dòng người, dòng xe dồn nối đuôi nhau trên những con đường đi ra bờ biển, người ta đang tìm mọi phương tiện để rời bỏ thành phố này. Ngoài đường đâu đâu cũng như một bãi chiến trường, những bộ đồ lính, đôi khi súng ống, những tàn tích của quân đội cũ nằm vương vãi đầy đường, kẻ chạy xuôi người chạy ngược, trông khủng khiếp như một ngày tận thế. Trong nhà mẹ đi ra đi vào, than vắn thở dài, đôi khi mẹ khóc, ba suốt ngày ôm cái radio theo dõi tin tức. Ba lo lắng đến khờ người, chỉ riêng thằng cu Ngọc là có vẻ thích thú, được nghỉ học, thảnh thơi nó khoe với tôi “em thấy Việt Cộng rồi nó hiền khô hà, cho em lương khô nữa!” hay rủ rê tôi “chị An ơi đi qua phố coi người ta chạy loạn đi, như xi nê vậy đó, mà sao họ không đánh nhau nhỉ! coi đã hơn”. Thấy như cả một trời sụp đổ, tôi bàng hoàng như trong cơn mơ, mất hết rồi sao. Mới ngày nào tuần trước hôm qua, vẫn còn đi học, đi chơi bạn bè, mẹ cha hạnh phúc ấm áp, thoáng một giây tất cả đảo lộn.

Ngồi mãi trong nhà nhìn ba, nhìn mẹ âu sầu buồn không chịu nổi, tôi chạy qua nhà Hảo tán gẫu cho đỡ buồn, không có Hảo trong nhà, đoán nó đang ở ngoài vườn tôi chạy ào ra ngoài và té dúi vào chân anh Minh đang đưa ra căn tôi :

— Đi đâu mà như chó rượt thế bé ?

— Đi kiếm Hảo nói dóc vậy mà, ủa anh đi đâu mà soạn đồ vậy ?

— Mai anh phải đi trình diện học tập gì đó không biết nữa, mười lăm ngày lận.

— Sao anh phải đi ?

— Hỏi vợ vấn cô bé, anh là lính mà, bé không nghe mấy ống kêu om xôm trong loa đó sao ?

— Ủa nhỉ! Mười lăm ngày lận sao, eo ơi trường thì đóng cửa, ở nhà ba mẹ thì như hai năm mỗ, con Hảo thì cứ tới nhà bồ nó hoài,

anh lại đi nữa, An chẳng còn ai nói chuyện.

— Thì nói chuyện với đầu gối vậy.

Tôi trợn mắt vớ được bàn tay anh Minh cắn luôn một miếng gần rướm máu, buông tay ra, chẳng thấy anh cú đầu lại như mọi lần, và mắt anh lạc đi nhìn tôi rất lạ lùng, anh xoa nhẹ lên vết cắn.

— Lay trời cho thành cái sọc ngân đời.

— Thế anh đưa tay đây An cắn lại cho thành sọc ngân đời cho anh ngắm.

Minh tỉnh bơ đưa tay ra, tôi cắt hứng cười ha hả và nhún người lên ngồi ngay ngắn với Minh trên bờ tường. Minh nghiêng đầu nhìn tôi một lần nữa, rất lạ lùng.

— Bé mấy tuổi rồi nhỉ ?

— Mười tám.

— Sao bé bé tí thế, anh cứ tưởng bé mười lăm thôi.

Minh lăm nhăm tính toán rồi gật gù.

— Ờ nhỉ! Hồi mới dọn nhà lại đây, anh đang học thi bán phần, bé cứ chạy qua làm quen nhờ anh giải phương trình, hồi đó bé học đệ ngũ chừng mười ba tuổi nhỉ !

— Anh nhớ dai thế cơ !

— Anh nhớ hết mọi chuyện, hồi đó mùa hè đôi khi bé chẳng mặc áo, chỉ mặc mỗi quần đùi con trai, ôm bánh xe chạy tắm sông hoài, bé đen và nghịch hơn con trai.

Tôi cười sáng sặc, Minh nheo mắt :

— Chiều ra sông tắm với anh không ?

Tôi đỏ mặt :

— Anh này kỳ.

— Sao hồi đó bé nắn nỉ anh đi tắm sông với bé hoài, còn thuê anh đi tập bơi cho bé rồi trả công đi bắt châu chấu cho sáo anh hoài, giờ cho đi không còn chê.

— Nghĩ nói chuyện với anh luôn !

Tôi làm bộ giận bỏ đi, Minh níu tay tôi lại :

— Anh đùa mà, đừng giận anh tội nghiệp, mai anh đi rồi mười lăm ngày lận chứ ít sao, cho bé ở nhà giận sau, giờ đình chiến đi.

Tôi không thể giận Minh được năm phút. Minh có tài chọc cười rất... vô duyên :

— Anh có chuyện muốn nói với bé !

— Thì nói đi, An nghe đây! Chuyện gì thế !

— Chuyện quan trọng !

— Thì nói đi !

— Nói ra sợ bé hoảng.

— Không đâu, An cứ lắm mồm.

— Sợ bé không chơi với anh nữa.

— Anh biết rồi, bé nghĩ chơi với anh thì sẽ nói chuyện với đầu

gối thật. Thôi nói lẹ lên hồi hộp quá rồi.

— Đừng vội bé ơi, chắc chắn bé sẽ biết mà! Giờ thì đến phiên anh hồi hộp nói không được, thôi vào nhà đi, ăn chè với anh chắc mẹ nấu chín rồi, với lại tối rồi sợ bé lạnh.

Minh nói và đưa tay đỡ cho tôi nhảy xuống, Minh giữ tay tôi lại mấy giây và nhìn sâu trong mắt tôi.

— Bé ở nhà thỉnh thoảng chạy qua nói chuyện với mẹ anh nhá, vài bữa anh về anh sẽ nói chuyện này với bé.

Vào gần tới nhà, Minh giật tay tôi lại :

— Nay bé lớn rồi ở nhà đừng chạy chơi với mấy đứa con trai hàng xóm nữa nghe.

Tôi thoáng rung mình, có một cái gì khác hơn anh Minh mọi ngày, và tôi bớt tự nhiên đi, khi ngồi ăn với Minh chiều nay.



Ngày vẫn trôi qua nặng nề, ba tôi vẫn bơ phờ mệt mỏi, tóc ba đã lâm thâm vài sợi bạc, trong mới có mấy tuần. Trời ơi tôi sống sao nổi nếu không khí cứ vẫn nặng nề như thế này. Ba mẹ tôi nhất định ở lại dù mọi người có xô xao ra đi. Trong lối xóm đã vắng hơn một nửa, không biết có ai chết dưới cơn mưa bom pháo kích bờ biển hôm đó không nữa. Trên đường phố, giờ đây những bộ đội, dân chúng giờ đã bớt sợ sệt. Họ đã bắt đầu mua bán đổi chác với những người lính mới này... Sinh hoạt lại bắt đầu, tuy đã đổi màu sắc. Nhà tôi ở ngay trại lính hồi trước, giờ là nơi nghỉ chân cho những người lính bộ đội, nên mỗi chiều chiều tấp nập bộ đội qua lại, họ rất tự nhiên vào nhà thăm hỏi như kiểu tình đồng chí với nhân dân. Mỗi lần thấy thấp thoáng bộ đồ xanh thùng thình của một "đồng chí" nào đó vào nhà, tôi lén ra nhà sau hay chui lên gác nằm đọc sách. Có lần ba suýt tát tai tôi, may có biết ba may là ngụy không, may có muốn nhà mình mang tiếng là phản động cho họ bắt tù ba không? Từ đó tôi phải miễn cưỡng tiếp khách bất đắc dĩ cho ba mẹ tôi, họ nhìn tôi bằng đôi mắt một chút ngưỡng mộ, một chút ngại ngùng. Dĩ nhiên tôi phải xinh và có vẻ thành thị ăn đút mấy chị bộ đội kia đi chứ. Nhưng chẳng có ai tán tôi, hình như họ sợ thua cuộc trước khi đánh. Trung là người đến nhà tôi nhiều nhất. Trung ít nói, hiền lành, mẹ tôi có vẻ mến Trung. Trung không bao giờ ba hoa chuyện đảng và nhà nước, đôi khi Trung kể chuyện về mẹ Trung, về Hà Nội, về làng quê của Trung cho mẹ nghe. Ba thích nói chuyện với Trung về hiện tình đất nước, chuyện trong bụng biên, chuyện chiến tranh, chuyện hòa bình... Đôi khi Trung đờn cho tôi nghe những tình khúc Chopin buồn rười rượi, Trung đờn cho tôi hát, trong tiếng đàn của Trung có cái gì chua xót muộn

phiền, bắt giặc tôi hỏi Trung “Sao Trung đi bộ đội vậy?” Trung cười còn chưa xốt muộn phiền hơn “Đâu phải tất cả những con đường An và Trung đang đi là con đường mình chọn lựa đâu. Hơn nữa cuộc đời mình phải sống trong hoàn cảnh cả những lúc mình tưởng không thể nào sống nổi, mới đích thực là con người”. Có lần tôi và Trung đang nói chuyện bỗng thằng cu Ngọc hét lên “mẹ ơi! con Trường Chinh nó dớp mấy cục thịt của con Lê Duẩn rồi” thì ra con chó berger đã cuỗm mất cục thịt vụn mà thằng cu Ngọc đã mất công nài nỉ khóc réo mới xin được tiền mẹ để mua cho con chó con của nó, Trung kêu cu Ngọc lại hỏi “ai bày Ngọc nói thế!” “Tại thằng Bình, con ông phường trưởng nó gọi con chó với con mèo của nó là con Ford với con Kissinger, em kể chị An nghe, chị An biểu em gọi hai con chó nhà mình là con Trường Chinh với con Lê Duẩn; Trung nhìn tôi lắc đầu có vẻ ngao ngán một cách nghiêm trang, tôi cười lờ đi và bắt qua chuyện khác.

Tôi đã thành công trong việc rủ con Hảo đi học lại, con nhỏ cứng đầu nhất định bỏ học. Không biết ai tuyên truyền mà nó bảo tôi “ba mày là Ngụy, anh tao cũng là Ngụy, năm nay tụi mình thi có học sỏi đầu thì cũng trượt vỏ chuối, thôi ở nhà dưỡng cho nó mập mạp, đẹp đẽ rồi lên xe hoa cho nó chắc ăn. Tôi kiên nhẫn dụ dỗ nó “Không thành thân cũng thành nhân” mình đã ngồi lên từ lớp này qua lớp khác mười một năm rưỡi trong trường này, còn nửa năm nữa ráng không nổi sao? Hơn nữa học cho biết cái giáo dục của V.C. nó ra làm sao, với lại ở nhà buồn chết người, (tôi dơ dóm nước mắt) mày cứ tới nhà bồ mày hoài, anh Minh đi rồi tao không có ai nói chuyện cả.

Hảo chịu đi học lại, tôi biết không phải vì mảnh bằng, vì học hỏi, hay vì tương lai, mà vì những giọt nước mắt của tôi chiều hôm đó.

Gia đình Hảo và gia đình tôi thân nhau từ mười năm nay, ba Hảo mất từ lâu, Hảo sống với mẹ và anh Minh, cả ba người trong gia đình rất quý mến tôi. Từ lâu tôi vẫn cảm thấy rất hạnh phúc và bình an chung quanh những người thân yêu. Trong nhà tôi và nhà Hảo, tuy cùng một tuổi nhưng Hảo lạnh lẽo tháo vát hơn tôi nhiều, nên suốt một đoạn đời thơ ấu, nó luôn luôn là người bảo vệ tôi. Nó sẵn sàng chửi lộn, đánh lộn với bất cứ đứa nào ăn hiếp tôi. Lớn lên đi ra đường có nó, tôi cũng cảm thấy an toàn hơn. Có anh chàng nào đi theo, hiền lành lịch sự thì nó chọc ghẹo người ta đến xấu hổ phải bỏ đi, kẻ nào ăn nói không mấy lịch sự, nó sẵn sàng tháo gươm ra dọa đánh người ta. Mẹ Hảo biết được mắng nó, “mày thấy con An nó hiền lành nhu mì bao nhiêu thì mày du côn bậy nhiều, con gái con gót thế ai mà dám rước. Mẹ tôi thì lại nói với tôi, “mày chơi với con Hảo bao nhiêu lâu mà sao không học khôn

học ngoan, học ăn học nói nơi nó hả? Lớn đầu mà gặp người lạ không dám mở miệng, hờ chút là khóc, cái nước này lấy chồng về báo cô báo hại chồng thôi". Hảo nói với tôi "Để mày coi, mẹ tao lo hông ai rước tao, để tao tuyển lựa đã, khi nào tao thích người nào tao biểu họ rước, coi họ có mừng quýnh lên không. Còn mày, mày đã thấy cần một người để báo cô báo hại chưa để tao chờ ông Minh về nói ông ấy nộp đơn liền nhà". Tôi đỏ mặt "Ê đừng nói bậy, con nít ranh". "Mày mười tám tuổi rồi chứ ít sao, bỏ bịch với người ta đi chứ!"

*
* *

Tà áo trắng của tôi, của Hảo và vài đứa bạn khác có vẻ lạc loài vô cùng trong sân trường buổi sáng tái khai giảng. Các học sinh được khuyên ăn mặc giản dị, gọn gàng và tiết kiệm vải, có nghĩa là chiếc áo dài thừa hai vạt, phí vải không nên. Thế là tuần lễ thứ hai không còn một tà áo trắng nào nữa trong sân trường. Tôi và Hảo vận đồ tây đi học, tôi cảm thấy khó chịu và buồn buồn khi phải bỏ đi tà áo dài trắng duyên dáng tự ngàn xưa, tà áo dài trắng cho tôi cái cảm giác mình là một nữ sinh. Còn bây giờ đi học, đi chợ, đi chơi giống nhau, chán mớ đời! Thêm vào đó, tới trường không khí khô khan tẻ nhạt làm sao. Hai phần ba học sinh là người miền bắc, họ cũng một lứa tuổi như tôi, nhưng nơi họ, không hề có một nét nhí nhảnh vô tư như tụi bạn tôi. Họ nghiêm trang chừng mực, không đùa không giỡn, nếu có cười thì nụ cười cũng khô khan chừng mực như cách sống. Không cười hả hê toe toét như con Hảo, không vui tươi diều cọt phá phách như bọn con trai trong trường. Tụi tôi đúng ra là thuộc loại gà nhà, nhưng vì năm nay xếp vào hạng thiếu số, cho nên cũng cảm thấy e dè làm sao! Không còn cái rạo rức, háo hức như những lần khai giảng trước nữa. Sân trường thiếu hẳn tiếng cười đùa, niềm vui rộn ràng nhất của tuổi trẻ không còn tìm thấy ở sân trường nữa, thì biết tìm đâu bây giờ! Đến giờ học, còn chán nản bội phần! Khi nhìn những ông thầy chính trị, sử địa, vạn vật, một câu vẫn nói chưa lưu loát; có vẻ là những phượng tuồng hơn là những giáo sư. Đó là những người cao tuổi đáng chú không phải những giáo sư. Trường chỉ giữ lại những giáo sư Toán, Lý Hóa vì những con số không thể nói bậy được. Còn chính trị, Việt Văn, Sử Địa... thầy nào muốn vẽ tuồng nào thì vẽ. Anh Văn, Pháp Văn thì do những sinh viên nằm vùng dạy, thầy học tới bài nào dạy học trò bài đó. Sau giờ chính trị đầu tiên, lớp học vắng đi vài người vì căng thẳng quá. Một câu hỏi được đặt ra, và bắt buộc mọi người phải trả lời "Bọn Ngụy cai trị miền Nam này đã đem đến những khổ đau nào cho các đồng chí?"

Hầu hết những học sinh miền Nam đều được nuôi lớn lên, ăn học, bởi những người cha là Ngụy. Làm sao họ có thể đổ tội cho cha mình được. Im lặng, không được, mọi người phải trả lời, nói úa theo chế độ, dối lòng, phẫn cha mẹ, đau lòng biết mấy cho những người trẻ! Nói theo sự nhận xét thẳng thắn bị điểm xấu chính trị ngay, thì cảm chắc là bị đuổi học hoặc thi rớt. Tôi cố gắng nhẫn nhục để học để thi lấy cho được cái bằng, để vui lòng cha mẹ, coi như là để trả ơn ba mẹ đã nuôi tôi ăn học, Hảo thì vì tôi, cho nên hai đứa vẫn cố gắng kéo lê đời sống học trò kiểu đó và hứa với nhau sẽ nhẫn nhục cho đến mùa thi. Hảo lúc nào cũng đùa được, nó nói “Kể ra đi học mà không mang áo dài thiếu thi vị thật, nhưng bù lại tao sẽ bù đắp cho mày cái thi vị khác; me non chấm muối ớt chịu không? Hồi trước mang áo dài chẳng lẽ tao treo cây, bây giờ tha hồ cho mày ăn me non muối ớt, canh chừng ông giám thị nhá, nhưng mà không sao, điểm xấu về chính trị bị đuổi học, chú tội ăn cắp me trong sân trường không bị đuổi đâu”. Hảo vừa nói vừa leo lên cây me, nó bỏ áo sơ-mi trong lưng quần, lúc leo xuống, một áo đầy những me là me, về nhà nó sai tôi đi giã muối ớt. Xuống bếp gặp mẹ Hảo đang ngồi đãi vỏ đậu xanh, tôi sà xuống nói chuyện: “Bác làm chi đó, nấu chè cúng hờ bác?” “Cúng chi đâu bữa nay mười tám nà, thằng Minh đi bữa mừng ba, hán nói đi mười lăm bữa, thế nào chiều nay hán cũng về tới. Chiều qua ăn chè nghe con”. Tôi nghe nao nức chờ đợi câu chuyện quan trọng anh Minh sẽ nói với tôi, chắc là tối nay, tôi chạy vội lên, tách chén muối ớt ra làm hai, lựa những trái me tròn trình để riêng một bên. Con Hảo ngạc nhiên “Mày làm cái trò chi đó?” Chiều nay anh Minh về, má mày đang nấu chè dưới bếp, mình để dành ít me muối ớt tối ăn tiệc cho có vẻ trọng thể một chút”. “Trời ơi! đủ màu sắc và mùi vị hết thế này, chè ngọt, me chua, muối mặn, ớt cay”. Tôi bỗng sợ anh Minh về ngay lúc này nhìn thấy áo quần tôi xốc xếch, mặt mũi tóc tai bơ phờ, tôi đòi về nhà thay áo quần, con Hảo cười tùm tùm “Tao biết mày sẽ thay bộ đồ đẹp nhất, thoa thêm một tí má hồng nữa, phải không”. “Con khỉ, biết rồi thì im đi”.

Hết buổi chiều mười tám, mười chín, hai mươi... trôi qua vẫn không thấy anh Minh về, bác đi ra đi vào chờ đợi, có tiếng xe lam nổ đầu ngõ, bác lần mò ra đứng nhìn rồi đi vào lẩm bẩm một mình, “Thằng nhỏ sao không thấy về, chè hư hết rồi”. Một tháng, hai tháng trôi qua, vẫn chưa thấy về, bác buồn lo đến đổ bệnh, bệnh mãi không chết, rồi cũng phải khỏi, bác sống dật dờ như một cái bóng, nói lẩm bẩm một mình như người mất trí.

Ngày tháng trôi qua, thế là hơn một năm rồi, anh Minh vẫn chưa về, tôi cảm thấy một mất mát lớn. Anh Minh chưa nói gì, làm gì để tôi biết thế nào là hạnh phúc thế nào là đau khổ cả. Nhưng tôi

bỗng nhớ một câu văn của ai đó, tôi đã đọc lâu rồi bây giờ tôi mới cảm thấy thấm thía “Khi có nhau trong tâm tay, thì không biết mình hạnh phúc, nhưng khi mất nhau là mất tất cả”.

Trung vẫn qua nhà tôi chơi đều đặn, cũng đỡ buồn vô cùng cho tôi. Trung và anh Minh có nhiều điểm giống nhau, trầm lặng, đằm chiêu, ngọt ngào và rất tốt bụng, nếu cách đây hơn một năm hai người gặp nhau trong rừng rú, trên chiến trường hay ở đâu đó, thế nào cũng bắn nhau đến một mắt một còn. Tôi đem ý nghĩ đó nói với Trung, Trung lại đăm chiêu “Chúng ta sinh nhằm thời An ạ!” Anh Minh coi tôi như một đứa bé con, nên với anh Minh tôi chỉ vói vỉnh đùa nghịch mà ít khi trò chuyện. Nhưng Trung coi tôi như một người bạn, cho nên tôi nói chuyện với Trung rất là tương đắc, nhưng đôi khi Trung cũng quá quát lắm! Một lần Trung đến chơi tôi đang nấu cơm, vì chưa quen nấu cơm bằng than củi nên mặt mày tay chân tôi lem luốc xấu xí ghê luôn! Tôi hơi ngượng vì để Trung nhìn thấy trong lúc này, tôi nói giả lã: “Lớn lên An giàu có, An sẽ nấu cơm bằng lò gas cho nó sạch sẽ”. Trung la lên “Đừng, đừng nghe An”. Tôi mỉm cười nghĩ đến chữ “tư bản, đế quốc” mà Trung sắp dùng đến, nhưng cũng cú hỏi “Sao vậy?” Nấu gas má không hồng như bây giờ đâu”. Tôi xấu hổ đỏ mặt thêm, Trung nheo mắt nhìn thích thú.

Một đêm, đang ngủ tôi nghe tiếng gõ cửa nhẹ, rồi tiếng thì thào của ba và Trung. Rồi ba đánh thức tôi dậy “Trung muốn nói chuyện với con đó”. Ra gặp Trung, mặt buồn xo, tôi đã đoán được có chuyện gì. Trung nói ngay “Mai đơn vị Trung phải chuyển sang Kampuchia. Bây giờ họ cấm không cho ai ra ngoài hết. Trung phải chui hàng rào ra nói chuyện với An lần nữa”. Tôi buồn rầu “Rồi Trung có về lại không?”. “Chắc đơn vị không bao giờ trở lại đây nữa, nhưng nếu Trung còn sống sót thế nào cũng trở lại tìm An”. Mắt Trung tối sầm xuống “An ở lại ngoan ngoãn đi học và nhớ đừng bao giờ ăn nói ngang ngạnh như hồi xưa nữa nhá! Không phải ai cũng như Trung đâu”. Trung siết nhẹ tay tôi rồi lăm lăm bước đi. Nhìn bóng Trung mờ mờ sau làn dây kẽm gai, bỗng dưng tôi xót xa, thương Trung thương anh Minh, thương tôi hơn bao giờ hết!

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối

5

Lại thăm vấn và khai báo

Một buổi sáng, sau khi các tổ được phân công đi làm việc trong ngày, cán bộ phụ trách gọi một số anh em mới đến :

— Các anh lên “ban” làm việc.

“Ban” có nghĩa là ban giám thị, và “ban” còn dùng để chỉ các cán bộ trong ban giám thị. Cho nên, một số phạm nhân khi gặp cán bộ trong ban giám thị, thường lên tiếng “chào ban”.

Chúng tôi đi riêng từng người một, và gặp cán bộ tại các địa điểm khác nhau. Tại trại này, nằm xa các nhà ở của phạm nhân, có vài cái chòi nhỏ, chỉ đủ kê một cái bàn hẹp, vài cái ghế, và được dùng làm nơi thẩm vấn. Khi tôi bước lên chòi, hai cán bộ đã ngồi đợi sẵn. Một người mời tôi ngồi, hỏi thăm sức khỏe, nói vài câu về cuộc chuyển trại vừa qua, rồi nhập đề:

— Anh sẽ làm việc với chúng tôi. Anh nên khai báo cho thành khẩn. Cách Mạng biết nhiều về các anh, về nguy quân, nguy quyền. Cách Mạng có tai mắt ở khắp nơi, luôn luôn nắm vững tình hình, nếu không thì làm sao chiến thắng được. Vả lại, anh khai báo thành thật thì được sớm trở về với gia đình. Cách Mạng bao giờ cũng khoan hồng đối với những người phạm lỗi mà biết ăn năn hối cải. Anh sẽ khai về lý lịch bản thân anh và về hoạt động của anh trong những năm qua.

Vấn luận điều cũ và ngôn ngữ quen thuộc của các cán bộ, nên về phần lý lịch và hoạt động, tôi chỉ cần lặp lại những lời khai cũ ở trại trước. Tôi quan sát người cán bộ hỏi cung: cao, gầy, mặt dài, nước da trắng, đôi mắt to, sắc sảo. Anh trạc ngoài bốn mươi, khỏe mạnh, và khoác một chiếc áo bờ-lu-dông màu nước biển không còn mới nữa. Đúng là người cán bộ đã gặp tôi tuần trước ở trại cũ, và có tạt vào hỏi chuyện tôi, lúc tôi vừa mới đến. Anh nói giọng Quảng Trị, và trong lúc tiếp xúc, tỏ ra biết rõ một số người trong

đại gia đình tôi, và nêu lên một vài chi tiết mà chỉ những người cùng xóm hay quen thân mới biết được.

Nhiều lần anh ngắt lời tôi, và hỏi rõ thêm về một vài điểm liên quan đến một vài người thân của tôi. Chẳng hạn, anh muốn biết về cuộc sống hiện nay của một người dượng tôi, từ năm 1945, có tham gia kháng chiến chống Pháp, và hai năm sau, thấy rõ bộ mặt thật của Cộng Sản, đã trở về vùng quốc gia, hoạt động cho một đảng phái chính trị, và trong một thời gian, đã chống lại chính phủ Ngô Đình Diệm. Anh lại yêu cầu tôi khai những bà con của tôi hiện còn ở trong hàng ngũ Cộng Sản, và khi nhận thấy tôi không nhớ được đầy đủ, anh bổ túc thêm. Tôi lại nhìn kỹ anh và ngờ ngợ. Phải rồi, khuôn mặt này đối với tôi không phải xa lạ. Tôi dần dần nhớ ra, khi anh ta nói:

Tôi biết anh thuộc một gia đình phong kiến và phản cách mạng.

Tôi phần uất, mặt nóng bừng nhưng trấn tĩnh ngay lại:

— Tôi chịu trách nhiệm về hành động của tôi, và xin để ông cha, tổ tiên tôi được yên. Câu trả lời của tôi làm anh cán bộ tái mặt, ngồi yên không đáp. Cùng lúc đó, tôi bỗng nhận ra người cán bộ Cộng Sản đang ngồi trước mặt tôi: đó là một người em họ của tôi, đã theo Việt Minh từ năm 1945, và sau đó, tập kết ra Bắc. Trong lời khai ban nãy, tôi đã quên chủ ta.

Nhưng tôi không tỏ ra đã biết chủ ấy. Không phải là vì lúc đó có người cán bộ mặc áo kaki kia ngồi bên cạnh, mà cả trong mấy lần gặp gỡ về sau này, chúng tôi không bao giờ nhận nhau. Tôi thừa biết rằng đối với Cộng Sản, thì Đảng phải được đặt lên trên hết, trên mọi tình cảm cá nhân, liên hệ máu mủ, và người cán bộ bị kiểm soát chặt chẽ, luôn luôn bị phê bình và phải tự phê bình. Cho nên họ không dám nhận bà con hay tổ tiên cảm với một người mà họ liệt vào loại “phản động”. Vả chăng, nếu nhận ra nhau - tất nhiên chủ ấy đã nhận ra tôi từ trước - cũng chẳng có lợi gì cho tôi, vì chủ ấy không bao giờ dám hé môi để bênh vực tôi. Mà chủ ấy, có lẽ là ở cấp địa phương, thì khó mà ảnh hưởng đến một quyết định về trường hợp của tôi, một quyết định mà tôi tin rằng phải xuất phát từ Hà Nội. Đồng thời, tôi nghĩ rằng, nếu chủ ấy bị chính quyền Việt Nam Cộng Hòa bắt giữ, thì có lẽ, trong một phạm vi nào đó, tôi không ngần ngại giúp đỡ một người em họ. Và sự khác biệt trong lối xử thế đó, giúp cho ta hiểu được tính chất của hai chế độ, hai xã hội.

Cuộc đối thoại từ đó trở nên căng thẳng. Bình - tôi nhớ ra tên người cán bộ rồi - tỏ ra sắc bén soi mói và hay hỏi đi hỏi lại về một số vấn đề. Nhưng có một điều tôi nhận thấy khá rõ: Bình mang nặng mặc cảm tự ty đối với tôi. Ngày trước, Bình chỉ học hết cấp

tiểu học, rồi ở nhà giúp cha, một tiểu địa chủ, trông nom mấy mẫu ruộng tư. Sau Cách Mạng tháng Tám năm 1945, Bình tham gia chính quyền mới, làm ủy viên của ủy ban kháng chiến huyện, rồi tập kết ra Bắc. Bình nói như để giải tỏa mối mặc cảm :

— Anh thấy anh bộ đội thuộc dân tộc ít người đang đứng gác trên chòi kia không? Anh ấy không học hành gì, nhưng ý thức rõ vấn đề đất nước chúng ta hơn các anh. Anh ấy đã xung phong vào bộ đội giải phóng.

Tôi suốt bật cười khi nghe luận điệu tuyên truyền rở tiền ấy, nhưng giữ im lặng, không trả lời. Bình lại đưa ra một nhận xét khác:

— Về tổ chức của cơ quan của anh, anh trình bày tổng quát và có tính cách lý thuyết quá như một bài giảng ở trường học. Như vậy, không bổ ích gì cả. Anh nên đi vào chi tiết hơn.

Đúng như lời Bình nói, tôi chỉ đề cập đến những nét đại cương, đôi khi suy diễn dài dòng, và cố tình lướt qua những chi tiết cụ thể mà tôi nghĩ rằng đối phương có thể khai thác được. Nhưng tôi giải thích:

— Tôi không rõ các chi tiết. Cơ quan của tôi có nhiệm vụ thanh tra và theo dõi sự thực hiện các kế hoạch của trung ương. Các chỉ thị của trung ương được chuyển thẳng đến các Tỉnh, và Tỉnh phổ biến đến các Quận để thi hành. Như vậy, phần thực hiện thuộc về các cấp Quận và Xã, và chính các cấp này mới biết rõ các chi tiết.

— Thế anh biết gì về chính quyền trung ương?

Tôi trình bày qua về Hiến Pháp, tổ chức, điều hành của Quốc Hội và Chính Phủ. Bình và người bạn đồng sự tỏ vẻ chăm chú nghe khi tôi nhấn mạnh về tinh thần dân chủ của Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa, về các cuộc bầu cử Quốc Hội, sự phân quyền giữa hành pháp, tư pháp và lập pháp.

Bình trầm ngâm suy nghĩ một lát, rồi đổi sang câu hỏi khác:

— Tôi muốn anh cho biết về các âm mưu, ý đồ của Mỹ Ngụy, về các cuộc tranh chấp giữa các đảng phái chính trị, các nhóm quân nhân.

Trong một quốc gia dân chủ, sự khác biệt về chủ trương, chính sách giữa các đảng phái phe nhóm là điều tất nhiên. Họ tranh luận tại Quốc Hội, trong các khóa hội thảo, trên báo chí. Các báo thường xuyên đăng tải các bản tuyên ngôn, biên bản những buổi họp, các thông cáo, nên ai đọc báo đều biết cả. Còn các âm mưu, ý đồ, thì khó mà biết được, vì đã là âm mưu thì người ta giữ kín. Vả lại, có ở ngay tại thủ đô, thường xuyên tiếp xúc với các giới hữu quyền cao cấp hay các lãnh tụ đảng phái thì mới dò biết được. Suốt những năm tham gia chính quyền, tôi ở các địa phương xa xôi, nên

không được rõ.

— Thế anh có biết gì về các hoạt động quân sự ở địa phương anh, và về các ý đồ quân sự không?

— Các hoạt động quân sự đều được báo chí trong cũng như ngoài nước, các đài phát thanh, các hãng thông tấn phổ biến khá đầy đủ. Còn về các ý đồ quân sự, thì ngay các quân nhân cấp dưới cũng không rõ, huống hồ tôi là nhân viên dân sự. Có ai lại phổ biến bí mật quân sự cho người ngoài biết. Vả chăng, quân luật nước nào cũng trừng phạt nặng nề những quân nhân tiết lộ các tài liệu mật cho người khác biết, nên tất nhiên họ có bốn phận phải giữ kín.

Hình như thấy cuộc thẩm vấn đã khá dài, Bình chấm dứt:

— Thôi anh về nghỉ. Ngày mai anh sẽ viết ra những điều anh vừa khai báo.

Tôi thông thả bước xuống mấy bậc cấp, định ninh rằng cuộc đấu trí chưa chấm dứt, và tôi còn gặp lại Bình lần nữa.

Tối hôm ấy, trước khi đi lấy cơm, Tư và Lộc gặp tôi. Lộc nói trước:

— Chiều nay, phải làm việc với một cán bộ “hắc” lắm.

— Có phải người mặc áo bờ-lu-dông màu xanh không? Tư hỏi lại.

— Đúng.

Thế nghĩa là cả ba chúng tôi đều được Bình “phỏng vấn” cả. Đến tối, sau khi ăn cơm xong, tôi thảo luận chớp nhoáng với Lộc về cuộc gặp gỡ với Bình. Đối với Lộc, Bình cũng áp dụng một lề lối thẩm vấn giống như đối với tôi, và những câu hỏi cũng tương tự như nhau.

Sau cuộc tiếp xúc với Bình, tôi biết rõ thêm một điểm: các cán bộ Việt Cộng rất chú trọng đến các vấn đề quân sự, mà trong lãnh vực này, tôi là người ngoại cuộc, nên dễ dàng từ chối, không trả lời.

*
* *

Ngày hôm sau, tôi bắt đầu viết bản khai báo.

Từ sáng sớm, sau khi các phạm nhân cũ ra lao động ở ngoài rừng, hoặc đi lấy thực phẩm từ các nơi khác về, những người mới đến ngồi viết ở nhà, ngay trong phòng mình, hoặc tại các chòi nhỏ xa cách nhau. Cán bộ phụ trách ấn định từng chỗ cho mỗi người, không để cho chúng tôi ngồi gần nhau, với dụng ý không cho chúng tôi thảo luận với nhau về những điều cần phải khai báo. Tuy nhiên, anh Tư, anh Lộc và tôi vẫn tìm cách gặp nhau để trao đổi ý kiến. Thỉnh thoảng anh Lộc giả vờ hết mực, cầm lọ mực con đến

chỗ tôi ngồi để lấy thêm, hoặc đến nhà bếp lấy nước uống, vào lúc trở về, ngừng lại chỗ anh Tứ, nói vội vài câu.

Anh Đệ đã viết xong bản khai báo, và tình nguyện đi lao động ở ngoài. Ở trong trại, ngoài mấy người ốm nặng nằm liệt giường trong “bệnh xá”, chỉ có ông Minh ngồi đan dưới một gốc cây, lâu lâu ra ngoài nắng sưởi ấm, để có cơ đến gần tôi, nói nhỏ mấy câu tiếng Pháp, tiếng Anh, phỏng đoán tình hình chiến sự, và ông Ngạn, người làm vệ sinh, mang chổi vào các phòng quét dọn và cho biết một vài sự việc mới xảy ra trong trại. Chúng tôi phải cẩn thận đề phòng như vậy, vì biết rằng các cán bộ kín đáo theo dõi chúng tôi, và dùng những phạm nhân cũ để dò xét chúng tôi, những người mới đến.

Nói chung, bản khai báo này không khác bản lần trước bao nhiêu, vì hầu hết các câu hỏi đều giống nhau, nên tôi viết dễ dàng. Nhưng tôi không viết nhanh: ông Ngạn khuyên tôi nên kéo dài thời gian khai báo, vì khai báo xong là phải lao động. Mặt khác, tôi phải rất thận trọng, vì tôi đoán rằng họ muốn tôi viết lại để đem ra so sánh với bản cũ: nếu khai tiền hậu bất nhất thì là khai dối.

Một buổi sáng, đang chăm chú viết, tôi bỗng nghe mấy tiếng đại bác nổ rất gần, phát xuất từ phía căn nhà của bộ đội. Một người cán bộ hấp tấp chạy vào, khua hai tay, khoe với chúng tôi:

— Ta bắn đấy! Pháo của ta tấn công đấy!

Vài tiếng nổ dồn dập tiếp theo. Chỉ khoảng mười phút sau, chúng tôi nghe tiếng phi cơ trực thăng, và tiếng đại bác im bật. Hai chiếc máy bay đảo mấy vòng rồi bay đi, hình như không phát hiện ra nơi đặt khẩu đại bác.

Người cán bộ từ hầm trú ẩn chui ra, nói to với một anh bộ đội:

— Có thể thôi, chúng nó có thấy gì đâu!

Như vậy là chiến tranh còn tiếp diễn ở khu vực này, không phải “quân nguy đã tan vỡ” và “ta toàn thắng” như lời anh cán bộ nói hôm trước.

Một buổi sáng, đang ngồi viết trong một cái chòi ở lưng chừng đồi, tôi bỗng nghe tiếng cười nói ở phía dưới vọng lên: trong làn nắng sớm lấp lánh xuyên qua đám lá còn ướt đẫm mưa

mấy cô gái Thượng đang lội suối để bắt ốc, mò cua. Có lẽ họ đến từ một thôn xóm xa xôi nào, vì xung quanh đây, không có làng mạc nào cả. Cái cảnh tượng đơn sơ ấy, - biểu hiệu duy nhất của sự sống ở nơi hoang lương này, ngoài hoạt động rất hạn chế của trại giam - đã bắt ngờ an ủi tôi. Ít ra, chúng tôi cũng chưa bị tách ra hẳn với thế giới bên ngoài. Tôi cảm thấy bớt cô đơn, và cùng một lúc, nhận thức mình mến yêu sự sống đến mức độ nào.

Những ngày tù nối tiếp nhau, đều đặn. Chúng tôi dần dần quen với nếp sống mới, tìm hiểu về hoạt động của trại giam, và về

những người bạn tù ở đây đã lâu. Thời gian giúp cho họ thích nghi với cuộc sống lao tù. Họ ít chuyện vãn với chúng tôi, và những tin tức họ tiết lộ thường rất sơ lược. Chẳng hạn, họ cho biết có người được thả về sau một thời gian lao động cải tạo, có người phải chuyển đi trại khác để tăng gia sản xuất, có người gia nhập bộ đội giải phóng. Do đó, trong giao tế hằng ngày, chúng tôi rất thận trọng. Có lẽ trước khi chúng tôi đến trại này, họ đã được học tập để có một thái độ phù hợp với chính sách chung, và các cán bộ đã gây chia rẽ giữa họ và chúng tôi bằng cách tạo ra mối "căm thù giai cấp". Có thể họ đã được giải thích rằng họ thuộc giai cấp bị bóc lột, và chúng tôi là những người bóc lột. Qua ngôn ngữ và cử chỉ của họ, có thể đoán rằng, trong một phạm vi nào đó, họ đã ít nhiều chịu ảnh hưởng của sự tuyên truyền của Việt Cộng.

Chúng tôi cũng theo dõi thái độ của các cán bộ để dò xét tình hình chiến sự nhưng không thấy họ để lộ một dấu hiệu nào có thể giúp cho chúng tôi suy đoán. Cũng trong mục đích đó, chúng tôi chờ đợi những người bị bắt khác có thể được đưa đến trại này nhưng không có ai đến thêm. Chúng tôi thắc mắc, lo âu cho gia đình còn bị kẹt lại ở Huế trong cơn khói lửa.

Trong những điều kiện quá đổi thiếu thốn, chúng tôi cố gắng thu xếp co dờn sống vật chất được tương đối ổn định, để nghỉ ngơi cho lại sức sau lần chuyển trại vất vả, vì chúng tôi nghĩ rằng sẽ lưu lại đây một thời gian.

(Còn tiếp kỳ sau)

ĐÍNH CHÍNH: Trên Văn Học số 1, bài thơ *Cùng chung chiến tuyến* của Nguyễn Mai Thạch có sai một chữ quan trọng sau đây, xin quý bạn đọc sửa giúp cho :

Câu thứ tư kể từ dưới lên, in là :

Lá rộn ràng chờ đón viên phương

đáng ra phải là :

Lá rộn ràng chờ gió viên phương.

NHẮN TIN CÂY ĐĂNG

Xin trả lời chung một số bạn đọc điện thoại hoặc viết thư về toà soạn Văn Học hỏi về cuốn Mùa Biển Động tập 3:

Theo dự định, tôi sẽ cho phát hành Mùa Biển Động tập 3 vào tháng 2.1986. Nhưng vì điều kiện tài chánh không cho phép, nên tập 3 bộ trường thiên tiểu thuyết này chỉ có thể được phát hành vào tháng 8.1986. Trân trọng cảm tạ sự ưu ái của Quý bạn, và xin cố gắng ra cuốn sách này đúng hạn.

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác

Bùi Vĩnh Phúc

Độc Lớp sóng phé hưng của Hồ Trường An

Phong Trào Thanh niên Hành động xuất bản, 184 trang, sách biểu không bán, ấn hành tại Paris, Pháp

Lớp sóng phé hưng là một truyện dài, tác phẩm đầu tay và cũng là tác phẩm đầu tiên được xuất bản tại hải ngoại của nhà văn Hồ Trường An. Cuốn sách do Phong trào Thanh niên Hành động Xã hội tại Pháp xuất bản, chỉ để tặng bằng hữu văn nghệ, không bán.

Mặc dù đây là tác phẩm đầu tay được xuất bản- viết xong tại Reims ngày 10.6.83- Hồ Trường An đã là một tác giả quen thuộc đối với độc giả và giới cầm bút từ năm 1977 khi anh đến Pháp làm việc chung với tờ *Quê Mẹ* của nhà thơ Thi Vũ, và đã có thời gian làm tổng thư ký của tạp chí này.

Từ 1977, qua các hồi ký viết về đời sống các nhà văn ở lại Việt Nam dưới chế độ cộng sản đăng rải rác trên *Quê Mẹ* và vài tờ báo khác, người ta đã thấy Hồ Trường An là một nhà văn có trí nhớ tốt cũng như có lối kể chuyện hết sức sinh động.

Sau đó, người ta cũng thấy Hồ Trường An viết một số truyện ngắn, mô tả đời sống của những cặp vợ chồng Việt-Pháp trên đất Pháp với những sinh hoạt trí thức cũng như tình cảm của họ.

Loạt truyện ngắn này đưa đến những nhận xét trái ngược nhau, ít nhất là trong giới cầm bút, về cách sống và viết của nhà văn Hồ Trường An. Dù những nhận xét có trái ngược nhau về đề tài chọn lựa, về cách diễn tả của Hồ Trường An trong loạt truyện ngắn này, gần như tất cả mọi người cũng đã công nhận rằng Hồ Trường An có những nhận xét tỉ mỉ, chi li về tất cả những gì đã xảy ra quanh ông, về tất cả những gì mà ông đã sống với.

Đối với tôi, Hồ Trường An nổi bật, xuất sắc nhất và có cá tính nhất qua những truyện viết về đồng quê Miền Nam Việt Nam.

Truyện dài *Phấn Bướm* mà ông cho đăng tải trên báo *Làng Văn ở Canada*, mặc dù chưa chấm dứt, cũng cho độc giả thấy được

cả một khung cảnh Miền Nam mộc mạc, chân chất và đáng yêu của những thập niên bốn mươi, năm mươi. Con người ở đó, thời đó chưa bị những văn minh vật chất của lối sống Tây phương ảnh hưởng sau này xoi mòn. Cái đẹp của con người, của cảnh vật thời đó rất trinh sơ, thanh khiết và tự nhiên. Người ta sống với nhau đầm thắm, thân tình bên những bãi dừa nước, những *xẻo lá, doi lá*. Họ chèo thuyền trên những con kênh con rạch trải dài ngút mắt. “Những khóm dừa nước nhô lên cao như một vùng gươm giáo, vào trong đó khó mà thấy ánh sáng mặt trời”. Và những con người quê hương miền Hậu giang thuần hậu thời ấy còn sống trong những căn nhà lợp bằng lá dừa nước.

Đó là khung cảnh của truyện *Phấn Bướm*, sẽ được Viet Publications của nhà *Làng Văn* cho xuất bản sau này.

Truyện dài *Lớp sóng phé hưng* cũng có một khung cảnh tương tự. Truyện xảy ra ở một địa danh quê mùa khuất lánh vùng Hậu giang. Câu chuyện xoay quanh đời sống của một gia đình gồm 5 anh em (hai trai ba gái) đang đến tuổi dậy thì và một bà mẹ quê thời tiền chiến. Chung quanh những nhân vật này là những mẫu người khác không kém phần sinh động : người goá phụ mềm mại, ẩn ức ,chửi lộn có văn có kệ ,có văn có vi, nhưng lại hết sức chân thật và cặp mắt thì khi nào cũng ướt rượt; gã đàn ông thương hồ tú cẩm mắt đẹp hò hay; người đàn ông đứng tuổi với tấm lòng vị tha sáng trưng muốn làm mới và đẹp xã hội; gã Minh-hương chân chất chí thú làm ăn; người đàn bà hay ngồi lê đôi mách ,miệng lưỡi như dao găm, nhưng tấm lòng không hề hung hiểm, biết lễ nghĩa và nhớ ơn người đã cứu mình...

Đấy, như thế, câu chuyện mở ra, cuốn tới, và cứ xoắn tít vào nhau, trong một không khí nửa hăm hấp dục tình, nửa lâng lâng gió cuốn. Dù sao, cái *dục* ở đây đã được trình bày hết sức tự nhiên, như hơi thở, như tiếng mưa rơi trong một đêm trăng lu, như ngọn đèn phừng lên, chiếu ra những tia sáng nhỏ và reo tí tách... Cái *dục* ở đây chơn vờn ,lấp lửng, thiết tha như tiếng hò trên sông nước vào đêm trăng sáng làm rộn ràng tấm lòng cô gái đang tuổi dậy thì. Nó là tiếng mưa rơi lách tách trên mái tranh, trộn lẫn với mùi hoa lài, hoa lý, và hương thơm của trái bình bát thoang thoảng trong đêm khi ngọn đèn tân hôn vụt tắt. Cái *dục* ở đây là một phần trong dòng sống tự nhiên của cỏ cây, hoa lá, trời đất, và con người.

Trong tác phẩm *Lớp sóng phé hưng*, người đọc được dẫn về quê hương để nhìn lại biết bao hình ảnh thân mến đã xa vời trong ký ức. Hình ảnh của những đám ruộng mọc đầy cỏ lác, cỏ song chằng, thổi lao xao trên hàng cây so đũa. Những đám bòn bôn. Những đêm ngủ nóp. Bữa cơm với những đợt *choại*, rau *bọ*, rau *đắng biển*, rau *má*... tươi mát. Tiếng ếch nhái, tiếng *nhóc nhen*,

tiếng dế, tiếng côn trùng kêu vang vang trong quyển sách. Những con chim ác là, chim đồ quỳên, chim cúm nùm, chẳng bè, le le, nhạn sen...cùng với những tiếng hò tình tứ bay đầy trên sông nước. Những đám cây muồng muồng trở bóng màu hoả hoàng hực hỡ. Những cái đĩa thả đầy rau nhút. Những vuông sắn với đám cây lẻ bẹn tím, cây mít kiểng lá xanh điểm chấm vàng, cây đinh lăng lá nhỏ lẫn lẫn...Những lũ cá bạc đầu, cá rô, cá linh bơi đầy trong những ao, những đầm, những rạch với đám rau nga xanh mơn mớn, những dây rau muống bò lan. Ven bờ đê, những khóm đu đủ búp trở hoa hình ngôi sao bằng cỡ nắm tay, màu hường kiêu sa, đài các. Thằng nhỏ khoác áo tơi kết bằng lá chằm đi soi ếch. Cô gái mái tóc xức dầu dừa, chải bẩy ba rồi bụi lại như cái bí bo tròn như trái cam sành, bọc trong cái lưới đen...

Tất cả những hình ảnh đậm ứot mùi quê hương Miền Nam đó, cộng với những lời rửa sả chửi bới thô lỗ, ngọt ngào, có vần có điệu, có cung có giọng trong quyển sách cứ bám lấy tâm trí người đọc. Người ta chửi nhau để thương nhau. Lời lẽ thoạt nghe thì thô lỗ nhưng nghe sâu vào mới thấy ngọt ngào. Những người dân quê ở vùng Hóc Hoả, quận Hoả Lục, tỉnh Rạch Giá này nếu một ngày không có dịp chửi bới nhểc móc một cách yêu dấu những người mình thương thì họ ăn cơm không ngon miệng. Tiếng chửi bới, rửa sả cứ thể mà vang vang bay đầy trên những kinh những rạch, những bông hoa *quao*, những khóm *húng lủi*, những chùm *đắp cá*, *tía tô*...và rơi vào tận lòng người.

Lớp sóng phé hưng của Hồ Trường An làm tôi nhớ lại tất cả thời thơ ấu lớn lên ở khu chợ Vườn Chuối những năm 50, sau khi cùng với gia đình di cư từ Hà Nội vào. Thời đó, vùng này toàn là dân Miền Nam. Nhà cửa còn lợp lá. Những cây chuối còn mọc um tùm ở nhiều chỗ đất đai không người lui tới. Tiếng tàu lửa rầm rầm chạy ngang khu xóm mỗi ngày. Khi ấy, tôi còn rất nhỏ nhưng cũng vẫn nhớ rất rõ khuôn mặt của các bà Tư-Cầu-Muối, bà Sáu-hột-vít-lộn, bà Ba-xôi-chè...Tiếng đập cá làm vẩy chan chát trên các sạp gỗ hay trên những khuôn nhôm tròn lớn. Tiếng chửi bới, cãi cọ, cười nói không lúc nào ngơi trong khu xóm nhỏ. Những ngày hội kỳ-hương, người ta bắc gỗ lợp tranh làm một cái đình ngay giữa chợ treo đầy cờ lọng xanh đỏ, và rồi họ tế lễ, nhảy múa, hò hét, ca hát, rượu chè trong đó cả tuần...

Lớp sóng phé hưng của Hồ trường An cũng làm chúng ta nhớ đến những chuyện viết về đồng quê Miền Nam của Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc, Phi Vân...những năm về trước.

Điều kỳ lạ là nó cũng làm cho tôi nhớ đến Tô Hoài với những tác phẩm như *Quê Người*, *Chớp Bể Mưa Nguồn*...của ông, viết về đời sống làng mạc cũng như tình cảm của những người dân quê

Miền Bắc. Những người dân quê, Miền Bắc hay Miền Nam hay Miền Trung, đều làm bật sáng lên trong lòng ta cái hình ảnh chân chất, thuần hậu và mộc mạc, dễ yêu của quê hương mình. Đó chính là một trong những hình ảnh tha thiết nhất của quê hương chúng ta.

Lớp sóng phé hưng là một tác phẩm đẹp về nhiều mặt. Nó làm ta nhớ nhà, nhớ đất, nhớ quê, nhớ người. Nhớ những kinh rạch hiền hoà chảy êm đềm qua những xóm làng thân thuộc. Nhớ những ao đầm cá lội thênh thang. Nhớ những bụi chuối, những cây ngò gai, những khóm ô rô, những chùm bình bát...

Những dòng nước mát của quê hương cứ thế mà tràn về làm xao xuyến lòng người lữ thứ. Trái tim ta lại thôi thúc mãi những tiếng yêu thương.

Tôi nghĩ Hồ Trường An đã thành công với tác phẩm đầu tay của ông. Ông là một nhà văn có cá tính, đặc biệt với những tác phẩm đồng quê xuất sắc thuộc loại này.

Bùi Vinh Phúc

CÁC BẠN YÊU THƠ
KHÔNG THỂ KHÔNG CÓ :

HỒNG TRẦN

*tập thơ
cung-vũ*

Việt Publications xuất-bản
In tuyệt đẹp

Giá 5 mỹ-kim (7 gia-kim)

**HỎI MUA TẠI CÁC NHÀ SÁCH
NƠI BẠN Ở**

hoặc gửi chi-phiếu về :

VIET PUB.

1346 Bloor St. W.

Toronto, Ont. Canada

M6H 1P2

ĐT: (416) 534-4857



Nguyễn Văn phụ trách **Thời sự văn học nghệ thuật.**

KRISHNAMURTI ĐÃ TẠ THỂ

Hôm thứ hai ngày 17.2.86, Jiddu Krishnamurti, triết gia Ấn độ có rất nhiều ảnh hưởng đối với bạn đọc Việt Nam, đã tạ thế tại Ojai Cali vì bệnh ung thư, thọ 90 tuổi.

Những sách dịch của Krishnamurti do nhà An Tiêm xuất bản ở Sài gòn trước 1975 rất được nhiều người ái mộ, do tư tưởng phóng khoáng của ông khi bàn về tất cả mọi khía cạnh của đời sống tâm linh cũng như cách xử thế ở đời.

Thời trẻ, ông được tổ chức Thông-thiên-học thế giới xem như một Thiên sứ, đến nỗi người lãnh đạo của tổ chức này, bà Annie Besant đã lập hẳn một giáo đoàn đặt dưới quyền ông, để ông rao giảng sứ điệp. Nhưng khi Krishnamurti 34 tuổi, ông đã đột nhiên bảo rằng mình không có sứ mệnh thần linh nào cả, giải tán giáo đoàn, bảo rằng ông chỉ là một người bình thường. Ông nhắc đi nhắc lại rằng mình không phải là một đạo sư, những lời ông nói không đòi hỏi ai phải tin như một Chân Lý, mà chỉ là những gợi ý để mỗi người tự thức tỉnh.

Ông sống đơn giản, và chết đi với di huấn là không muốn ai nhân danh ông để đem những lời ông nói nâng lên thành một thứ hệ thống chân lý áp đặt lên kẻ khác. Có lẽ đồ đệ của ông sẽ không làm theo di huấn của ông đâu !

SHAKESPEARE ,DUỚI NHỮNG “CHIP” ĐIỆN TỬ

Rồi thế nào những cuốn sách, những cuộn băng ghi âm lời giảng của Krishnamurti cũng sẽ trở thành “sứ điệp”. Rồi sẽ có bàn cãi, kẻ giải thích thế này, kẻ thế kia. Kẻ tự nhận mình mới là “chính thống”, kẻ lên án đối thủ là “bọn xét lại”. Rồi ngay trong phái chính thống lại có người bảo mình mới là đồ đệ chân truyền bảy mươi

hai phần đầu. Rồi bàn cãi ồm ồm tới cả lên, bảo Krishnamurti nói vậy là ý thế này chứ không phải thế nọ.

Có thể cuối cùng, người không tin ở người, phải nhờ đến máy, như trường hợp một nhà nghiên cứu Mỹ nhờ đến computer để xác minh một bài thơ cổ có phải của thi hào Shakespeare hay không. Chuyện như thế này :

Ông Gary Taylor, một nhà nghiên cứu văn học trẻ tuổi ở Topeka Kansas tìm thấy ở thư viện đại học Oxford một bài thơ cổ đến ba thế kỷ rưỡi. Một bài thơ dở ! Nhưng ông khẳng khẳng bảo bài thơ dài 430 chữ này của Shakespeare. Những người ái mộ thi hào bèn nổi giận. Shakespeare mà làm bài thơ tồi thế kia à ! Cãi qua cãi lại một hồi, cuối cùng các nhà thống kê nhảy vào, mang theo máy computer để làm trọng tài.

Máy chạy một hơi, tính được toàn thể thi nghiệp Shakespeare gồm đến 884.647 chữ. Trong số chữ này, thì 14 376 chữ thi hào Anh xài có một lần rồi thôi. 4343 chữ xài hai lần, 2292 chữ xài ba lần ... Như vậy là chia theo tỉ lệ, một bài thơ 430 chữ nếu của Shakespeare phải có trung bình bảy chữ mới, và khoảng cách du di có thể thêm hay bớt đi ba chữ, tức là từ 4 đến 10 chữ mới. Cho bài thơ khuyết danh 430 chữ kia vào, computer cho thấy số chữ mới là 9. Thế là các nhà thống kê xoa tay hể hả.

Ông Shakespeare ơi ! Ông sống khôn thác thiêng xin hãy trở lại trần gian nhận quách bài thơ dở kia là của mình, cho thiên hạ khỏi phải nhờ computer phân xử phải trái nữa.

NHÀ NƯỚC VỚI NHÀ VĂN, NHÀ NÀO BÀNH ?

Vụ bài thơ cổ đến 350 năm tuy vậy vẫn là vụ nhỏ. Có chứng minh được bài thơ đó của Shakespeare ,thì Shakespeare cũng không thêm hay bớt chút vinh quang nào. Thi hào đã là mặt trời, thêm một chút ánh sáng đom đóm , hay vương thêm một chút mây, cũng thế thôi !

Có lẽ vì vậy mà giới cầm bút trên thế giới quay sang đặt chuyện khó để tranh cãi nhau chơi. Họ đặt cho đại hội văn bút quốc tế kỳ 48 họp ở New York hồi trung tuần tháng 1.86 một chủ đề hóc búa : “ Trí tưởng tượng của nhà văn, và trí tưởng tượng của nhà nước ”.

Tưởng đại hội qui tụ gần 800 cây bút thượng thặng của thế giới lại, thì chắc chắn mèo phải khen mèo dài đuôi, trí tưởng tượng của nhà văn phải được công nhận là ăn đứt trí tưởng tượng của nhà nước.

Nhưng sự đời không đơn giản vậy !

Nữ tiểu thuyết gia Nam Phi Nadine Gordimer hận nhà nước phân biệt chủng tộc của bà, tuyên bố thẳng thừng : “Nhà nước

chẳng có khả năng tưởng tượng gì cả”

Ông bạn đồng nghiệp Tây Đức của bà, nhà văn Guenter Grass tác giả cuốn *Cái trống thiếc* thì bảo : “ Tôi nghĩ là nhà nước có khả năng tưởng tượng”. Nói thế chưa đủ, ông còn phang thêm một câu không nề nang phụ nữ chút nào : “ Và tôi e rằng nhà nước còn có sức tưởng tượng lớn hơn chúng ta nữa”.

Thấy không khí căng quá, một ông nhà văn Tây Đức khác nhảy vào nói hàng hai :“ Sự tưởng tượng của nhà nước, theo tôi hiểu, khác sự tưởng tượng của chúng ta, chẳng những ở giá trị nghệ thuật, mà còn ở chủ đích nữa”.

ÔNG NHÀ NƯỚC TỚI !

Nhưng, ơ kìa, muốn biết ông nhà nước có khả năng tưởng tượng hay không, thì phải mời một ông tới hỏi ông chứ !

Điều này nhà văn chủ tịch văn bút Mỹ Norman Mailer đã *tưởng tượng* ra trước, nên đại hội chưa khai mạc, ông đã đạt giấy mời ngoại trưởng Mỹ phát biểu trước đại hội.

Tin ngoại trưởng Mỹ George P. Shultz sẽ đến nói chuyện với các nhà văn liền khiến nhiều nhà văn nổi sùng. Nhiều người lớn tiếng phản đối.

Nhà văn nữ Grace Paley tức giận bảo : “ Không phải ai cũng được tới đây! Cả đại hội này sẽ mất hết ý nghĩa nếu cho lão Shultz tới. Thật là một sỉ nhục ! Lão ta có phải là nhà văn đâu ? Lão đến đây làm gì ?”

Cuối cùng nhờ tài khéo ăn khéo nói của ban tổ chức, mọi sự được dàn xếp êm đẹp. Ngoại trưởng Mỹ tới nói chuyện, và rõ ràng ông là một nhà ngoại giao lão luyện. Ông xoa vuốt, tăng bốc người cầm bút thật khéo, thật *quá sức tưởng tượng* của chính giới cầm bút. Như vậy Guenter Grass nói đúng quá ! Ông nhà nước ỡ ràng *tưởng tượng* trước được phản ứng của giới nhà văn, trong khi giới nhà văn lại không chịu *tưởng tượng* là ông nhà nước sẽ tới ban huấn từ. Thua cuộc rồi !

ÔNG NHÀ NƯỚC LÀ NHẤT !

Nói cho công bằng, phản ứng gay gắt của bà Nadine Gordimer không phải là không có lý do, và khi nhà văn Mỹ John Updike ôn hoà thiện cảm với ông nhà nước (bảo rằng chỉ cần vài xu tem ông có thể gửi thư cho bất cứ ông lớn nào, và được ông lớn ấy phúc đáp cẩn thận; bảo rằng ông chỉ việc ngồi nhà bỏ bản thảo vào bì thư nhờ bưu điện chuyển đi là ít lâu sau bưu điện mang thư có check nhậu bút về, khoẻ ru), Updike cũng có lý do chính đáng của ông. Đơn giản là : Còn tùy ông nhà nước dễ thương hay khó thương !

John Updike, Norman Mailer may mắn có những ông nhà nước khá dễ thương, nhưng nhiều người cầm bút khác, nhất là những người cầm bút sống dưới chế độ độc tài, cộng sản, thì không thể nào không phẫn nộ như bà Nadine Gordimer được !

Vì ông nhà nước độc tài, cộng sản tự phong cho mình cái quyền nắm giữ chân lý, quyền quyết định cái gì là tốt, cái gì là xấu, cái gì đúng, cái gì sai. Đảng và Nhà nước là nhất !!! Viết đúng chỉ thị của Đảng và Nhà nước là "Nghệ Thuật" !!! Không viết đúng, Đảng và Nhà nước sẽ cho "học tập cải tạo" để viết cho đúng ! Cái gì nhà nước cũng suy nghĩ sẵn, tưởng tượng giùm, nhà văn "tốt" chỉ việc theo lệnh nhà nước mà làm !

Cho nên chẳng có gì lạ khi tay chớp bu cộng sản nào cũng khoái viết văn làm thơ. Nào "thi hào" Mao Trạch Đông, nào "thi hào" Hồ Chí Minh, nào "thi hào Fidel Castro", nào "văn hào" Brezhnev... Nhà nước kiêm luôn nhà văn, tiện sở sách ! Những tay nhà văn muốn *tưởng tượng* theo ý mình, lương tâm mình, đã có "trại học tập cải tạo", hay nhà thương điên.

HỌC HOÀI CHƯA THUỘC BÀI !

"Học tập" để được "cải tạo" thành nhà văn ngoan, khó quá !

Nhưng không phải không ai làm được. Nhà thơ kiêm nhà nước Tố Hữu *ngoa*n với Bác, dĩ nhiên, nhưng còn *ngoa*n luôn với Bác Stalin nữa. Chuyện đó dễ hiểu, vì nhà thơ khoái làm nhà nước hơn làm nhà thơ. Xuân Diệu vốn là một nhà thơ đích thực. *Thơ Thơ, Gửi Hương Cho Gió* là những tập thơ tình tuyệt vời dành cho tình yêu muôn nơi, muôn thuở. Lúc trẻ, ông định nghĩa chữ *thi sĩ* thật hách :

Là thi sĩ nghĩa là ru với gió

Mơ theo trăng và vờ vẩn cùng mây

Nhưng khi bị "nhà thơ" Sóng Hồng sửa lưng, nhà thơ đích thực đâm *ngoa*n. Mới đây, tin từ Pháp cho biết Xuân Diệu đã chết.

Thôi ! Xin cầu chúc linh hồn nhà thơ được tự do *ru với gió, vờ vẩn cùng mây*, để quên những ngày *ngoa*n ngoãn bất đắc dĩ.

Nhưng còn có rất nhiều người cầm bút Việt Nam nhất định không chịu *ngoa*n. Nhất là giới cầm bút Miền Nam. Thế là ông nhà nước Hà nội cho "học tập cải tạo". Có người "học" đến 10 năm về "khả năng tưởng tượng vĩ đại của nhà nước" mới được cho về như Nguyễn Sĩ Tế, Tô Thùy Yên, Lý Đại Nguyên, Uyên Thao...

Có người nhất định không chịu *ngoa*n, nhất định làm người cầm bút chân chính, như Phan Nhật Nam, nên vẫn còn phải chịu "cải tạo". Có người nhà nước "cải tạo" xong, tạm phóng thích, rồi chưa yên tâm, nhà nước lại bắt "cải tạo" lần nữa như trường hợp Đoàn Quốc Sĩ, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường... Mới đây

nhất, có tin từ Việt Nam cho biết cộng sản VN đã bắt hai nhà văn Nguyễn đình Toàn và Thanh Tâm Tuyền “học tập” trở lại.

VĂN BÚT VIỆT NAM LÊN TIẾNG

Chính vì tình trạng lộng hành của những nhà nước độc tài cộng sản như đã xảy ra ở Việt Nam, mà tại đại hội văn bút kỳ thứ 48 ở New York vừa qua, tất cả những cuộc thảo luận quan trọng được mọi nhà văn đồng thanh ủng hộ đều xoay quanh vấn đề tranh đấu cho những người cầm bút hiện bị nhà nước giam cầm vì lời viết trung thực của mình. Luật sư Trần thanh Hiệp, chủ tịch trung tâm văn bút Việt Nam hải ngoại, cùng với giáo sư Nguyễn ngọc Bích, đã lên tiếng trước đại hội, và đưa ra một bản nghị quyết đòi hỏi Hà nội phải trả tự do cho những người cầm bút VN bị cầm tù. Bản nghị quyết 3 điểm đã được đại hội văn bút thông qua.

Ít ra, nhà nước cộng sản Việt Nam cũng không đủ sức tưởng tượng hết được sức mạnh của những người cầm bút tự do không chịu ngoan ngoãn. Và đó là điều vui cho mùa xuân năm Cọp.

NHỮNG TIN VUI KHÁC

Năm 1986 hứa hẹn nhiều sinh hoạt đặc sắc phong phú trong giới văn nghệ Việt Nam hải ngoại, và cũng như suốt hai năm qua, ngành văn chương báo chí vẫn tạo được nhiều kết quả nhất.

* Ở Canada, nhà xuất bản Viet Publications đã cho phát hành tập thơ *Hồng Trần* của *Cung Vũ*, dày 90 trang, do chính tác giả (tức anh Nguyễn Hữu Nghĩa chủ bút tạp chí Làng Văn) tự lo lấy phần trình bày và ấn loát. Tập thơ in đẹp, với phụ bản của Võ Đình, Ngọc Dũng, Vi Vi, Nguyễn Nhật Tân, cùng các ca khúc phổ thơ *Cung Vũ* của Lê hữu Mục, Phan ni Tấn, Khúc Lan, Châu đình An, Trọng Nghĩa, và Nguyễn hữu Nghĩa.

Viet Publications cũng sắp phát hành tập truyện ngắn đầu tay *Kẻ đưa đường* của nhà văn Võ Kỳ Điền.

* Ở Úc, nhà văn sung sức *Nguyễn Tư* đã cho phát hành một lúc hai tác phẩm : một tập văn là *Đêm lãng quên*, một tập thơ là *Bên trời lặn đạn*. Như vậy, trong vòng có hai năm, Nguyễn Tư đã xuất bản tại Úc được 4 tác phẩm, một số lượng mà những người cầm bút ở Mỹ khó lòng theo kịp.

* Ở Mỹ, tổ chức Thanh Niên Quốc Gia đã phát hành bích chương *Chân dung và tiểu sử 27 nhà cách mạng cận đại Việt Nam*, một việc làm thiết thực và cần thiết để gây tình thần đấu tranh cho Tự do và Dân tộc trong hàng ngũ thanh niên hải ngoại.

Giá mỗi tấm bích chương là 7 đô. Bạn đọc có thể liên lạc với Thanh Niên Quốc Gia, PO Box 40646 Pasadena CA 91 104 để mua tấm bích chương này.

Nguyệt san *Tuổi Hoa* do hai nhà văn tha thiết với tuổi thơ Nhật Tiến và Quyền Di đã ra số đầu tiên, hình thức trang nhã mỹ thuật, nội dung lành mạnh phong phú. Báo mới phát hành, tin vui đã lan xa, và độc giả dài hạn đã lên trên hai trăm người. Địa chỉ toà soạn của *Tuổi Hoa* cùng một chỗ với địa chỉ toà soạn *Văn Học*.

Nhà xuất bản *Văn Nghệ* đã phát hành cuốn sách đầu tiên : *Đời viết văn của tôi* của nhà văn quá cố *Nguyễn Hiến Lê*. Đây là cuốn đầu tiên trong 21 cuốn nhà văn Nguyễn Hiến Lê viết sau 1975 được xuất bản tại hải ngoại. Vì tầm vóc quan trọng của tác giả lẫn tác phẩm, tạp chí *Văn*, tạp chí *Văn Học*, nhà xuất bản *Người Việt*, nhà xuất bản *Văn Nghệ* đã phối hợp để tổ chức một buổi thảo luận về cuộc đời và văn nghiệp của Nguyễn Hiến Lê tại thành phố Westminster Nam Cali Hoa kỳ, vào ngày 22.2.86.

Sau cuốn *Đời viết văn của tôi*, nhà xuất bản *Văn Nghệ* sẽ phát hành cuốn *Tùy Bút I* của Võ Phiến, sau đó là những tác phẩm của Bình Nguyên Lộc, Giản Chi, Nguyễn Mộng Giác, Phan thị Trọng Tuyển, Hồ Trường An...

Đặc biệt nhà văn Bình Nguyên Lộc, tuy sức khoẻ còn yếu, nhưng vừa tới Mỹ đã bắt đầu viết trở lại. Ngoài việc tiếp tục công trình sưu khảo về nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam, Bình Nguyên Lộc đã viết truyện ngắn và nhận định đóng góp cho *Văn Học* số 3 sắp ra vào tháng sau.

HÃY TÌM MUA NGAY **ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI**

Tập hồi ký đầy những tiết lộ bất ngờ

Tác phẩm cuối cùng của nhà văn

NGUYỄN HIẾN LÊ.

Trước ngày lâm chung, nhà văn phong phú nhất, nghiêm chỉnh nhất, khải kính nhất của Miền Nam tự do, tự kiểm điểm đời mình và :

* Kể lại từng bước một sự nghiệp đồ sộ nhất của lịch sử văn học Việt Nam đã được thành hình như thế nào ?

* Nhận xét về nền văn học Miền Nam trong khoảng thời gian 1954-1975

* Nhận xét về các khuôn mặt văn nghệ sĩ Miền Nam

* So sánh văn học Miền Nam và văn học Miền Bắc.

* Kể lại những tác phẩm ông đã viết, những hoạt động của ông, đời sống của ông sau tháng 4 năm 1975.

DO VĂN NGHỆ XUẤT BẢN

Sách dày 276 trang - Giá \$10.00 US

Ngoài Hoa Kỳ, thêm \$ 1.50 US cước phí.

Độc giả và các nhà sách xin liên lạc với :

Ông Võ Thắng Tiết

15551 S. Pasadena Ave # A

Tustin, Calif, 92 680 USA.

Điện thoại : (714) 838 8432

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ DANH TIẾNG

SULLIVAN



ĐỒNG BẢO TÀI ORANGE COUNTY

Nói tiếng Việt xin gọi số:
(714) 895-6850

ĐỒNG BẢO TÀI LOS ANGELES COUNTY

Nói tiếng Việt & Trung Hoa xin gọi số:
(213) 738-7327

Ở XA XIN GỌI TOLL FREE 1-800 -531-0020

9061 BOLSA Ave. #205
WESTMINSTER, CA. 92683

GIỜ LÀM VIỆC:

Từ 9:00AM đến 6:00PM
(Thứ Hai đến thứ Bảy)



2024 North BROADWAY #205
SANTA ANA, CA. 92706

2252 BEVERLY Blvd #207
LOS ANGELES, CA. 90057

GIỜ LÀM VIỆC:

Từ 9:00AM đến 6:00PM
(Thứ Hai đến thứ Bảy)



One MANCHESTER Blvd.
INGLEWOOD CITY HALL #500
INGLEWOOD, CA. 90301



9 LÝ DO

Bị Tai Nạn Phải Tìm Cho Được
VĂN PHÒNG LUẬT SƯ DANH TIẾNG

SULLIVAN

1. Luật Sư lừng danh khắp nơi vì đã thắng nhiều vụ kiện trên 1 triệu dollar. Đặc biệt trong vụ cháy khách sạn MGM tại Las Vegas ông đã đem về 14 triệu cho thân chủ.
2. Đang thụ lý nhiều vụ kiện lớn như vụ rơi máy bay PAN AM tại New Orleans, KOREAN AIRLINE tại không phận Nga Xô. Riêng đối với cộng đồng Việt Nam, ông đang thụ lý vụ kiện hàng bao chế thuốc dưỡng thai Bendictin, và các vụ tai nạn chết người.
- 3/ Văn Phòng Luật Sư chuyên về tai nạn lớn thứ ba tại California với hơn 40 luật sư và nhân viên công tác, gồm cả những luật sư lừng la danh an, biện lý và công tố viên tại toà án Hoa Kỳ, và 8 văn phòng quốc nội và quốc ngoại.
- 4/ Kinh nghiệm 18 năm trong ngành luật. Đấu tranh tận tình cho thân chủ tại toa thượng thẩm và Tối Cao Pháp Viện.
5. Biệt tài hùng biện trước toa và các cơ quan hoa giải. Uy tín với các hãng bảo hiểm. Mưu lược khi thương lượng để đạt kết quả tối đa.
6. Rất nặng nq với người Việt Nam. Cựu đại úy Thủy Quân Lục Chiến tại chiến trường Việt Nam. Từng tham gia các trận đánh lớn và đã giải ngũ với anh dũng bởi tình vì bị thương tại chiến trường biên giới Việt Miên.
7. Là người bạn chân tình của cộng đồng Việt Nam. Phục vụ cộng đồng Việt Nam từ năm 1975 với hàng ngàn thân chủ hải ngoại và quê miền.
8. Là người giúp cho thân chủ được hưởng quyền lợi tối đa khi bị tai nạn.
9. Chỉ nhận thù lao khi thắng kiện.

THAM KHẢO LUÔN LUÔN MIỄN PHÍ

BÁC SĨ
TRẦN NGỌC NINH

Phòng mạch chữa bệnh và giải phẫu
tại Trung Tâm Y Khoa Bristol
2720 South Bristol, Suite 206
Santa Ana, CA 92704

(714) 549-2252

Làm việc theo hẹn
từ thứ hai đến thứ sáu



- Nguyên Giáo sư Y Khoa đại học Saigon
- Thạc sĩ Y Khoa Pháp
- Hội viên hội Chỉnh trực và thương khoa Pháp
- Hội viên Hội Chỉnh trực và thương khoa quốc tế
- Nguyên giảng viên khoa giải phẫu tiểu nhi
đại học Pittsburg, PA.
- American Board of Orthopedic Surgery
- Hội viên hội Giải phẫu Tiểu nhi Anh và Pháp quốc
- Hội viên Hội giải phẫu Pháp.



Y - NHA KHOA

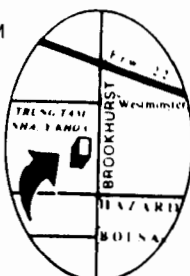
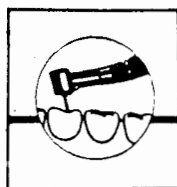
14265 Brookhurst St.
(Giữa Westminster và Hazard)
Garden Grove, CA 92643
(714) 531-3263

Nữ Bác Sĩ Y Khoa NGUYỄN THỊ NHUẬN

Tốt nghiệp chuyên môn Nhi Khoa tại UCI Medical Center
Bác Sĩ điều trị những bệnh viện lớn
vùng Long Beach và Orange County

CHUYÊN TRỊ BỆNH TRẺ EM KHÁM BỆNH PHỤ NỮ

Giờ làm việc :
Thứ Hai đến Thứ Bảy : 10AM-6PM
Chủ Nhật : Theo hẹn



Nữ Bác Sĩ Nha Khoa NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

**NHA KHOA TỔNG QUÁT
NHA KHOA NHI ĐỒNG
NHA KHOA THẨM MỸ
RĂNG GIẢ CÁC LOẠI**

Ứng dụng máy móc kỹ thuật tối tân nhất

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDI-CAL

*Dành mọi điều kiện dễ dàng cho quý vị có bảo hiểm
hoặc trả tiền mặt.*

THAM KHẢO MIỄN PHÍ

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến thứ Sáu : 10AM-7PM
Thứ Bảy : 10AM-5PM



Bác Sĩ HUỖNH HỮU CỬU

Diplomate, American Board of Ophthalmology

Trị bệnh mắt, Giải phẫu mắt, Làm kính, Soft Contact Lens

Làm việc theo hẹn

Nhận Medi-Cal và Bảo hiểm

9559 Bolsa Ave., Suite B, Westminster, CA 92683

(Góc Bushard, trên lầu Bolsa Mini Mall)

(714) 531-9401



Bác Sĩ BÙI ĐỒNG

Nguyên Giảng Huấn Trưởng Đại Học Y Khoa Saigon

Nguyên Sĩ chuyên môn Bệnh viện Bình Dân, Nhi Đồng và Sùng Chính

Hội viên Hội Hàn Lâm Viện Ngoại Da Hoa Kỳ

CHUYÊN TRỊ

- Bệnh ngoài da và hoa liễu (Skin Diseases & Veneral Diseases)
- Bệnh Dị ứng (Allergy)
- Giải phẫu da (Skin Surgery)

9559 Bolsa Ave, Suite A, Westminster, CA 92683

(714) 531-4616 / 4617

AN TIÊM

Đóng sách mạ vàng

Reliure

34, Rue Alphonse Melun

94230 CACHAN - Tél. 46-65-16-30

ĐẠI DIỆN VĂN HỌC Ở ÂU-CHÂU

Nhà xuất bản AN TIÊM

34 Rue Alphonse Melun

94230 CACHAN FRANCE

Tél. 46-65-16-30

Thư và bưu phiếu xin đề:

Mr. TRƯƠNG PHÚ ccp. 22.828-72 N. PARIS



Bác Sĩ
VƯƠNG ĐỨC HẬU.

M.D., F.A.C.O.G

**Diplomate American Board of
Obstetrics and Gynecology**

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

- THÂM THAI VÀ ĐỒ ĐỀ.
- BỆNH ĐÀN BÀ, HUYẾT TRẮNG - KẾ HOẠCH HOA GIA ĐÌNH: CỘT HOẶC ĐỐT ống dẫn trứng - KINH NGUYỆT BẤT THƯỜNG.
- HIỂM MUỘN VÀ GIẢI PHẪU HIỂM MUỘN
- GIẢI PHẪU BỆNH PHỤ NỮ, BỆNH SA TỬ CUNG, VÀ SỬA ÂM ĐẠO
- TRUY TÌM VÀ CHỮA TRỊ UNG THƯ CỐ TỬ CUNG, TỬ CUNG...

PHÒNG MẠCH:

TRUNG TÂM Y TẾ CHUYÊN KHOA
14536 Brookhurst St. (góc Hazard)
Phòng 101, Westminster, CA 92683

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00 đến 6:00
Thứ Bảy: 9:30 đến 2:00 P.M.
Nghỉ sáng thứ tư và chủ nhật

Điện Thoại: (714) 531-5505

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM, XIN HẸN TRƯỚC

TUẦN BÁO THỜI SỰ NGHỆ THUẬT

XUẤT BẢN MỖI THÁNG
CHỦ BIÊN HOÀI ĐIẾP TỬ

mai

**ĐEM NGUỒN VUI SỐNG ĐẾN
KHẮP CÁC GIA ĐÌNH VIỆT NAM**

TÒA SOẠN:

10708 Westminster Ave. □ Garden Grove, CA 92643

714.638.8798

DỊCH VỤ:
(213) 687-3211
BẢO HIỂM:
(213) 625-7185

MINH-LỘC DỊCH VỤ
CHINATOWN PLAZA
818 N. BROADWAY, STE., 203B, LẦU 2
LOS ANGELES, CA 90012

PHỤ TRÁCH:
LÊ THANH LỘC
KIỀU VĂN BẦU

DI TRÚ

O.D.P. ĐOÀN TỤ

CHINATOWN INSURANCE

QUỐC TỊCH: \$25.00

- CHỤP HÌNH VÀ LẤN TAY.
- NỘP ĐƠN SỞ DI-TRÚ
- TÀI LIỆU HỌC THỊ NHẬP TỊCH
- BIÊN NHẬN CỦA SỞ DI-TRÚ

THẺ XANH: \$25.00

- CHỤP HÌNH, LẤN TAY, LẬP HỒ SƠ, TUYÊN THỆ.

RE-ENTRY PERMIT: \$45.00

- ▲ Chụp hình, đánh mẫu đơn,
- ▲ nộp đơn tại Sở Di-Trú.
- Và lệ phí của Sở Di-Trú.

CHUYÊN LO:

Đoàn tụ gia đình ODP
VỚI THÂN NHÂN Ở V.N. VÀ
NGOẠI QUỐC.

— O.D.P. có số IV màu lẹ —

- XIN GIẤY XÁC NHẬN: G-641, L.O.I. (GIẤY GIỚI THIỆU)
- XIN GIẤY NHẬP CẢNH MỸ (I-130 - I-171)
- PHIÊN DỊCH KHAI SANH, HÔN THỦ.
- LÀM THẺ VÌ KHAI SANH, HÔN THỦ, KHAI TỬ.
- THỊ THỰC CHỜ KỲ

ĐẶC BIỆT!!

GỬI THUỐC TÂY TỪ PHÁP VỀ VIỆT
NAM (BẢO ĐÀM, MAU LẺ, TIẾT KIỆM)

PHỤ TRÁCH: NGÔ ANH LINH

Bắt đầu từ tháng 7 những người không có bảo hiểm sẽ bị phạt hoặc tịch thu bằng lái

- Chúng tôi có giá rất đặc biệt cho người mới có bằng lái hay những người chưa có bảo hiểm.
- Giá hạ cho quý vị có nhiều xe, bằng lái nhiều năm, lái xe cẩn thận.
- Bảo hiểm nhà cửa, thương mại, sức khỏe và nhân thọ.

CHÚNG TÔI ĐẠI DIỆN NHIỀU
CÔNG TY NÊN CÓ GIÁ HẠ CHO
QUÝ VỊ.

Kính Mời

FREE PARKING DƯỚI HẦM

MỞ CỬA 7 NGÀY
9:00 AM - 6:00 PM

KHAI THUẾ LỢI TỨC

BÁC SĨ BÙI MINH ĐỨC

Chuyên Khoa Tai Mũi Họng, Giải Phẫu Đầu và Cổ

HỘI VIÊN HỘI TAI MŨI HỌNG HOA KỲ (FELLOW AMERICAN ACADEMY OF OTOLARYNGOLOGY HEAD AND NECK SURGERY) và HỘI VIÊN TAI MŨI HỌNG ĐỨC QUỐC.



- **Tốt nghiệp chương trình Hậu Đại Học chuyên khoa Tai Mũi Họng, Giải phẫu Đầu và Cổ Hoa Kỳ** (University of Louisville, Kentucky, USA).
- **Tốt nghiệp chương trình Hậu Đại Học chuyên khoa Tai Mũi, Họng, Giải phẫu Đầu và Cổ Đức Quốc.** (HNO, Universitäts-klinik Würzburg, Deutschland).
- **Nguyên Giáo Sư, Trưởng Khu Tai Mũi Họng Đại Học Y Khoa Huế, Việt Nam.**

Chuyên trị và Giải phẫu các bệnh về :

- ☐ **TAI** : Tai thối, chảy mủ kinh niên, tai điếc. Giải phẫu Tai bằng kính hiển vi (Vi Phẫu Tai). Đo thính lực và giúp mang máy điếc.
- ☐ **MŨI** : Mũi nghẹt kinh niên, thối mũi, đau. Tim và chữa trị bệnh Biện ứng.
- ☐ **HỌNG** : Khàn giọng, nuốt nghẹn, nghẹt thở, hạch ở cổ. Tim và chữa trị Ung thư ở Cổ và Khí quản.

ĐẦY ĐÚ DUNG CỤ TỐI TÂN ĐỂ TIM BỆNH VÀ CHỮA BỆNH VỀ TAI MŨI HỌNG, ĐẦU VÀ CỔ.

9131 Bolsa Avenue, Suite 201
Westminster, CA 92683
(Khu Chợ Vại Wai Wai)

Điện thoại : (714) 894-5581
Nhận MEDICAL, MEDICARE
và Bảo Hiểm

GIỜ KHAM BỆNH :

Ngày thường từ 1 giờ chiều đến 6 giờ chiều
Thứ Bảy : từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều
Chủ Nhật : Nghỉ.

Xin lấy hẹn trước



LÁ BỐI tại Bắc Mỹ Châu

P.O. Box 3687

San Jose, CA. 95156

Điện thoại : (408) 729-5440

Thư về : Cô Nguyễn thị Bích Thủy

Chỉ chiều xin đề : Lá Bối

ĐÃ PHÁT HÀNH :

- **Trái Tim Mật Trời** : từ chánh niệm đến thiền quán
của Nhất Hạnh 5.00
- **Am Mây Ngủ** (truyện ngoại sử) của Nhất Hạnh 5.00
- **Phép Lạ Của Sự Tĩnh Thúc** : Cẩm nang tu thiền
của Nhất Hạnh 5.00
- **Văn Lang Di Sử** (truyện cổ tích nước Văn Lang
của Nguyễn Lang 7.00
- **Đi** (truyện dài sáng tác quốc nội) của Hồ Khanh 7.00
- **Tương Lai Văn Hóa Việt Nam** (khảo luận) của Nhất Hạnh 3.00
- **Tương Lai Thiền Học Việt Nam** của Nhất Hạnh 3.00
- **Buổi** (tập truyện) của Nhất Hạnh 5.50
- **Nẻo Về Cửa Ý** (truyện dài tái bản lần thứ năm)
của Nhất Hạnh 7.00
- **Nói Với Tuổi Hai Mươi** (hơn 50 ngàn ấn bản ở Việt Nam
và Pháp) của Nhất Hạnh 4.00
- **Bóng Hồng Cài Áo** của Nhất Hạnh 1.00
- **Đạo Phật Ngày Nay** của Nhất Hạnh 5.00
- **Thiền Hành Yếu Chỉ** của Nhất Hạnh 2.00
- **Kinh Người Biết Sống Một Mình** biếu
- **Tổ** (tập truyện) của Nhất Hạnh 6.00
- **Đạo Phật Hiện Đại Học** của Nhất Hạnh 6.00
- **Từng bước nở Hoa Sen** (Thi kệ Nhật tụng)
của Nhất Hạnh 4.00

SẮP PHÁT HÀNH :

- **Việt Nam Phật Giáo Sử Luận I và II** của Nguyễn Lang



AUTO CENTER

101 Harbor , Santa Ana, CA, 92 703

(Góc First và Harbor Blvd)

(714) 554 3000 & 554 3001.



CHÚNG TÔI MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN



Chúng tôi nhận sửa tất cả các loại xe,
hư hỏng dù nặng nhẹ.(Xin gọi trước
để ước tính giá cả. Free Estimate.)

Giờ mở cửa : 8.30 sáng đến 7.00 chiều

Chủ nhật : 8.30 sáng đến 4.00 chiều.

Lê Đức Long kính mời.

Giá đặc biệt cho khách hàng của LONG'S

AUTO

Độc và cổ động

VĂN HỌC

Phiếu mua báo dài hạn

Họ và tên bạn đọc.....
Địa chỉ :

Zip Code.....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....

*Sáu tháng..... \$11.00 US

*Một năm..... \$20.00 US

*Hai năm..... \$35.00 US

*Mỗi số\$2.00 US

*Báo gửi hạng nhất hay gửi ngoài Hoa kỳ và Canada trả thêm
bưu phí theo giá tiền dưới đây:

*Giá bưu phí hạng nhất gửi trong Hoa Kỳ, Canada : \$1.00 US
cho mỗi số báo.

*Giá bưu phí gửi báo mỗi số đi các nơi khác:

BÁO GỬI ĐI ÂU CHÂU

Máy bay mỗi số.....\$2.50 US

Tàu thủy mỗi số\$1.02 US

BÁO GỬI ĐI ÚC VÀ Á CHÂU

Máy bay mỗi số.....\$3.18 US

Tàu thủy mỗi số\$1.02

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Tôi muốn mua :

6 tháng báo Văn Học từ số.....

1 năm báo Văn Học từ số.....

2 năm báo Văn Học từ số.....

Để tặng cho:

Địa chỉ:

.....

.....

Yêu cầu ghi mỗi kỳ do :.....

gửi tặng . Chi phiếu và thư từ xin gửi về :

Tạp chí Văn Học

10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA, 92 643

Chi phiếu xin đề : Văn Học

NHỮNG HIỆU SÁCH CÓ BÁN TẠP CHÍ VĂN HỌC

HOA KỲ

Nhà sách Thăng Long
528 W. Alpine Street
Los Angeles Cali, 90012

Nhà sách Tự Lực
14318 Brookhurt Street
Garden Grove, Cali 92 643

Nhà sách Tú Quỳnh
9583 Bolsa Ave
Westminster, Cali, 92 683

Nhà sách Văn Khoa
9393 Bolsa Ave, Suite E
Westminster, Cali, 92 683

Nhà sách Toàn Thư
79 S. Third Street suite 12
San Jose, Cali, 95 113

Nhà sách Thanh Thúy
535 Eddy Street
San Francisco, Cali, 94 109

Nhà sách Sài Gòn
1034 S. Jackson Street
Seattle, WA, 98 104

Nhà sách Alpha
3101 Wilson Blvd
Arlington, VA, 22201

Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd
Falls Church VA, 22 044

Nhà sách Văn Hữu
2801 Milam Street
Houston, Texas, 77 006

CANADA

Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington
Montréal Québec H3S 2J5
Canada

Bảo Làng Văn
1346 Bloor Street West
Toronto, Ontario M6H 1P2
Canada

ÚC ĐẠI LỢI

Nhà sách Nam Anh
1st floor, 34 Old Town Center
Banktown, 2200
Australia

PHÁP

Nhà xuất bản An Tiêm
34 Rue Alphonse Melun
94 230 Cachan, France

Tạp chí VĂN HỌC
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA, 92 643 USA
Điện thoại : (714) 838 8432

Đi 8915 } 30 phút - sang khách sạn
Đến 8945 } 15 phút khách sạn → 45 phút -
Đi 5552 } ≈ 14.5 miles -
Đến 669 }

CHỦ ĐỀ VĂN HỌC SỐ 3

TRUYỆN NGẮN

Số báo qui tụ được nhiều nhận định
và sáng tác xuất sắc nhất của nhiều nhà văn uy tín
đang sống và viết tại hải ngoại:

Vài ý nghĩ về truyện ngắn của Bình Nguyên Lộc
Phỏng vấn nhà văn Xuân Vũ về thực trạng giới
nhà văn cộng sản ở Miền Bắc

Văn chương Trung cộng hiện nay

Truyện ngắn mới nhất của Hồ Trường An, Nguyễn
Đức Lập, Bình Nguyên Lộc, Kiệt Tấn, Nguyễn văn
Sâm, Nhật Tiến, Phạm Quốc Bảo, Tôn Thất Tuệ,
Quyên Di, Nguyễn Mộng Giác, Định Nguyên... và
nhiều cây bút trẻ khác

878-4200
Breuer

BAN CHỦ BIÊN TẠP CHÍ VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Đức Lập, Định Nguyên, Võ Ngã
Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong, Bùi Vĩnh Phúc,
Vũ Huy Quang, Nhật Tiến, Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn.

Phụ trách bài vở và điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác

Phụ trách trị sự : Võ Thắng Tiết

Địa chỉ toà soạn : 10104 Westminster Ave, Garden Grove,
CA 92 643 (USA) Phone : (714) 838 8432

Giá \$ 2.00

5128

11